

Phần II

Những câu tục ngữ phổ thông

Mỗi một câu tục ngữ diễn đạt một ý. Chúng tôi tạm chia ra những loại như sau:

1) Luân lý, giáo dục

* Ai chê cũng mặc, ai cười mặc ai.

* Ai đâu thương kẻ ngu si, ai đâu nuôi đứa nằm lì mà ăn.

* Ai ơi, bưng bát cơm đầy, dẻo thơm một hạt, đắng cay muôn phần.

* Ai ơi, chớ bỏ ruộng hoang, bao nhiêu tấc đất tấc vàng bấy nhiêu.

* Ai ơi, đã quyết thì hành, đã đan thì lận tròn vành mới thôi.

* Ai ơi, đã quyết thì hành, đã dẫn thì vác cả cành lẩn cây.

* Ai ơi, giữ chí cho bền, dù ai xoay hướng đổi nền mặc ai.

* Ao sâu tốt cá, thâm dạ khốn thân.

* Áo rách có tư cách, người thương.

* Áo rách khéo vá hơn áo lành vụng may.

* Ăn bát cơm dẻo, nhớ nẻo đường đi.

* Ăn bớt đọi, nói bớt lời.

* Ăn cây nào, rào cây ấy.

* Ăn chọn nơi, chơi chọn bạn.

* Ăn có chỗ, đỗ có nơi.

* Ăn có chùng, chơi có độ.

* Ăn có nhai, nói có nghĩ.

* Ăn để mà sống, không phải sống để mà ăn.

(Việt-hóa tục ngữ Pháp : "*Manger pour vivre, non pas vivre pour manger*").

* Ăn đến nơi, làm đến chốn.

* Ăn đổ như gieo, cái nghèo sẽ tới.

- * Ăn gạo nhỏ kê đằm, xay, giần, sàng.
- * Ăn khoai nhỏ kê cho dây mà trồng.
- * Ăn không biết lo, của kho cũng hết.
- * Ăn lấy vị, chú ai lấy bị mà mang.
- * Ăn mày nơi cả thể, làm rể nơi đông con.
- * Ăn mặn nói ngay hơn ăn chay nói dối.
- * Ăn một miếng để tiếng cả đời.
- * Ăn quả nhỏ kê trồng cây.
- * Ăn tùy nơi, chơi tùy chốn.
- * Ăn xem nòi, ngồi xem hưởng.
- * Ăn cha nặng lắm ai ơi; nghĩa mẹ bằng trời, chín tháng cưu mang.
- * Bận bè là nghĩa tưởng tri, sao cho sau trước một bề mới nên.
- * Bảy mươi chưa què, chỗ khoe răng tốt.
- * Bảy mươi còn học bảy mươi mốt.
- * Bần thanh hơn giàu trọc.

- * Biết thì thừa thốt, không biết thì dựa cột mà nghe.
- * Bình phong khám ốc xa cù, vợ hủ thì bỏ, chớ tử mẹ cha.
- * Bồi thì ở, lỏ thì đi.
- * Bụi tre có mắt, nôi đồng có quai.
- * Cá không ăn muối cá ươn, con cãi cha mẹ trăm đường con hư.
- * Cách cho hớn của đem cho.
- * Cái nét đánh chết cái đẹp.
- * Cái răng cái tóc là góc con người.
- * Càng cay nghiệt lắm, càng oan trái nhiều.
- * Cắt dây bầu dây bí, ai nõ cắt dây chị dây em.
- * Cầm đặng chuôi, không ai cầm đặng lưỡi.
- * Cần cù bù thông minh.
- * Cây có cội, nước có nguồn.
- * Cây xanh thì lá cũng xanh, cha mẹ hiền lành để đức cho con.

* Cậy tài, cậy khéo, cậy khôn; đừng cậy có của đa ngôn quá lời.

* Chanh chua chỗ phụ, ngọt bòng chỗ ham.

* Chết đứng hơn sống quỳ.

* Chết trong hơn sống đục.

* Chết vinh hơn sống nhục.

* Chim có tổ, người có tông.

* Chọn bạn mà chơi, chọn nơi mà ở.

* Chồng giận thì vợ bớt lời, cơm sôi nhỏ lửa mấy đời cơm khê.

* Chồng giận thì vợ làm lành, cơm nguội hấp lại vẫn thành cơm ngon.

* Chồng khôn học sầy học sàng, đến khi vợ đẻ tự làm mà ăn.

* Chỗ dung kẻ gian, chỗ oán người ngay.

* Chỗ nghe quân tử ở yên, mà rồi có lúc ấm con một mình.

* Chỗ tham lấy trai tỏ biếng việc, chỗ tham lấy gái đẹp lười công.

* Chỗ thấy hùm ngủ vuốt râu; đến khi hùm dậy, đầu lâu chẳng còn.

* Chỗ thấy miếu rách mà khinh, miếu rách mặc miếu, thần linh hãy còn.

* Chỗ thấy người sang bắt quàng làm họ.

* Chỗ thấy sóng cả mà ngã tay chèo.

* Chơi hoa phải biết mùi hoa, cầm cân phải biết cân già cân non.

* Chuông kêu thử tiếng, người ngoan thử lời.

* Chữ nhẫn là chữ tựa vàng, ai mà nhẫn được thì càng sống lâu.

* Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài.

* Chữ trinh đáng giá ngàn vàng.

* Chứa chồng đi dọc đi ngang, có chồng cứ thẳng một đường mà đi.

* Có chí làm quan, có gan làm giàu.

* Có chí thì nên.

* Có chồng, bớt áo bớt khăn, bớt trang điểm phấn, kéo trai nó làm.

* Có chồng phải gánh giang sơn nhà chồng.

* Có chồng thì phải theo chồng, chồng đi hang rấn, hang rỗng cũng theo.

* Có chồng thì phải theo chồng, đắng cay cũng chịu, mặn nồng cũng vui.

* Có công mài sắt, có ngày nên kim.

* Có dong kẻ dưới mới là lượng trên.

* Có đi có lại mới toại lòng nhau. (Có qua có lại, mới toại lòng nhau).

* Có đức mặc sức mà ăn.

* Có học phải có hạnh.

* Có khó mới có miếng ăn, không dưng ai dễ đem phần đến cho.

* Có làm thì mới có ăn.

* Có ớn phải sợ, có nợ phải trả.

* Có sự nghiệp mới đứng cùng trời đất, không công danh thời nát với cỏ cây.

* Có tài mà cậy chi tài, chữ tài liền với chữ tai một vần.

* Có thân thì khổ, có khổ mới nên thân.

* Có thờ có thiêng, có kiêng có lành.

* Có vất vả mới thanh nhàn.

* Con có làm ra của vạn, tiền trăm; con ơi, hãy nhớ lúc nằm trong nôi.

* Con cháu làm dại thì hại đến danh giá ông cha.

* Con gái chửa hoang, cho vàng không lấy.

* Con gái mười bảy chỗ ngủ với cha, con trai mười ba đùng nằm với mẹ.

* Con le le mấy thuở chết chìm, người bất nhân bạc nghĩa kiếm tìm làm chi.

* Con người có tổ có tông, như cây có cội, như sông có nguồn.

* Con phải kính mến ông bà như cha mẹ.

* Cọp chết để da, người ta chết để tiếng.

* Công cha nghĩa mẹ chớ quên, ơn vua lộc nước mong đền con ỏi.

* Công cha, nghĩa mẹ, ơn thầy.

* Công cha như núi Thái Sơn, nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra.

* Cờ bạc là bác thằng bần, của nhà bán hết, tra chân vào cùm.

* Của đời ôn mệ để cho, màn không, ăn có, của kho cũng ròi.

* Của một đồng, công một nén.

* Của như non, ăn mòn cũng hết.

* Của phi nghĩa có giàu đâu; ở cho ngay thật, giàu sang mới bền.

* Của thì mặc của, đừng cậy có của, coi người mà khinh.

* Cười người chẳng nghĩ đến ta, thử sờ sau gáy xem xa hay gần.

* Cười người chớ vội cười lâu, cười người hôm trước hôm sau người cười.

- * Cứu được một người phúc đặng hà sa.
- * Dao có mài mới sắc, người có học mới khôn.
- * Dạy con, con nhỏ lấy lời, thờ cha, kính mẹ suốt đời chớ quên.
- * Dạy con từ thuở lên ba, dạy vợ từ thuở ban sơ mới về.
- * Dạy rằng chín chữ cù lao, bể sâu không ví, trời cao không bì.
- * Dầu mà lấm gạo nhiều tiền, mà ở chẳng hiền, cúng bái cũng như không.
- * Dầu mà trí thiếu, tài hèn, chịu khó nhẫn nại làm nên cỏ đờ.
- * Dầu mà sang cả ngựa cao, cũng nên bước xuống mà chào bạn xưa.
- * Dầu xây chín bức *phù đờ*, không bằng làm phúc cứu cho một người.
(*phù đờ* : tháp thờ Phật)
- * Dù đẹp tám vạn nghìn tú mà chẳng có nét cũng hư một đời.
- * Đã sinh ra kiếp đàn ông, đèo cao núi thẳm sông cùng quản chi.

* Đã thành gia thất thì thôi, đèo bông cho lắm, tội trời ai mang.

* Đánh kẻ chạy đi, không đánh kẻ chạy lại.

* Đấng trượng phu đừng thù mới đáng, đấng anh hùng đừng oán mới hay.

* Để con chẳng dạy chẳng răn, thà rằng nuôi lợn mà ăn lấy lòng.

* Đi bể nhớ phương, đi đường nhớ lối.

* Đi cho biết đó biết đây, ở nhà với mẹ biết ngày nào khôn.

* Đi cho người ta nhớ, ở cho người ta thương.

* Đi đâu mà bỏ mẹ già, gối nghiêng ai sửa, chén trà ai bưng.

* Đi việc làng giữ lấy họ, đi việc họ giữ lấy anh em.

* Điều lành giữ lại, điều歹 vứt đi.

* Điều lành thì nhớ, điều歹 quên đi.

* Đói cho sạch, rách cho thơm.

* Đói cơm hơn kẻ no rau, nghèo mà quân tử hơn giàu tiểu nhân.

* Đói lòng ăn nửa quả sung; chồng một thì lấy, chồng chung thì đừng.

* Đói lòng ăn trái thanh long, tội chi làm bé năm riêng một mình.

* Đói no một vợ một chồng, dù cho khổ sở cũng cùng chịu chung.

* Đói trẻ chó vội lo, giàu trẻ chó vội mừng.

* Đừng ham nón tốt dột mưa, đừng ham người đẹp mà thừa việc làm.

* Đừng thấy núi chê non, thấy con lớn giận lại chê trạch dài.

* Được mùa chó phụ môn khoai, đến năm Thân Dậu lấy ai bạn cùng.

[Thân, Dậu (1884, 1885) là hai năm mất mùa, dân phải ăn môn ăn khoai thay gạo].

* Đường mòn, nhân ngãi không mòn; ở sao cho đặng vuông tròn trước sau.

* Ép dầu ép mỡ ai nỡ ép duyên.

* Gà cùng một mẹ chó hoài đá nhau.

* Gà khôn gà chẳng đẻ lang, gái khôn gái chẳng bỏ làng gái đi.

* Gái chính chuyên chẳng lấy hai chồng.

* Gái khôn tránh khỏi dò đưa, trai khôn tránh khỏi vợ thừa người ta.

* Gàn mực thì đen, gàn đèn thì sáng.

* Giàu đâu những kẻ ngủ trưa, sang đâu những kẻ say sưa tối ngày.

* Giàu mà ngốc nghếch ngu si, nghèo mà biết cậu biết đi còn hơn.

* Giàu thì trữ của trữ tiền, nghèo thì tích đức để dành cho con.

* Giấy rách phải giữ lấy lề.

* Giúp nhau khi khó mới hay, nói chi tốt đẹp những ngày ấm no.

* Giữ hiếu đạo cho tròn một tiết, thời suy ra trăm nét đều nên.

* Hãy tự giúp mình, trời sẽ giúp cho.

(Việt-hóa tục ngữ Pháp: "*Aide toi, le ciel t'aidera* ").

* Hãy uốn lưỡi bảy lần trước khi nói.

(Việt-hóa tục ngữ Pháp: "*Il faut tourner la langue sept fois avant de parler*").

* Hễ thưởng thì thưởng cho trót.

* Học khôn đi lính, học tính đi buôn.

* Hút xách là chuyện chẳng lành, trâu bò vườn ruộng hóa thành khói mây.

* Kẻ có nhân mười phần chẳng khó.

* Khéo ăn thì no, khéo nằm co thì ấm.

* Khó nghèo cấy muốn gặt thuê, lấy công đổi của chó hề lụy ai.

* Khôn cho người ta dái, dại cho người ta thưởng, dở dở uống uống cho người ta ghét.

* Khôn nghề cờ bạc là khôn dại, dại chốn văn chương ấy dại khôn.

(Thơ của Tú Xương)

* *Khôn ngoan* chẳng lại thật thà, *lường thăng*, tráo *đấu* chẳng qua đong đầy.

(Chữ *khôn ngoan* trong câu này có ý nghĩa là **gian trá**. *Thăng* và *đấu* là hai dụng cụ đo lường ngày xưa).

* Khôn ngoan đối đáp người ngoài, gà cùng một mẹ chớ hoài đá nhau.

* Khôn quảng đại, đại tham lam.

* Không ai khen đám cưới, không ai cười đám ma.

* Không ăn cũng để cầm tay, biết khi mô đói, biết ngày nào no.

* Không có cá thì lấy rau má làm trọng.

* Kiếm nơi cha thảo mẹ hiền, gửi thân khuya sớm, bạc tiền đừng ham.

* Làm anh làm ả, phải ngả mặt lên.

* Làm khi lành để dành khi đau.

* Làm lúc trẻ để khỏe lúc già.

* Làm người hữu tử hữu sinh, sống lo xứng phận, thác dành tiếng thơm.

* Làm người phải biết đấng đo, phải cân nặng nhẹ, phải dò cạn sâu.

* Làm ruộng phải có trâu, làm giàu (giàu) phải có vợ.

* Làm trai cho đáng nên trai, đừng lo muộn vợ, chớ phiền muộn con.

* Làm trai cho đáng nên trai; xuống đông, đông tĩnh; lên đoài, đoài tan.

* Làm trai giữ trọn ba giềng: thảo thân, ngay chúa, vợ hiền chớ vong. (*vong* : quên)

* Làm trai quyết chí tang bồng, sao cho tỏ mặt anh hùng mới nên.

* Lấy chồng cho đáng tầm chồng, bỏ công trang điểm má hồng răng đen.

* Lấy chồng khó ở làng hơn lấy chồng sang xa xứ.

* Lấy chồng thì phải theo chồng, đừng quen thói cũ cha ông nhà mình.

* Lấy con xem mẹ, lấy gái goá xem đời chồng trước.

* Lấy của che thân, không ai lấy thân che của.

* Lấy kẻ chê chồng, chớ lấy kẻ chồng chê.

* Lấy vợ xem tông, lấy chồng xem giống.

* Liệu mà thờ mẹ kính cha, đừng tiếng nặng nhẹ, người ta chê cười.

* Liệu cơm gạo nếp.

* Lời nói chẳng mất tiền mua, lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau.

* Lời nói phải có người nghe, chẳng phải thuyền bè mạnh chống là hơn.

* Mất lòng trước, được lòng sau.

* Mẹ cha như nước như mây, làm con phải ở cho tày lòng son.

* Mẹ già quý lắm ai ơi, bớt ăn bớt ngủ mà nuôi mẹ già.

* Mèo lành ở mà bao giờ, gái ngoan ai có bày ra ngoài đường.

* Mềm thì nắn, rắn thì buông.

* Một câu nói ngay bằng ăn chay cả tháng.

* Một cây làm chẳng nên non, ba cây chụm lại thành hòn núi cao.

* Một chữ nên thầy, một ngày nên nghĩa.

* Một điều nói dối sáu hôm bảy ngày.

- * Một kho vàng không bằng một nang chữ.
- * Một lòng thờ mẹ kính cha, cho tròn chữ hiếu mới là đạo con.
- * Một nghề cho chín hơn chín mười nghề.
- * Một nghi bằng mười nghề, một nghề bằng mười tội.
- * Một nụ cười bằng mười thang thuốc bổ.
- * Một quan mua người, mười quan mua nết.
- * Một sự nhin, chín sự lành.
- * Mua thịt chó mua thịt mông; lấy chồng chó lấy đồ ông đồ thằng.
- * Mua thịt thì chọn miếng mông, lấy chồng thì chọn con tông nhà nòi.
- * Mua trâu chọn nái, cưới gái chọn dòng.
- * Mua trâu xem vó, lấy vợ xem tông.
- * Muốn biết phải hỏi, muốn giỏi phải học.
- * Muốn no thì phải chăm làm, một hạt thóc vàng, chín hạt mồ hôi.

* Muốn sang thì bắc cầu kiều, muốn con hay chữ phải yêu kính thầy.

* Nghèo trẻ chớ vội lo, giàu trẻ chớ vội mừng.

* Ngọc kia giữa mãi cũng tròn, sắt kia giữa mãi cũng thành nên kim.

* Ngựa chạy có bầy, chim bay có bạn.

* Người không học như ngọc không mài.

* Người làm ra của, của không làm ra người.

* Người mà không học khác gì đi đêm.

* Người mà vô lễ khác gì loài thú hoang.

* Người ta hữu tử hữu sanh, sống lo xứng phận, thác dành tiếng thơm.

* Nhà có ngạch, vách có tai.

* Nhịn nhau một tiếng cho xong, ai sợ chi mình, mình sợ chi ai.

* Những người cờ bạc say mê, vong gia thất thổ kẻ chê người cười.

* Những người hiếu để trung kiên, vẻ vang tiên tổ thơm danh họ hàng.

* Những người hữu thủy vô chung, là người tệ bạc tin dùng làm chi.

* Những người ích quốc lợi dân, tiếng tăm lừng lẫy gần xa nhớ đời.

* Những người tính nết thật thà, đi đâu cũng được người ta tin dùng.

* Nói chín mà làm nên mười, nói mười làm chín kẻ cười người chê.

* Nói có sách, mách có chứng.

* Nói là bạc, im lặng là vàng.

* Nói lời phải giữ lấy lời, đừng như con bướm, đậu rồi lại bay.

* Nồi đồng úp vung đồng, nồi đất úp vung đất.

* Nồi tròn úp vung tròn, nồi méo úp vung méo.

* Nước có nguồn, cây có gốc, người có tổ tiên, ông bà, cha mẹ.

* Nước còn quặng cát nên doi, hướng chi ta chẳng tài bồi cho nhau.

* Oán thù nên giải, không nên kết.

* Ổm đau chạp chữa thuốc thang, đừng nghe thầy bói, mua vàng cúng ma.

* Ổ cho có đức có nhân, mới mong đời trị được ăn lộc Trời.

(*Dạy con ở cho có hiếu*. Nguyễn Trãi. Câu 3 và 4).

* Ổ chọn nơi, chơi chọn bạn.

* Ổ đời muốn được tiếng khen, "l, tở " đi học đua chen với người.

* Ổ hiền thì lại gặp lành.

(Việt-hóa tục ngữ Trung Hoa: "*Tích thiện phùng thiện*").

* Ổ lành thì lại gặp lành, ổ ác gặp ác, rành rành chẳng sai.

* Ổn trả, nghĩa đền.

* Phận gái tú đức vẹn tuyền; công, dung, ngôn, hạnh giữ gìn chỗ quên.

* Phóng lao thì phải theo lao.

* Phòng bệnh hơn chữa bệnh.

* Phù thủy, thầy bói, lái trâu, nghe ba người đó, một xu không còn.

* Ra đi mẹ đã dặn dò, chanh chua mua lấy, ngọt
bònng chỗ mua.

* Ra tay tế-độ vớt người trầm luân.

* Sang đầu những kẻ say sưa tối ngày.

* Siêng học thì hay, siêng cày thì có.

* Sông sâu chỗ lội, đò đầy chỗ qua.

* Sống đục sao bằng thác trong.

* Ta về ta tắm ao ta, dù trong dù đục ao nhà vẫn
hơn.

* Tay làm hàm nhai, tay quai miệng trệ.

* Tha làm hôn giết làm.

* Thà rằng ăn *cá liệt xuôi*, còn hơn lấy *khách* có đuôi
trên đầu.

(*cá liệt xuôi* : loại cá có nhiều xương, rẻ tiền; *khách* : người Trung Hoa. Dưới thời nhà Thanh thống trị nước Trung Hoa, người Trung Hoa để tóc bím dài. Dân chúng Việt Nam gọi chùm tóc bím là đuôi sam hay đuôi chuột. Sau cuộc cách mạng Tân Hợi (1911) tục để tóc bím mới bãi bỏ).

* Thà rằng chết trẻ còn hơn làm lẽ chồng người.

* Thà rằng làm lễ thú muối, còn hơn làm chánh những người đần ngu.

* Thà vô sự mà ăn cơm hẩm, còn hơn đeo bệnh mà uống sâm nhung.

* Tháo thơm sau trước nhịn nhường, nhường anh nhường chị, lại nhường người trên.

* Thắng không kiêu, bại không nản.

* Thân thể có khỏe mạnh thì tâm hồn mới minh mẫn.

* Thế gian một vợ một chồng, chẳng như vua bếp hai ông một bà.

* Thì giờ là vàng bạc.

* Thiệt vàng thử lửa thử than, chuông kêu thử tiếng, người ngoan thử lời.

* Thờ cha kính mẹ hết lòng, ấy là chữ hiếu dạy trong luân thường.

* Thừa tiền thì đem đi cho, chỗ nghe thầy bói thêm lo thêm phiền.

* Thưởng cho roi cho vọt, ghét cho ngọt cho bùi.

* Thương người đày đọa tấm thân, chỗ nên ngược
đãi lòng nhân mới là.

* Thương người như thể thương thân.

* Thương thì thương cho trót, vót thì vót cho tròn.

* Tiền buôn, tiền bán ra cửa ra nhà; tiền cò, tiền bạc
thì ra ngoài đường.

* Tiếng chào cao hơn mâm cỗ.

* Tìm nơi có đức gọi thân, tìm nơi có nhân gọi cửa.

* Tin nhau buôn bán cùng nhau; thiệt hơn, hơn thiệt,
trước sau như nhời (như lời).

* Tôi trung không thờ hai chúa, gái chính chuyên chỉ
có một chồng.

* Tội lỗi lớn nhất của đời người là tội bất hiếu.

* Tốt danh hơn lành áo.

* Tốt gỗ hơn tốt nước sơn.

* Trách mình trước, trách người sau.

* Trai năm thê bảy thiếp, gái chính chuyên một
chồng.

* Trai tân, gái tân thì chối, tránh nơi có vợ, xa nơi có chồng.

* Tránh voi chẳng xấu mặt nào.

* Trăm năm bia đá cũng mòn, ngàn năm bia miệng vẫn còn trỏ trỏ.

* Trâu chết để da, người ta chết để tiếng.

* Trâu đồng nào ăn cỏ đồng nấy.

* Trẻ trồng na, già trồng chuối.

* Trót sinh ra thời phải có *cái chi chi*, không lẽ tiêu lúng ba vụn sáu.

(*cái chi chi* : công danh sự nghiệp. Hai câu thơ này của *Nguyễn Công Trứ*).

* Trông bằng mắt chỗ bắt bằng tay.

* Trồng trầu thì phải khai mương; làm trai hai vợ, phải thưởng cho đều.

* Trước biết làm nàng dâu, sau mới ra mẹ chồng.

* Tu dâu cho bằng tu nhà, thờ cha, kính mẹ ấy là chân tu.

* Tu là cõi phúc, tình là dây oan.

* Tu thân rồi mới tề gia, lòng ngay nói thật gian tà mặc ai.

* Uốn cây tử thuở còn non, dạy con tử thuở con còn thớ ngậy.

* Uống nước nhớ nguồn.

* Vay chín thì phải trả mười, phòng khi thiếu thốn có người cho vay.

* Ví dù con phượng bay qua, mẹ nói con gà, con cũng nói theo.

* Vị tình, vị nghĩa, không ai vị đĩa xôi đầy.

* Xấu người, đẹp nét còn hơn đẹp người.

* Xin đừng thấy quế, phụ hưởng; quế già quế rụi, hưởng trăm thơm xa.

2) Lịch sử

* Ăn sung nằm gốc cây sung, lấy chông thì lấy, nằm chung không nằm.

[Theo Ứng Luận trong cuốn Ca dao xứ Huế thì dân chúng Huế được nghe câu này trong thời gian Phan Bội Châu bị Pháp quản thúc tại Huế (1925-1940); câu này nói lên hoàn cảnh và tâm tư của Phan Bội Châu].

* Chiều chiều lại nhớ chiều chiều, nhớ người quân tử khăn điều vắt vai.

[Đây là câu thường nhớ Hồng Bảo của Tướng An Quận Công. Ông ta là thầy dạy cũ của Hồng Bào. Hồng Bảo là con trưởng, Tự Đức là con thứ hai, nhưng lại là con vợ chính (bà Từ Dũ) của vua Thiệu Trị. Hồng Bảo âm mưu làm phản, bị bắt bỏ ngục, rồi chết trong ngục].

* Chim quỳên đào đất ăn trùn; anh hùng lỗ vận, lên nguồn đốt than.

(Sự tích danh tướng Trần Khánh Dư đời nhà Trần).

* Con ai đem bỏ chùa này, nam-mô di-phật con thầy thầy nuôi.

(Lý Khánh Vân nuôi Lý Công Uẩn).

* Gặp thời thế, thế thời phải thế.

(Một câu đối đáp của danh sĩ Ngô Thời Nhiệm với Đặng Trần Thường. Đặng Trần Thường xướng:

"Ai công hầu, ai khanh tướng;

"Trong trần ai; ai dễ biết ai."

Ngô Thời Nhiệm đáp:

"Thế Chiến Quốc, thế Xuân Thu;

"Gặp thời thế, thế thời phải thế").

* Gió đưa cây cải về trời, rau răm ở lại chịu lời đắng cay.

(Vua Lê Chiêu Thống chạy sang Tàu, Hoàng Phi Nguyễn Thị Kim ở lại).

* Khô héo lá gan cây đĩnh Ngự, đầy vôi giọt lệ nước sông Hương.

(Dân chúng Huế cảm thương Trần Cao Vân và các người theo Trần Cao Vân âm mưu chống Pháp bị hành quyết).

* Lạy Trời cho chóng gió nồm, cho thuyền chúa Nguyễn giông buồm thẳng ra.

[Đời vua Cảnh Thịnh (Tây Sơn), Bùi Đắc Tuyên chuyên quyền, khiến dân chúng cầu mong cho có gió nồm cho thuyền chúa Nguyễn tiến ra chiếm lại đất Thuận Hóa].

* Làn theo dấu thỏ non đoài, miễn phò đặng chúa, đấm nài chi công.

(Pháp đánh chiếm kinh đô Huế. Tôn Thất Thuyết phò vua Hàm Nghi ra Tân Sở, mưu việc chống Pháp).

* Một nhà hai chủ không hòa, hai vua một nước ắt là không yên.

(Pháp đánh chiếm kinh đô Huế, vua Hàm Nghi kháng chiến chống Pháp, vua Đồng Khánh lên ngôi).

* Một nhà sinh đặng ba vua: vua còn , vua mất, vua thua chạy dài.

(Vua Tự Đức không có con, nuôi ba người cháu làm con nuôi: Dục Đức, Kiến Phúc và Hàm Nghi).

* Ngắm xem thế sự mà rầu, ở giữa Đồng Khánh hai đầu Hàm Nghi.

(Vua Hàm Nghi kháng chiến, vua Đồng Khánh lên ngôi).

* Ngó lên trên tháp Cánh Tiên, cảm thương quan Hậu *thủ thiêng* ba năm.

[thủ thiêng : thủ thành; Quan Hậu : Hậu Quân Võ Tánh. Sự tích Võ Tánh cố thủ thành Cảnh Tiên (thành Qui Nhơn)].

* Ngồi buồn nhớ chúa ta xưa, Long Xuyên hận cũ bao giờ cho nguôi.

(Họ Nguyễn bị Tây Sơn bắt ở Long Xuyên, một mình Nguyễn Ánh trốn thoát được).

* Nước sông *Bác Vọng* xanh xanh, nhớ ơn khai quốc Nguyễn Văn Thành ngày xưa.

(Bác Vọng : quê hương của vị công thần khai quốc Nguyễn Văn Thành).

* Phá Tam Giang ngày rày đã cạn, trông Nhà Hồ, Nội Tân cấm nghiêm.

[ngày rày : ngày nay. Nội Tân là Nguyễn Khoa Đăng. Năm 1722, chúa Nguyễn Phúc Châu phong cho Nguyễn Khoa Đăng chức Nội Tân và giao cho ông nhiệm-vụ đánh dẹp bọn giặc cướp ở trướng nhà Hồ, làng Hồ Xá. (Việt Sử Đảng Trong của Phan Khoang. Trang 169, Nhà xuất bản Văn Học, 2000)].

* Số đầu có số lạ lùng, con vua mà lấy hai chồng làm vua.

[Tuồng truyền công chúa Ngọc Bình con vua Lê Hiển Tông có hai đời chồng: vua Cảnh Thịnh (Nguyễn Quang Toản), vua Gia Long (Nguyễn Ánh)]

* Tiếc thay cây quế giữa rừng, để cho thằng Mán th ằng Mường nó leo.

(Sự tích Huyền Trân Công chúa).

* Tiếc thay hạt gạo tám xoan, thổi nồi đồng điếu, lại chan nước cà.

(Sự tích Huyền Trân Công chúa và tướng Trần Khắc Chung).

* Tiếc thay hột gạo trắng ngần, đã vò nước đục lại vẩn lửa rơm.

(Sự tích Huyền Trân Công Chúa và tướng Trần Khắc Chung).

* Trách người quân tử bạc tình, chơi hoa rồi lại bẻ cành bán rao.

(Trần Cảnh lấy Lý Chiêu hoàng hậu, phong làm Chiêu Thánh hoàng hậu; một thời gian sau giáng xuống làm công chúa, rồi gả cho Lê Phụ Trần).

* Vì đâu nông nổi nước này, chùa Tiên vắng vẻ tổ thầy xa nhau.

[Chùa Tiên là chùa Kim Tiên, ở gần Nam Giao (Huế). Chùa Tiên do chúa Trịnh Tráng tức là Thanh Đô Vương (1623-1657) xây dựng trong thời kỳ chúa Trịnh chiếm đất Thuận Hóa. Khi chúa Nguyễn tái chiếm đất Thuận Hóa, quân Trịnh dồn binh ở chùa Kim Tiên, rồi kéo quân trở về đất Bắc, để lại ngôi chùa Kim Tiên vắng vẻ. (Tham chiếu: Cố đô Huế. Trang 151, tác giả Thái Văn Kiểm. Nhà Văn Hóa - Bộ Quốc Gia Giáo Dục xuất bản, Sài Gòn, 1960)].

3) Quốc gia, xã hội

* Bầu ỏi thưởng lấy bí cùng, tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn.

* Giặc đến nhà, đàn bà cũng đánh.

* Nhiều điều phủ lấy giá gương, người trong một nước phải thương nhau cùng.

* Tranh quyền cướp nước làm chi, coi nhau như bát nước đầy thì hơn.

* Trung với nước, hiếu với dân.

4) Phong tục, tập quán

* Ăn cưới chẳng tày *lại mặt*.

(*lại mặt* : theo tục lệ xưa, sau ngày rước dâu, cặp vợ chồng mới cưới phải trở về thăm gia đình bên vợ).

* Ba năm *hai bảy tháng* chàng ơi, mồi kia xanh cỏ, thiếp đi lấy chồng !

[Theo tục lệ ngày xưa thì sau 3 năm chồng chết, người vợ mới được tái giá. Hai bảy tháng tức là 27 tháng. 27 tháng cộng với 9 tháng trong bụng mẹ là đủ 36 tháng, tức là 3 năm. (27th + 9th = 36 tháng = 3 năm)].

* Bốc mả kiêng ngày trùng tang.

* Cao nắm ấm mồ.

* Cậu chết, mợ ra người dưng; chú mà có chết, thím dưng lấy ai.

* Cha mẹ đặt đâu con ngồi đó.

* Chồng cô, vợ cậu, chồng dì, trong ba người ấy chết thì không tang.

* Chợ có lễ, quê có thói.

* Chuồng lợn hướng đông, thổ công hướng bắc.

* Con cô con cậu thì xa, con chú con bác thật là anh em.

* Cưới vợ xem tuổi đàn bà, làm nhà xem tuổi đàn ông.

* Dâu là con, rể là khách.

* Dù ai buôn bán bộn bề, mừng mười tháng tám nhớ về tế trâu.

(Ngày xưa, làng An Hải, tỉnh Quảng Nam có lễ hội tế trâu vào ngày mùng mười tháng tám Âm lịch hàng năm. Nhà nông chọn một con trâu to lớn, khỏe mạnh để tế; sau buổi tế thả trâu ra, không làm thịt như lễ hội của các dân tộc thiểu số miền núi).

* Đồi trước đắp năm, đồi sau ăm mờ.

* Đũa đũa ghét năm, đũa tằm ghét đời.

* Gái hơn hai, trai hơn một.

(Quan niệm tốt trong việc cưới gả cho con cai ngày xưa).

* Láng giềng còn để ba ngày, chòng cô vợ cậu nửa ngày cũng không.

* Mẹ già không có con trai thì có cháu trai, thân anh phận rể, đứng ngoài ngõ vô.

* Mồng một chơi nhà, mồng hai chơi chợ, mồng ba chơi đình.

(Ăn chơi trong ba ngày Tết).

* Mồng một Tết nhà cha mẹ, mồng hai Tết nhà vợ, mồng ba Tết nhà thầy.

(Tục lệ trong ba ngày Tết: ngày mồng một đến chúc Tết cha mẹ chồng, mồng hai chúc Tết cha mẹ vợ, mồng ba chúc Tết thầy giáo).

* Một miếng giũa làng, bằng một sàng xó bếp.

* Một trăm cái giỗ, đổ đầu trưởng nam.

* Miếng trâu là đầu câu chuyện.

* Nuôi lợn thì phải vớt bèo, lấy chồng thì phải nộp cheo cho làng.

* Ôn vua được giấy vàng, ôn làng được giấy trắng.

* Phép vua thua lệ làng.

* Sống về mồ về má, chẳng ai sống về cả bát cơm.

* Triều đình dụng tước, làng xóm dụng xỉ.

(*xỉ*: lớn tuổi. Triều đình dùng người có chức tước, làng xóm trọng dụng người cao tuổi).

5) Tín ngưỡng

- * Có cúng có lành, có kiêng có thiêng.
- * Cúng quanh năm không bằng rằm tháng bảy.
- * Đất có Thổ Công, sông có Hà Bá.
- * Lễ Phật quanh năm không bằng ngày rằm tháng giêng.
- * Một miếng lộc Thánh bằng gánh lộc trần.
- * Rằm tháng giêng, ai siêng thì cúng; rằm tháng mười, mười người mười cúng.

6) Gia đình, gia tộc

- * Anh em giọt máu xẻ đôi.
- * Anh em là ruột là rà, vợ chồng như áo cổ ra là rời.
- * Anh em như thể tay chân, anh em hòa thuận hai thân vui vầy.
- * Anh em như tre cùng khóm.
- * Cắt dây bầu dây bí, chẳng ai nõ cắt dây chị dây em.

- * Chết cha còn chú, sảy mẹ bú đi.
- * Chị em dâu như bầu nước lã.
- * Chị em gái như trái bầu non.
- * Chị em gái như trái cau non.
- * Chị ngã em nâng.
- * Cha làm sao, con *bào hao* làm vậy.
(*bào hao* : bắt chước).
- * Cha mẹ giàu con có, cha mẹ khó con khôn.
- * Cha mẹ hiền sinh con thảo.
- * Cha mẹ ngoảnh đi con dại, cha mẹ ngoảnh lại con khôn.
- * Cha mẹ nuôi con bằng trời, bằng bể; con nuôi cha mẹ con kể từng ngày.
- * Cha mẹ nuôi con biển hồ lai láng, con nuôi cha mẹ kể tháng kể ngày.
- * Cha sinh không bằng mẹ dưỡng.
- * Cháu bà nội, tội bà ngoại.

* Chẳng thà ăn khế ăn sung, còn hơn ăn thịt mà ở chung với mẹ chồng.

* Chồng chung vợ chạ, ai khéo hầu hạ thì được chồng riêng.

* Có cha có mẹ thì hơn; không cha, không mẹ, như *đờn* đứt dây.

(*đờn* : cây đàn).

* Có con phải khổ vì con, có chồng phải gánh giang sơn nhà chồng.

* Có con phải khổ vì con, có chồng phải ngậm bồ hòn đắng cay.

* Con cái khôn ngoan, về vang cha mẹ.

* Con cháu làm dại thì hại đến danh giá ông cha.

* Con chẳng chê cha mẹ khó, chó chẳng chê chủ nghèo.

* Con có cha như nhà có nóc.

* Con có mẹ như thiên hạ có vua.

* Con dại *cái* mang.

[*cái* (từ cổ) : mẹ]

* Con đàn như tre ấm bụi.

- * Con gái có ân hơn con trai bội bạc.
- * Con gái nhờ đức cha, con trai nhờ đức mẹ.
- * Con hôn cha là nhà có phúc.
- * Con hủ bởi tại cha dong, vợ hủ bởi tại thằng chồng cả nghe.
- * Con hủ tại mẹ, cháu hủ tại bà.
- * Con là nợ, vợ là oan gia.
- * Con lên ba cả nhà học nói.
- * Con lên ba, con chưởi, mẹ cười; con lên mười, con chưởi, mẹ khóc.
- * Con mất cha ăn cơm với cá, con mất mẹ trái lá mà nằm.
- * Con út trút gia tài.
- * Còn cha gót đỏ như sơn, một mai cha thác, gót con đen sì.
- * Còn cha nhiều kẻ yêu vì, một mai cha thác, ai thì yêu con?

* Còn mẹ, ăn cơm với cá; mất mẹ liếm lá đầu đường.

* Cô cũng như cha, dì cũng như mẹ.

* Công cha như núi Thái Sơn, nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra.

* Cơm chẳng lành canh chẳng ngon, dù cho chín đụn mười trâu cũng lìa.

* Cơm chẳng ngon, đông con cũng hết.

* Cơm mẹ thì ngon, cơm con thì đắng.

* Cơm với cá như mạ với con.

* Dạy con, dạy thuở còn thơ; dạy vợ, dạy thuở ban sơ mới về.

* Dâu dâu, rể rể cũng kể là con.

* Dâu dũ mất bà con, chó dũ mất láng giềng.

* Dâu là con, rể là khách.

* Dâu vào nhà như gà vào rọ.

* Dì ruột thương cháu như con; rui mà không mẹ, cháu còn cậy trông.

* Đắng cay cũng thể ruột rà, ngọt ngào cho lắm cũng là người dưng.

* Đói lòng con, héo hon cha mẹ.

* Đồi cha ăn mặn, đồi con khác nước.

* Em khôn cũng là em chị, chị dại cũng là chị em.

* Em ngã chi nâng.

* Em thuận anh hòa là nhà có phúc.

* Gái có nghĩa nhân hơn nam nhân bội bạc.

* Gió mùa thu mẹ ru con ngủ, năm canh chày thức đủ năm canh.

* Họ chín đời còn hơn người dưng.

* Máu loãng còn hơn nước lã, chín đời họ mẹ còn hơn người dưng.

* Mẹ dạy thì con khéo, cha dạy thì con khôn.

* Mẹ đánh một trăm roi không bằng cha ngăm một lời.

* Mẹ già như chuối ba hương, như xôi nếp một, như đường mía lau.

* Mồ côi cha ăn cơm với cá, mồ côi mẹ lột lá mà n
ấm.

* Mồ côi cha ăn cơm với cá, mồ côi mẹ liếm lá đầu
đường.

* Một giọt máu đào hơn ao nước lã.

* Một mẹ nuôi được mười con, mười con không nuôi
được một mẹ.

* Một người làm bậy cả họ mang nhờ.

* Một người làm quan, cả họ được nhờ.

* Một người nhà bằng ba người muốn.

* Nâng niu, bú mớm đêm ngày, công cha nghĩa
mẹ coi tày bằng non.

* Nhà nghèo mới hay con thảo.

* Nhất mẹ, nhì cha, thứ ba bà ngoại.

* Ruộng sâu trâu nái không bằng con gái đầu lòng.
(Ao sâu lợn nái không bằng con gái đầu lòng).

* Sẩy cha còn anh.

* Sẩy cha còn chú, sẩy mẹ bú dì.

* Sinh con ai để sinh lòng, sinh con ai chẳng vun trồng cho con.

* Trai làm chi, gái làm chi; con nào có nghĩa, có nghì thì hờn.

* Trồng cây ai nỡ muốn cây xanh; cha mẹ sinh thành, ai nỡ muốn con nên.

7) Hiếu thảo

* Ai búng cau trầu tối đó, chịu khó đem về; em đang theo chân thầy gót mẹ cho trọn bề hiếu trung.

* Ba đồng một khúc cá buôi, cũng mua cho đựng để nuôi mẹ già.

* Bao giờ cá gáy hóa rồng, đèn ỏn cha mẹ ẵm bồng ngày xưa.

(Cá gáy vượt Vũ Môn hóa thành rồng. Cá gáy tiêu biểu cho người học trò, hóa rồng là thi đỗ, ra làm quan).

* Bùn ngùi nhớ mẹ thuở xưa, miệng nhai cơm búng, lưởi lửa cá xương. (Ngồi buồn nhớ mẹ thuở xưa, miệng nhai cơm búng, lưởi lửa cá xương).

* Cha mẹ ở tấm lều tranh, sớm thăm tối viếng mới đành dạ con.

* Chẳng thà thất nghĩa với chồng, không thể bỏ mẹ
năm không một mình.

* Chiều chiều ngó ngược ngó xuôi, ngó không thấy
mẹ ngùi ngùi nhớ thương.

* Chiều chiều ra đứng *ngõ* sau, ngó về quê mẹ ruột
đau chín chiều.

(*ngõ* : cửa. Tiếng miền Bắc: ngõ là con đường nhỏ hẹp).

* Chiều chiều xách giỏ hái rau, ngó lên má mẹ, ruột
đau như dằm.

* Có con mà gả chồng gần, có bát canh cần nó
cũng đem cho.

* Có con mà gả chồng gần, nửa đêm đốt đuốc
mang phần cho cha.

* Đèn lú ly nửa bắc, nửa dầu; nửa thương cha mẹ,
nửa sầu nhân duyên.

* Đêm đêm thấy ngọn đèn trời, cầu cho cha mẹ
sống đời với con.

* Đói lòng ăn bát cháo môn, để cơm nuôi mẹ cho
tròn hiếu trung.

* Đói lòng ăn trái chà-là, để cơm nuôi mẹ, mẹ già y
ếu răng.

* Lên chùa thấy Phật muốn tu, về nhà thấy mẹ công phu chùa đèn.

* Mẹ ơi đừng đánh con đau, để con bắt ốc hái rau mẹ nhờ.

* Tôm cày lật vỏ bỏ đuôi, giã gạo cho trắng để nuôi mẹ già.

* Tôm rần bóc vỏ bỏ đuôi, gạo de An Cựu em nuôi mẹ già.

* Vẳng nghe tiếng vịt kêu chiều, băng khuâng nhớ mẹ, chín chiều ruột đau.

8) Vợ chồng

* Ai kêu, ai hú bên sông; mẹ kêu con dạ, có chồng phải theo.

* Ba sinh hưởng lửa.

(Ba sinh tức là ba kiếp: kiếp hiện tại, kiếp trước và kiếp sau. Nghĩa bóng: vợ chồng ăn ở tốt đẹp với nhau trong ba kiếp).

* Buồn tù trong dạ buồn ra, buồn anh ở bạc, buồn cha mẹ nghèo.

* Cá thia quen chậu, vợ chồng quen hỏi.

* Cây đa rụng lá đầy đình, bao nhiêu lá rụng thưởng chồng bấy nhiêu.

* Chàng ỏi phụ thiếp làm chi, thiếp là côm nguội để khi đói lòng.

* Chê chồng trước đánh đau, gặp chồng sau đánh mạnh.

* Chiều người lấy việc, chiều chồng được con.

* Chồng cần vợ kiệm là tiên, chồng ăn vợ hút là tiền vút đi.

* Chồng cần vợ kiệm là tiên, công nghênh nhăng nhít là tiền vút đi.

* Chồng dại dễ sai, chồng khôn khó chiều.

* Chồng đàn dễ khiến, chồng khôn khó chiều.

* Chồng già vợ trẻ là tiên, vợ già chồng trẻ là duyên nợ nần.

* Chồng già vợ trẻ nâng niu, vợ già chồng trẻ nhiều điều đấng cay.

* Chồng già vợ trẻ như hoa, vợ già chồng trẻ như ma lạc mồ.

* Chồng già vợ trẻ thì xinh, vợ già chồng trẻ ra tình chi em.

* Chồng hiền dễ khiến, chồng khôn khó chiều.

* Chồng khôn thì nổi cơ đồ, chồng dại thì phải khổ công nhọc nhằn.

* Chồng khôn vợ *đặng* đi giày, vợ khôn chồng *đặng ghe* ngày cày trồng.

[*đặng* : được; *ghe* (từ cổ) : nhiều].

* Chồng ngu dễ sai, chồng khôn khó chiều.

* Chồng sang đi vớng đầu rồng, chồng hèn gánh nặng đè cong lưng gầy.

* Chồng ta áo rách ta thương, chồng người áo gấm, xông hưởng mặc người.

* Chồng thấp mà lấy vợ cao, như đôi đũa lệch ngó sao cho vừa.

* Chồng xấu dễ sai, chồng đẹp trai khó khiến.

* Chồng yêu cái tóc nên gài, cái duyên nên đẹp, cái tài nên khôn.

* Có chồng chẳng được đi đâu, có con chẳng được đứng lâu một giờ.

* Có chồng mà chẳng có con, khác nào hoa nở trên non một mình.

* Có chồng nên phải gắng công, nào ai xướng sắt, da đồng chi đây.

* Có chồng như ngựa có cương; đắng cay phải chịu, yêu thương được nhờ.

* Có ông chồng siêng như có ông tiên nho nhỏ.

* Con cò lặn lội bờ sông, gánh gạo nuôi chồng tiếng khóc nỉ non.

* Cơm hẩm ăn với cá kho, chồng xấu vợ xấu, ăn no vẫn gầy.

* Cơm trắng ăn với chả chim, chồng đẹp vợ đẹp, chỉ nhìn cũng no.

* Cơm sôi bột lửa, vợ chữa bột nằm.

* Cửa chồng công vợ.

* Củi chẻ dễ nấu, chồng xấu dễ xài.

* Củi khô dễ nấu, chồng xấu dễ xài.

* Củi tre dễ nấu, chồng xấu dễ sai.

* Dù mà nước thăm non xanh, theo nhau cho trọn tử sinh cũng đành.

* Đã rằng là nghĩa vợ chồng, dầu cho nghiêng núi, cạn sông chẳng rời.

* Đạo can thường chỗ khá đổi thay, may làm nên vớng giá, rủi ăn may cũng theo.

* Đây đây như gái rầy chồng.

* Đẻ con công tử khó nuôi, lấy chồng công tử làm tôi suốt đời.

* Đêm nằm nghĩ lại mà coi, lấy chồng đánh bạc như voi phá nhà.

* Đi đâu có vợ có chồng, đói no cũng chịu, lạnh lùng cũng cam.

* Đi mô cho thiệp theo cùng, đói no thiệp chịu, lạnh lùng thiệp cam.

* Đói bụng chồng, đau lòng vợ.

* Đói no có vợ có chồng; chia niêu, sẻ đấu, đau lòng cũng cam.

* Đôi ta là nghĩa tao khang, xuống khe bắt ốc, lên ngàn hái rau.

* Đói ta như thể con tằm, cùng ăn một lá, cùng nếm một nong.

* Đón cây ai nhổ dứt chồi, đạo chồng nghĩa vợ, giận rồi lại thương.

* Đứt tay một chút còn đau, hướng chi nhón nghĩa lia sao cho đành.

* Gái khôn ngoan làm quan cho chồng.

* Giàu nhờ bạn, sang nhờ vợ.

* Hết dầu đèn cháy tối tim, một ngày gá nghĩa cũng niền phu thê.

* Không thiêng cũng thể Bụt nhà, dầu khôn dầu dại cũng là chồng em.

* Làm trai lấy được vợ hiền, như cầm đồng tiền mua được của ngon.

* Lấy chồng cận núi kề sông, nước không lo cạn, củi không lo tìm.

* Lấy chồng hay chữ như soi gương vàng.

* Lấy chồng trà thuốc là tiên, lấy chồng cờ bạc là duyên nợ nần.

* Lấy nhau vì nghĩa vì tình, đời no không ngả, rách lành không nghiêng.

* Lên non em cũng lên theo, xuống thuyền em cũng deo theo mạn thuyền.

* Mẹ cha bú mớm nâng niu; tội trời đành chịu, không yêu bằng chồng.

* Nồi đất dễ nấu, chồng xấu dễ sai.

* Nồi đồng dễ nấu, chồng xấu dễ sai.

* Nửa trôi sông chẳng dập cũng gãy, gái bị chồng rầy không chúng nọ cũng tật kia.

* Ở cho chung thủy vẹn toàn, lên non lên dãi, xuống thuyền xuống theo.

* Ớt nào là ớt chẳng cay, gái nào là gái chẳng hay ghen chồng.

* Phận gái lấy được chồng khôn, xem bằng cá vượt vũ môn hóa rồng.

* Qua đình ngả nón trông đình, đình bao nhiêu ngói thương chồng bấy nhiêu.

* Qua đồng ghé gó thăm đồng, đồng bao nhiêu lúa thương chồng bấy nhiêu.

* Râu tôm nấu với ruột bầu; chồng chan vợ húp, gạt đầu khen ngon.

* Rượu say vì bởi men nồng, vợ mà biết ở ất chồng phải thưởng.

* Sông bao nhiêu nước cũng vừa, trai bao nhiêu vợ cũng chứa hài lòng.

* Tay bưng đĩa muối, tay bọ sàng rau, thủy chung như rúa, sang giàu mặc ai.

* Tay nâng chén muối đĩa gừng, gừng cay muối mặn, xin đừng quên nhau.

* Thang mô cao bằng thang danh vọng, nghĩa mô trong bằng nghĩa chồng con.

* Thấy chồng hiền xỏ chân vào lỗ mũi.

* Theo nhau cho trọn đạo trời, dẫu mà không chiếu trái tỏi mà nằm.

* Thế gian được vợ hồng chồng, có mô mà đặt tên rỗng cả hai.

* Thiếp như cam quít bưởi bòng, đắng the ngoài vỏ, trong lòng ngọt thanh.

* Thiếp xa chàng hái dâu quên giỏ, chàng xa thiếp cắt cỏ quên liềm.

* Thuận vợ thuận chồng tát biển Đông cũng cạn.

* Thuyền mạnh nhờ lái, gái mạnh nhờ chồng.

* Thuyền theo lái như gái theo chồng.

* Thương ai bằng nỗi thương con, nhớ ai bằng nỗi
gái son nhớ chồng.

* Thương chồng nấu cháo le le, nấu canh bông bí,
nấu chè hạt sen.

* Thương chồng nên phải gắng công, nào ai xướng
sắt da đồng chi đây.

* Tôi tổ xét công, vợ chồng xét nhân nghĩa.

* Trăm năm ai chớ bỏ ai, chỉ thêu nên gấm, sắt mài
nên kim.

* Trăm năm ghi tạc chữ đồng, dù ai thêu phụng vẽ
rồng mặc ai.

* Trăm năm lòng gắn dạ ghi, nào ai thay nút đổi
khuy xin đừng.

* Vợ chồng ăn ở thuận hòa, dù ăn cơm mắm với
cà cũng ngon.

* Vợ chồng là nghĩa tao khang, ai ỏi chỗ nghĩ những lời thiệt hơn.

* Vợ chồng là ruột là rà, anh em có cửa có nhà anh em.

* Vợ chồng nay giận mai hờn, vào ra gác tía lầu son cũng buồn.

* Vợ chồng như bát nước đầy, trách ai nghiêng đổ để sàu tây cho mình.

* Vợ chồng như dưa có đôi.

* Vợ chồng sống gửi thịt, chết gửi xương.

* Vợ trẻ chỉ tổ đau lưng.

* Xa gần giữ nghĩa tao khang, chỗ ham quyền quý mà dạ vàng xa nhau.

* Xa mình trời nắng nói mưa, canh ba nói sáng, xế trưa nói chiều.

9) Con trai, con gái, tình duyên

* Anh buồn có chốn thở than, em buồn như ngọn nhang tàn thấp khuya.

* Ăn cơm ba chén lúng lúng, uống nước cầm chừng để dạ thưởng em.

* Bao giờ cạn lạch Đồng Nai, nát chùa Thiên Mụ, mới sai lời nguyên.

* Bối thường nên dạ mới trông, không thường em đã lấy chồng còn chi.

* Bữa ăn có cá có canh, anh chưa mát dạ bằng anh thấy nàng.

* Cách nhau một bức rào thưa; tay chùi nước mắt, tay đưa miếng trầu.

* Cách sông cách núi cho cam, cách một cái hỏi, thiếp chàng xa nhau.

* Chẳng tham nhà ngói ba tòa; tham vì em thấy mẹ cha anh hiền.

* Chẳng tham nhà ngói rung rinh, tham vì một nỗi miệng xinh anh cười.

* Chẳng tham ruộng cả ao liền, tham vì cái bút cái nghiên anh đồ.

* Chẳng tham vựa lúa anh đầy, tham năm ba chữ cho thầy người ta.

* Chiều chiều, chim vịt kêu chiều; bâng khuâng nhớ bạn, chín chiều ruột đau.

* Chiều chiều én liệng bờ kênh, ếch kêu giếng lạnh, thấm tình đôi ta.

* Chiều chiều gọt múp nấu canh, thấy anh qua lại bỏ hành lộn om.

* Chiều chiều mang giỏ hái dâu, hái dâu không hái, nhỏ câu ân tình.

* Chim bay cá lội tung tăng, bao giờ đèn hiệp với trăng một nhà ?

* Chim bay về núi về non, cá kia về vực, anh còn đợi em.

* Chim chuyền nhánh ớt lú lo, sầu ai nên nỗi ốm o gầy mòn.

* Cho anh một miếng trầu vàng, mai sau anh trả một mâm trầu đầy.

* Chòng chành như nón không quai, như thuyền không lái, như ai không chòng.

* Chốn ước mơ lất lỏ rồi hồng, nơi tình cờ lại được nhân duyên.

* Chuông già đồng điệu, chuông kêu; anh già lời nói, em xiêu tấm lòng.

* Chứa quen, đi lại cho quen, chứa thưởng đi lại vài lần cho thưởng.

* Chứa quen, đi lại cho quen, tuy rằng cửa đóng mà then không cài.

* Chùng nào muối ngọt, chanh thanh; em đây mới dám bỏ anh đi lấy chồng.

* Có ai, thêm bận vì ai; không ai, giường rộng chiếu dài dễ xoay.

* Có chuôm cá mới ở đìa; thấy em, anh mới sớm khuya chốn này.

* Có trầu, có vò, không vôi; có chăn, có chiếu, không người nằm chung.

* Con gái khôn lấy chồng khờ dại, như bông hoa lài cấm bãi cứt trâu.

* Con gái phải lấy chồng già, cũng bằng con lợn cạp tha vào rừng.

* Con tầm bối rối vì tổ, anh say sưa vì rượu, em ngần ngở vì tình.

* Còn trời, còn nước, còn non; còn o bán rượu, anh còn say sưa.

* Công anh chăm nghề đã lâu, bây giờ nghề đã thành trâu ai cày.

* Công anh đắp đập be bờ, để ai tháo nước, để lờ anh trôi.

* Có sao thấy mặt thì thưởng, hay Trời đã định người thưởng cho mình.

* Cơm ăn mỗi bữa một lưng, uống nước cầm chùng, để dạ thưởng em.

* Cục lòng em lắm anh ơi; một con chim nhạn biết mấy nói đan lồng.

* Dầu ai nói ngửa nói nghiêng, anh đây vẫn chắc như kiềng ba chân.

* Để kêu cho giải cơn sầu, mấy lời em nói, bạc đầu không quên.

* Dù ai cho bạc cho vàng, chẳng bằng trông thấy mặt chàng hôm nay.

* Dừng thuyền đợi bạn tri âm, non mòn biển cạn quyết không phai lòng.

* Đêm nằm lưng chẳng tới giường, trông mau cho sáng, ra đường gặp anh.

* Đêm nằm ở dưới bóng trăng, thương cha thương mẹ không bằng nhớ em.

* Đêm nằm trần trọc tưởng mở, chiêm bao thấy bạn, dậy rõ chiếu không.

* Đêm qua vắng vặc trăng rằm, thấy anh ngoài ngõ, em nằm không yên.

* Đi qua thấy ngọn đèn chong, thấy em nhỏ nhỏ, muốn bông mà ru.

* Đói lòng ăn nửa trái sim, uống lụng bát nước đi tìm người thương.

* Đôi ta được gặp nhau đây, khác chi chim phượng gặp cây ngô đồng.

* Đôi ta như chỉ lộn vòng, đẹp duyên thì đẹp nhưng tỏ hồng không xe.

* Đôi ta như chỉ xe ba, thầy mẹ xe ít, đôi ta xe nhiều.

* Đôi ta như đá với dao, năng liếc thì sắc, năng chào thì thương.

* Đôi ta như lúa đồng đồng, đẹp duyên nhưng chẳng đẹp lòng mẹ cha.

* Đôi ta như lửa mối nhen, như trăng mối mọc như đèn mối khêu.

* Đôi ta như rắn liu diu, nước chảy mặc nước, ta dừ
lấy nhau.

* Đôi ta như rượu với men, đang say ngây ngất, ai
dèm chỗ xa.

* Em như cây quế giữa rừng, thơm tho ai biết, ngát
lùng ai hay.

* Em như con cá giữa dòng, ai nhanh chân thì
được, ai chậm lời thì thôi.

* Em như con hạc đầu đình, muốn bay không nhắc
nổi mình mà bay.

* Gà khôn gà chẳng đá lang, gái khôn gái chẳng
bỏ làng gái đi.

* Gái bén hỏi trai như thài-lài gặp cút chó, trai bén
hỏi gái như cò bộ gặp trời mưa.

* Gái chồng rầy, không chúng nọ cũng tậi kia.

* Gái chửa chồng hay đi chợ, trai chửa vợ hay đứng
đường.

* Gái có chồng như cá lội sông.

* Gái có chồng như chông như mác.

- * Gái có chồng như gông đeo cổ.
- * Gái có chồng như ngựa có củng.
- * Gái có chồng như rồng có vây.
- * Gái có chồng như rồng gặp mây.
- * Gái không chồng như cối xay chết ngỗng.
- * Gái không chồng như lược gãy răng.
- * Gái không chồng như nhà không nóc.
- * Gái không chồng như phản gỗ long đanh.
- * Gái không chồng như rác như rơm.
- * Gái không chồng như thuyền không lái.
- * Gái một con, thuốc ngon nửa điếu.
- * Gái một con, trông mòn con mắt.
- * Gái mười bảy bẻ gãy sừng trâu.
- * Gái tham tài, trai tham sắc.
- * Gái khôn, trai dốt lâu ngày cũng xiêu.

* Gái lổ tai, trai con mắt.

* Gái phải lòng trai, đem cửa về nhà; trai phải lòng gái tháo gỡ cột nhà đem đi.

* Gan vàng chẳng cắt mà đau, xa em vài phút, ruột đau như dằm.

* Già nhân ngãi, non vợ chồng.

* Giả đồ bắt ốc hái rau, đi ngang qua ngõ thấy nhau kéo buồn.

* Giả đồ buôn hẹ bán hành, vô ra chợ Cống thăm anh kéo buồn.

* Giả đồ mua khế bán chanh, giả đi đòi nợ thăm anh kéo buồn.

* Giàu trong làng, trái duyên không ép; khó làng người, hợp duyên vẫn theo.

* Gió đưa cột phướn hao dầu, thương em để dạ, chó sầu mà hư.

* Gió đưa gió đẩy mây mưa; gặp đầu hay đó, kén lửa mà chi.

* Gió đưa gió mát sau lưng, bụng sao bụng nhỏ người đứng thế này.

* Hai ta đã đẹp đôi rồi, ai gièm pha chỗ đoạn, ai vẽ vôi chỗ nghe.

* Hai tay bưng đọi chè tàu, vừa đôi thì lấy, ham giàu làm chi.

* Hạt lúa vàng, hạt thóc cũng vàng; anh yêu em, cha mẹ, họ hàng anh cũng yêu.

* Khuyên ai giữ dạ cho bền, dầu ai đổi hướng xoay nền mặc ai.

* Lạt mềm vì bởi tre non, lỗ thì như bậu, gái non không bằng.

* Lắm nhân duyên nhiều phiền não.

* Lời thề hốt mái tóc xanh; theo nhau cho trọn, tử sanh nhờ Trời.

* Lời thề trước miếu sau đình, đó vong ớn đó mắc, đây bạc tình đây mang.

* Mong sao tình nghĩa thủy chung, cho thuyền cập bến, đôi ta sống đời.

* *Mồ cha* con bướm khôn ranh, hoa thối bướm đậu, hoa tàn bướm bay.

(*mở cha* : tiếng chửi thề của người bình dân ở Huế)

* Một con cá lội, mấy người buông câu.

* Một đêm là mấy trống canh, ngủ thì lại nhỏ, trở mình lại thưởng.

* Một mình giã gạo giữa trời, cám bay phảng phất, thưởng người đằng xa.

* Một thưởng, hai nhỏ, ba trông, tứ chồ, năm đọi, sáu mong kết nguyên.

* Một thưởng, mười nhỏ, chín đọi mười chồ.

* Năm canh thưởng bạn cả năm, ruột khô gan héo như tầm rối tổ.

* Năng mưa thì giếng năng đầy, anh năng đi lại, mẹ thầy năng thưởng.

* Năng nhật thì bị năng đầy, anh năng đi lại, mẹ thầy năng thưởng.

* Ngó đầu ngó đó thì vui, ngó về chốn cũ ngùi ngùi nhỏ anh.

* Ngọc lành chồ đọi giá cao, kim vàng chồ đọi lụa đào mới may.

* Ngồi buồn nghe tiếng gà trưa, nhớ em như biển chiều mưa nhớ buồn.

* Nhớ ai bồi hồi bồi hồi, như đứng trên lửa, như ngồi trên chông.

* Nhớ ai ra ngăn vào ngõ, đêm đêm quên ngủ, ngày mở tiếng cười.

* Nhớ cha nhớ mẹ còn có khi nguôi, nhớ chàng như bát nước vôi lại đầy.

* Nhớ chàng như vợ nhớ chồng, như chim nhớ tổ, như rồng nhớ mây.

* Nói lời phải giữ lấy lời, đừng như con bướm đậu rồi lại bay.

* Nói ước mơ lắt lờ rồi hồng, gặp tình cờ lại được thành duyên.

* Núi cao chi lắm núi ỏi, núi che mặt trời không thấy người thương.

* Nước non nặng gánh chung tình, nhớ ai ai có nhớ mình chẳng ai.

* Ông Tố ghét bỏ chi nhau, chưa vui sum họp đã sầu chia phôi.

* Ổ chi hai dạ ba lòng, dạ cam thì ngọt, dạ bông thì chua.

* Phải duyên áo rách cũng màng; trái duyên, áo nhiều nút vàng không ham.

* Phải duyên thì dính như keo, trái duyên trái kiếp như kẻo đục vênh.

* Quay tỏ phải giữ mối tỏ, dầu năm bảy mối cũng chờ mối anh.

* Ra về nhớ nước giếng trong, nhớ điệu thuốc hút, nhớ cõi ăn trầu.

* Rào đường, đóng ngõ, ngăn sông; nào ai rào cản được lòng đôi ta.

* Rồi mùa tốt rạ rỏm khô, bạn về quê bạn, biết mô mà tìm.

* Ruộng ai thì nấy đắp bờ, duyên ai nấy gặp, đợi chờ uống công.

* Rượu ngon, cái cặn cũng ngon; thưởng em chẳng luận chồng con mấy đời.

* Sen xa hồ, sen khô hồ cạn; lựu xa đào, lựu ngã đào nghiêng.

* Sông dài cá lội biệt tăm, phải duyên chồng vợ ngàn năm cũng chờ.

* Sông dài nước chảy sóng reo, thưởng em chẳng nệ mái chèo ngược xuôi.

* Tay cầm nắm muối, quả mớ ; mớ chua, muối mặn, ta chờ đợi nhau.

* Thò tay mà ngắt ngọn ngò, thưởng em dứt ruột giả đò ngó lơ.

* Thuyền chài, thuyền lái, thuyền câu; biết thuyền nhân ngãi nơi đâu mà tìm.

* Thuyền ơi, còn nhớ bến chãng; bến thì một dạ khăng khăng đợi thuyền.

* Thưởng anh chẳng biết để đâu; để quán, quán đở, để cầu, cầu xiêu.

* Thưởng anh, em chẳng nói ra; trong ruột thì héo, ngoài da thì vàng.

* Thưởng nhau bất luận giàu nghèo, dù cho lên ả xuống đèo cũng cam.

* Thưởng nhau cau sáu bổ ba, ghét nhau cau sáu bổ ra làm muối.

* Thưởng nhau chẳng quản chi thân, phá Tam Giang cũng lội, đèo Hải Vân cũng trèo.

(Phá Tam Giang và đèo Hải Vân thuộc tỉnh Thừa Thiên).

* Thưởng nhau chẳng quản xa gần, cầu không tay vịn cũng lần mà qua.

* Thưởng nhau mấy núi cũng trèo, mấy sông cũng lội, mấy đèo cũng qua.

* Thưởng nhau quán cũng như nhà, lều tranh có nghĩa hơn tòa ngói cao.

* Tiếc công anh đào ao thả cá, năm bảy tháng trường người lạ đến câu.

* Tiếc nồi cơm trắng để ôi, tiếc con người lịch mà soi gương mờ.

* Tiếc thay cái đọi bịt vàng mà đem đong cám, lỗ làng duyên em.

* Tình anh như nước dâng cao, tình em như giải lụa đào tắm hương.

* Tóc đến lưng vừa chùng em bối, để chi dài, bối rồi dạ anh.

* Tóc em dài, em cài hoa lý; miệng em cười có ý em thưởng.

* Tối trời chẳng quản chi ma; thướng nhau chẳng quản hói hà cặn sâu.

* Tổ tằm đã vấn thì vướng, đã trót dan díu thì thướng nhau cùng.

* Trách ai ăn nói khôn ngoan, khi thướng thướng vội, khi lìa lìa xa.

* Trách ai làm lỗ nhíp câu, ngày nay đành để buồn rầu cho ai.

* Trách người quân tử vụng suy, vườn hoa thiên lý chẳng che màn幔.

* Trai ba mươi tuổi *còn xoan*, gái ba mươi tuổi đã toan về già.

(*còn xoan* : còn xuân, còn trẻ).

* Trai có vợ như dợ buộc chân.

* Trai khôn tìm vợ chợ đông, gái khôn tìm chồng giữa chốn ba quân.

* Trai không vợ như cau không buồng.

* Trai không vợ như chợ không đình, mưa dông *một trộ* biết nép mình *nơi mô* ?

(*một trộ* : một trận; *nơi mô* : nơi nào).

- * Trai không vợ như cọc long chân.
- * Trai không vợ như ngựa không cương.
- * Trai ớn vua, cuỗi thuyền rồng; gái ớn chồng bằng bé con thỏ.
- * Trai thấy gái lạ như quạ thấy gà con.
- * Trai tỏ vó phải nạ dòng, như nước mắm thối chấm lòng lợn thiu.
- * Trăm năm đã lỗi hẹn hò; cây đa bến cũ, con đò khác đũa.
- * Trăm năm tượng rách còn thờ, lỗ duyên chịu lỗ, cũng chờ tin anh.
- * Trăng tròn chỉ có một đêm, tình ta thán thán, năm năm vẫn tròn.
- * Trầu xanh, cau trắng, khay hồng; vôi pha vôi nghĩa, thuốc nòng vôi duyên.
- * Tròng trành như nón không quai, như thuyền không lái, như ai không chồng.
- * Tròng hường bẻ lá che hường; thương nhau bắt quản đổi đường xa xuôi.

* Trời mưa, gió rét, đêm dài; đắp đôi dãi yếm bằng nghìn chần bông.

* Trúc xinh trúc mọc đầu đình, em xinh em đứng một mình cũng xinh.

* Tưởng rằng trợn thủy trợn chung, không hay như pháo nổ đùng ngang lưng.

* Ước gì anh hóa ra chăn, để cho em đắp, em lăn, em nằm.

* Ước gì anh hóa ra gương, để cho em cứ ngày ngày em soi.

* Ước gì anh hóa ra hoa, để em nâng lấy rồi mà cài khăn.

* Ước gì có cánh như chim, bay cao liệng thấp đi tìm người thưởng.

* Ước gì em hóa ra dơi, bay đi bay lại trên nơi anh nằm.

* Ước sao ăn ở một nhà, ra vào đụng chạm để mà nhớ thưởng.

* Vắn tay với chẳng tối kẻo, cha mẹ anh nghèo, cưới chẳng đặng em.

* Vì cam nên quít đèo bông, vì em nhan sắc cho lòng anh thương.

* Vì chuôm nên cá bèn đặng, vì chàng thiếp phải đi trăng về mò.

* Vòng đồng chẳng gói được nem, tại anh chậm bước nên em lấy chồng.

* Vườn xuân hoa nở đầy giàn, ngăn con bướm lại, kéo tàn nhị hoa.

* Xa anh mới bấy nhiêu ngày, tình em như mảnh trăng gầy nửa đêm.

* Xa xôi chi mấy mà làm, phải duyên duyên bén, phải trăm trăm thắm.

* Xin cho thiếp bén duyên chàng, áo năm thân thiếp cũng cởi lót đàng cho chàng đi.

* Yêu nhau, chẳng lọ chiếu giường, dẫu rằng trái lá, năm sống cũng tình.

* Yêu nhau chẳng ngại đường xa, một ngày chẳng đến thì ba, bốn ngày.

* Yêu nhau, chẳng quản đường xa; năm đèo bảy núi, phong ba cũng liều.

* Yêu nhau chín bỏ làm mười.

* Yêu nhau chưa ráo mồ hôi, chưa tan buổi chợ đã đôi ngã đường.

* Yêu nhau con chí cần đôi.

* Yêu nhau, cởi áo cho nhau, về nhà mẹ hỏi, qua cầu gió bay.

* Yêu nhau mọi sự chẳng nề, một trăm chỗ lệch cũng kê cho bằng.

* Yêu nhau, ruột héo, xương mòn; yêu nhau đến thác vẫn còn yêu nhau.

* Yêu nhau trao một miếng trầu, giấu thầy, giấu mẹ, đưa sau bóng đèn.

* Yêu nhau trầu vỏ cũng say, ghét nhau cau đậu đầy khay chẳng màng.

* Yêu nhau, xé lụa may quần, ghét nhau kể nợ kể nần nhau ra.

10) Thân phận đàn bà

* Ba phen trầu hỏi cả ba, phen này hỏi nữa thiệt là duyên em.

* Ba tàn ba héo vì cây; con sầu vì mẹ, vì *thầy* ép duyên.

(*ba* : hoa; *thầy* : cha).

* Cha mẹ nói oan, quan nói hiếp, chồng có nghiệp nói thừa.

* Còn duyên buôn bán hoa hồng, hết duyên bán mít cho chồng nhặt xỏ.

* Còn duyên đòi cưới ba heo, hết duyên ai cưới một heo cũng ừ.

* Còn duyên đóng cửa kén chồng, hết duyên ngồi gốc cây hồng nhặt hoa.

* Còn duyên kẻ đón người đưa, hết duyên đi sớm về trưa một mình.

* Còn duyên kẻ đợi người chờ, hết duyên vắng ngắt như chùa bà Đanh.

* Còn duyên kén cá chọn canh; hết duyên ếch đực, cua kền cũng vỡ.

* Còn duyên kén chọn trai tử, hết duyên ông lão cũng vỡ làm chồng.

* Còn duyên như tượng tô vàng, hết duyên như tổ ong tàn ngày mưa.

* Gái có con như bò-hòn có rễ, gái không con như bè gỗ trôi sông.

* Hoa tàn vì bởi mẹ cha, khi búp không bán để già ai mua.

* Làm tùy chủ, ngủ tùy chồng.

* May gặp duyên, chẳng may gặp nợ.

* Mẹ già tham việc tiếc công, cầm duyên con lại, thu đông mãn rồi !

* Một mai trống lủng khó hàn, dây dùi khó dứt, bận loan khó tìm.

* Một mình vừa chống vừa chèo, không ai tát nước, đỡ nghèo cho em.

* Mướp già thì mướp có xơ, gái già thì gái nằm trở một mình.

* Ngồi trong cửa sổ chạm rồng, màn loan nệm gấm, không chồng cũng hư.

* Phận gái bến nước mười hai, gặp nơi trong đục may ai nấy nhờ.

* Phận gái mười hai bến nước, trong nhờ đục chịu.

* Thân em như cá giữa rào, kẻ chài người lưới biết vào tay ai.

* Thân em như giếng giữa làng, người khôn rửa mặt, người phàm rửa chân.

* Thân em như hạt mưa rào, hạt rơi xuống giếng, hạt vào vườn hoa.

* Thân em như hạt mưa sa, hạt rơi vườn cấm, hạt ra giữa vôi.

* Thân em như hạt mưa sa, hạt vào đài các, hạt ra ruộng cày.

* Thân em như miếng cau khô, kẻ thanh tham mỏng, người thô tham dày.

* Thân em như tấm lụa đào, phất phở giữa chợ biết vào tay ai.

* Thân em phận gái ngây thơ, khôn ba năm không ai biết, dại một giờ bạn hay.

* Thày mẹ già cú gạn đục khơi trong, để cho duyên chàng nợ thiếp long đong rửa hoài.

11) Trọng nam, khinh nữ

* Có ông mới gọi rằng bà, không ông ta gọi mẹ già đi mô ?

* Con gái là con người ta, con dâu mới thật mẹ cha mua về!

* Dẫu khôn cũng thể đàn bà; dẫu rằng vụng dại cũng là đàn ông.

* Không ngon cũng bánh lá gai, dẫu anh có dốt cũng trai học trò.

* Thứ nhất đẻ con trai, thứ hai đỗ tiến sĩ.

* Trên trời băm sáu vị sao; vị thấp là vợ, vị cao là chồng.

12) Giai cấp, dòng giống

* Chẳng ngon cũng bánh lá dong; tuy rằng xấu xí cũng dòng con quan.

* Con nhà tông, không giống lông cũng giống cánh.

* Con quan thì lại làm quan, con nhà kẻ khó đốt than tối ngày.

* Con thím xã đánh nhả cơm ra; con ông con bà thì tha không đánh.

* Con vua thì lại làm vua, con nhà kẻ khó bắt cua tối ngày.

* Con vua thì lại làm vua, con sãi giũ chùa thì quét lá đũa.

* Giếng trong mà nước hôi phen; tuy rằng em đẹp nhưng hèn mẹ cha.

* Gối róm theo phận gối róm, có đầu dưới thấp mà chòm lên cao.

* Mạch trong nước chảy ra trong; thế nào đi nữa con dòng vẫn hớn.

* Rượu ngon bởi vị men nồng, người khôn bởi vị giống dòng mới khôn.

* Tật voi chung với đức ông, vừa phải đánh cồng, vừa phải hốt phân.

* *Thài-lài* mọc cạnh bờ sông, tuy rằng xanh tốt vẫn tông thài-lài.

(*thài-lài* : một loại cỏ mọc ở những nơi ẩm ướt, lá hình xoan nhọn, hoa màu xanh lam. Thài-lài tượng trưng cho giai-cấp nghèo khó).

* Trúng rồng lại nở ra rồng, *liu điu* lại nở ra dòng liu điu.

(*liu điu* : loại rắn nước nhỏ, có nọc độc, sống ở ao hồ, tượng trưng cho hạng người thấp hèn).

13) Giàu, nghèo, sức mạnh của đồng tiền

* Áo dài không sợ quần sũa, bảy mươi có của cũng vừa mười lăm.

* Ăn bữa hôm, lo bữa mai.

* Ăn bữa sáng, lo bữa tối.

* Ăn bữa trưa, nhịn bữa tối.

* Ăn chưa no, cái lo đã đến.

* Ăn một bát cháo, chạy ba quăng đồng.

* Bà tiền, bà thóc, bà cóc gì ai.

* Cả nhà có cái xống thâm, mẹ đi mẹ mặc, con nằm tô hô.

* Cha đòi cái áo rách này; mất chúng, mất bạn vì mảy áo ỏi!

* Chẳng gì tũởi tốt bằng vàng, chẳng gì lịch-sự về vang bằng tiền.

* Chữ phú đề chữ quý.

* Có của thì rửa sạch dỏ.

* Có tiền, khôn như con tép; không có tiền, dại như con còng còng.

* Có tiền mua tiên cũng được, không có tiền mua lược cũng không.

* Có tiền tám vạn người hầu, có bạc có dầu chán vạn kẻ khêu.

* Có tiền thì tiên hay múa, không tiền thì chúa cũng ngồi chơi.

* Con vịt lặn lội bờ ao, muốn lấy vợ đẹp nhưng không có tiền.

* Đã khó, chó cắn thêm.

* Đầu năm đĩa muối, cuối năm đĩa rau.

* Đẹp như tiên không tiền cũng ế.

* Đẹp như tiên không tiền cũng khổ.

* Đẹp như tiên không tiền cũng xấu.

* Đẹp trai đi bộ không bằng mặt rỗ đi xe.

* Đói ăn vụng, túng làm càn.

* Đói cơm, rách áo hóa ra ăn mày.

* Đồng tiền đi trước, mực thước đi sau.

* Đồng tiền không phấn không hò, sao mà khéo điểm khéo tổ mặt người.

* Đồi xưa kén chọn con dòng, đồi nay ấm cật no lòng thì hơn.

* Được bữa nào xòa bữa ấy.

* Gà đẹp mã nhờ lông, người dễ trông vì cửa.

* Gánh cực mà đổ lên non, cong lưng mà chạy cực còn theo sau.

* Gạo chợ, nước sông, củi đồng, trầu miếng.

* Giàu bán chó, khó bán con.

* Giàu đặng trung đặng hiếu, khó mất thảo mất ngay.

* Giàu điếc, sang đui.

* Giàu làm chị, khó lụy làm em.

* Giàu ngày ăn ba bữa, khó cũng đổ lửa ba lần.

* Giàu người bằng mười giàu của.

* Giàu nhờ bạn, sang nhờ vợ.

* Giàu như ai, ăn cơm với cá; khó như hai đứa mình, ăn rau má rau lang.

* Giàu như người ta, cơm *lua* cá gấp; khó như vợ chồng mình, bột bắp với rau lang.

(*lua* : và cơm nhanh đưa vào miệng).

* Giàu nuôi lợn đực, khổ cực nuôi lợn nái.

* Giàu sang sinh lễ nghĩa, nghèo nàn sinh đạo tặc.

* Giàu tử trong trứng giàu ra, khó tử ngã bảy ngã ba khó về.

* Hạt tiêu nó bé nó cay, đồng tiền nó bé nhưng hay của quyền.

* Hèn mà làm bạn với sang, chỗ ngồi chỗ đứng có ngang bao giờ.

* Kẻ ăn không hết, người làm không ra.

* Kẻ có tiền không mạnh thì bạo.

* Kẻ một quan khinh kẻ chín tiền.

* Khôn như tiên, không tiền cũng dại; dại như chó, có ló cũng khôn.

* Mạnh nhờ gạo, bạo nhờ tiền.

* Miệng kẻ giàu sang có gang có thép, đồ kẻ khó vừa nhỏ vừa thâm !

* Người thì mỡ bầy mỡ ba, người thì áo rách như là áo tơi.

* Nhà giàu dẫm phải gai bằng thuyền chài đổ ruột.

* Nhà giàu dẫm phải gai bằng nhà khó gãy hai xương sườn.

* Nhà giàu đứt tay bằng ăn mày đổ ruột.

* Nhà giàu mua vải tháng ba, bán gạo tháng tám mới ra nhà giàu.

(Tháng ba và tháng tám là hai tháng giáp hạt, người nghèo đói kém).

* Nhà giàu trồng lau ra mía, nhà khó trồng củ tía ra củ nâu.

* Nhà giàu ủa kẻ thật thà, nhà quan ủa kẻ ra vào dạ thưa.

* Nhà khó, con thành khôn.

* Nhà nghèo giữ đầu, nhà giàu giữ cửa.

* Thấp được tìm giàu, giàu chẳng thấy; cầm gươm chém khó, khó theo sau.

* Thiếu thuế bắt vợ, thiếu nợ bắt con.

* Tiền bạc đi trước, mực thước đi sau.

* Tiền là sức mạnh của tuổi trẻ, sức khỏe của tuổi già, cái đà cho danh vọng, cái lọng để che thân.

* Tiền là Tiên, là Phật, là sức mạnh của tuổi trẻ, là sức khỏe của tuổi già.

* Trong lũng chẳng có một đồng, lời nói như rồng cũng chẳng ai nghe.

* Trong tay có sẵn đồng tiền thì lòng đỏ trắng thay đen khó gì.

* Vần tay với chẳng tới kèo, cha mẹ anh nghèo, cưới chẳng được em.

* Vừa giàu vừa sang nở nang mày mặt.

14) Kinh nghiệm, kiến thức

* Ai ơi, chớ lấy vợ giàu, cơm ăn chê hẩm, cá kho bầu chê tanh.

* Ăn dưa đắng đít, ăn mít đắng đầu.

* Ăn được ngủ được là tiên, không ăn không ngủ là tiền vứt đi.

* Ba tháng dễ sấy, bảy tháng dễ sa.

- * Bắt lợn tóm giò, bắt bò tóm mũi.
- * Bé ăn trộm gà, già ăn trộm trâu.
- * Biết người biết ta, trăm trận trăm thắng.
- * Biết sự đời, mười đời chẳng khó.
- * Bối tin nên mắc, bối chắc nên làm.
- * Cá thia quen chấu, chồn đèn quen hang.
- * Cá tuổi xem lấy đôi mang, người khôn xem lấy hai hàng tóc mai.
- * Cả cây nậy buồng.
- * Cái khó bó cái khôn.
- * Cái khó ló cái khôn.
- * Cái sậy nảy cái khôn.
- * Càng thắm thì lại mau phai, thoang thoang hoa lài càng được thơm lâu.
- * Canh bầu thì nấu hành hao, bí ngô nấu tỏi, bí đao nấu hành.

* Cau già khéo bổ thì ngon, nạ dòng trang điểm lại giòn như xứa.

* Cây cao thì gió càng lay; càng cao danh vọng, càng dày gian nan.

* Chè ngon ngọt giọng, thuốc ngon quyện đờm.

* Chó ăn già, gà ăn non.

* Chó liền da, gà liền xương.

* Chó sữa thì chó không cắn.

(Việt-hóa tục ngữ Pháp: "*Chien qui aboie ne mord pas.*").

* Chó treo, mèo đậy.

* Chuối ăn sau, cau ăn trước.

* Chụp đứa có tóc, không ai chụp đứa trọc đầu.

* Có gió rung mới biết tùng bách cứng, có ngọn lửa hừng mới biết vàng cao.

* Có ở trong chăn, mới biết chăn có rận.

* Cọ già là bà lim.

* Con so về nhà mẹ, con rạ về nhà chồng.

* Cơm chẳng lành, canh chẳng ngon, chín đặng mười con cũng lìa.

* Cơm chẳng ngon, nhiều con cũng hết.

* Của cải của cha mẹ là của con; của cải của con không phải là của cha mẹ.

* Củi mục khó đùn, chổi cùn khó quét.

* Cùng nghề đan thúng, túng nghề đan nia.

* Cùng nghề đi tát, mạt nghề đi câu.

* Cưới vợ thì cưới liền tay, chớ để lâu ngày lắm kẻ dèm pha.

* Dao năng liếc thì sắc, người năng chào thì quen.

* Dao thủ trâu héo, kéo thủ lỵa sô.

* Đàn bà lổ tai, đàn ông con mắt.

* Đẹp như tiên, lo phiền chóng xấu.

* Đi một ngày đàng, học một sàng khôn.

* Đoạn trường ai có qua cầu mới hay.

* Đứng tham của rẻ của ôi, những của đầy nôi là của chẳng ngon.

* Đường dài mới biết ngựa hay, nước loạn mới biết
tôi trung, nịnh thần.

* Gà cựa dài thịt rắn, gà cựa ngắn thịt mềm.

* Gái khôn, trai dốt lâu ngày cũng xiêu.

* Gạo tám xoan, chim ra ràng, gái măn tang, gan
gà giò.

* Khế xanh nấu với ốc nhồi, tuy nước nó đục nhưng
mùi lại thơm.

* Lạc đường nắm đuôi chó, lạc ngõ nắm đuôi trâu.

* Lên non mới biết non cao, lội sông mới biết lạch
nào cạn sâu.

* Lên non mới biết non cao, nuôi con mới biết công
lao mẹ già.

* Lửa thử vàng, gian nan thử sức.

* Mật ngọt chết ruồi, mắ mặ chết troi bao giò.

* Mấy đời bánh đúc có xương, mấy đời dì ghẻ mà
thương con chồng.

* Mẹ gà con vịt chít chiu, mấy đời dì ghẻ nằng niu
con chồng.

- * Mềm quá thì yếu, cứng quá thì gãy.
- * Mít chặt cành, chanh cắt rễ.
- * Một cái rắm bằng năm thuốc tiêu, bằng liều thuốc gió, bằng lọ thuốc viên.
- * Một con sa bằng ba lần đẻ.
- * Một con so, lo bằng mười con rạ.
- * Một nạm gió bằng một bó chèo.
- * Một người nhà bằng ba người muốn.
- * Một quả cà, ba thang thuốc.
- * Mua bầu xem cuống, mua muống xem lá, mua cá xem mang.
- * Mua cá thì phải xem mang, mua bầu xem cuống, mới không bị lừa.
- * Mua cá thì phải xem mang, người khôn xem lấy hai hàng tóc mai.
- * Mua cua xem càng, mua cá xem mang.
- * Mùa hè cá sông, mùa đông cá biển.

- * Múa tránh chỗ trắng, nắng tránh chỗ đen.
- * Nước mắm xem màng, thánh hoàng xem tán quạt.
- * Ra ngõ hỏi già, về nhà hỏi trẻ.
- * Rau chọn lá, cá chọn vảy.
- * Rắn mai tại chỗ, rắn hổ về nhà.
(Rắn mai cắn thì chết liền tại chỗ, rắn hổ cắn thì về nhà mới chết).
- * Ruốc tháng hai, không khai thì thối.
- * Rượu lạt uống lắm cũng say, người khôn nói lắm, dẫu hay cũng nhàm.
- * Sau cơn mưa, trời lại sáng.
(Việt-hóa tục ngữ Pháp: "*Après la pluie le beau temps* ").
- * Tháng tám tre non làm nhà, tháng năm tre già làm lạt.
- * Thất bại là mẹ thành công.
- * Thịt gà, cá chép, ba ba, cả ba thứ ấy đàn bà phải kiêng.
- * Thịt trâu không tỏi như gói không rau mớ.

* Thú nhất gỗ vàng tâm, thú nhì gỗ kiên kiên, thú ba gỗ giao.

* Thú nhất phạm phòng, thú nhì lòng lợn.

* Thức khuya mới biết đêm dài, ở lâu mới biết là người phải chăng.

* Trăm hay không bằng tay quen.

* Tre già là bà lim.

* Trông mặt mà bắt hình dong, con lợn có béo thì lòng mới ngon.

* Vịt già, gà tổ.

(Ăn vịt thì ăn vịt già, ăn gà thì ăn gà tổ).

15) Tâm lý

* Bỏ thì thương, vương thì tội.

* Bụt nhà không thiêng.

* Cá sấu, cá trở đầu đuôi; người sấu lên ngược, xuống xuôi cũng sấu.

* Chỗ quê hương là đẹp hơn cả.

* Có mặt thì mắng, vắng mặt thì thương.

* Cơm cha thời ngon, cơm con thời đắng.

* Cửa làm ăn no, cửa cho ăn thèm.

* Đói bụng chồng, đau lòng vợ.

* Đói lòng con, héo hon cha mẹ.

* Đường đi không khó vì non sông cách trở, mà khó vì lòng người ngại núi e sông.

* Hoa thơm, thơm lạ thơm lùng; thơm cây, thơm cội, người trồng cũng thơm.

* Khen chanh thì chanh ngọt, chê hồng thì hồng chua.

* Khi vui, nói chuyện cũng vui; khi buồn, thổi sáo, kèn đôi cũng buồn.

* Khi thưởng, trái ấu cũng tròn, khi ghét bồ-hòn cũng méo.

* Khi thưởng, cho đường thêm bánh; khi ghét, tay đánh miệng la.

* Khi thưởng, ngóng trông lâu lạ; khi ghét, mặt quạu làm ngổ.

* Không tiền ghét kẻ có tiền cầm tay.

- * Mất gạo nghi đũa đỏi, mất gói nghi kẻ áo rách đi đường.
- * Một ngày dưỡng gian bằng ngàn ngày âm phủ.
- * Một trăm tiền công không bằng một đồng tiền thưởng.
- * Miếng ngon nhớ lâu, đòn đau nhớ đời.
- * Ngày vui ngắn chẳng tày gang.
- * Người đi không bực bằng người ngồi chực nời cơm.
- * Người xinh cái bóng cũng xinh, người xấu cái tình tình tình cũng buồn.
- * Nhà sạch thì mát, bát sạch ngon cơm.
- * Những lời ăn nói khôn ngoan, sông sâu hóa cạn, đường xa hóa gần.
- * Phải cung tên, thấy cành cây cong cũng sợ.
- * Sầu đông càng lắc càng đầy.
- * Sợ người ở phải, hãi người cho ăn.
- * Suy bụng ta ra bụng người.

* Thương nhau cau sáu bửa ba, ghét nhau cau sáu bửa ra thành mười.

* Trời sinh con mắt là gương, người ghét ít ngó, người thương ngó nhiều.

* Trượt vỏ dưa thấy vỏ dừa cũng sợ.

* Yêu nên tốt, ghét nên xấu.

* Yêu nhau, bốc sảy giần sàng; ghét nhau đĩa ngọc mâm vàng chẳng ngon.

* Yêu nhau, trầu vỏ cũng say; ghét nhau, cau đậu đầy khay chẳng màng.

* Yêu nhau yêu cả đường đi, ghét nhau ghét cả tông ti họ hàng.

16) Thức thời

* Ăn miếng chả, trả miếng nem.

* Ăn nhịn qua ngày, ăn vay mắc nợ.

* Ăn theo thời, ở theo thời.

* Bánh đúc trao tay, bánh dày trao lại.

* Bánh ít ra đi, bánh dày trở lại.

- * Bánh ú trao đi, bánh dày trao lại.
- * Chim khôn tiếc lông, người khôn tiếc lời.
- * Công nợ trả dần, cháo nóng húp quanh.
- * Đi với Bụt mặc áo cà-sa, đi với ma mặc áo giấy.
- * Gió chiều nào ngả theo chiều đó.
- * Khó nhìn miệng, mờ côi nhìn lời.
- * Nói gần nói xa, chẳng qua nói thật.
- * Ở theo thời, làm theo thế.

17) Dạy khôn, dạy khéo

- * Ai ơi, chớ lấy học trò, dài lưng tốn vải, ăn no lại n
ằm.
- * Ăn cá nhả xương, ăn đường nuốt chậm.
- * Ăn cháo để gạo cho vay.
- * Ăn lấy chắc, mặc lấy bền.
- * Ăn nhìn qua ngày, ăn vay mặc nợ.
- * Ăn quả vả, trả quả sung.

- * Ăn tám lạng, trả nửa cân.
- * Ăn xôi bỏ cháy, ăn gà bỏ xương.
- * Buôn Ngô, buôn Tàu chẳng bằng hà tiện.
- * Buôn tàu, buôn bè chẳng bằng *ăn dè* lỗ miệng.
(*ăn dè* : ăn ít hơn bình thường).
- * Cầm mất lái chẳng bằng *bán vãi* ngay đi.
(*bán vãi* : bán với giá rẻ cho chóng hết).
- * Côm ăn, tiền lấy, giấy trả lại quan.
- * Gửi lời thì nói, gửi gói thì mở.
- * Học ăn học nói, học gói học mở.
- * Khéo ăn thì no, khéo nằm co thì ấm.
- * Khôn ra miệng, dại ra tay.
- * Làm trai chỗ chỗ đồ ngang, chỗ cày ruộng Phật, chỗ mang nợ làng.
- * Mạnh dùng sức, yếu dùng chước.
- * Một cành tre, năm bảy cành tre; lấy ai thì lấy, chớ nghe họ hàng.

* Muốn giàu nuôi trâu cái, muốn lụn bại nuôi bò cái.

* Ngụ cú có thóc cho vay, có lúa đầy bàn thì lấy ngụ cú.

* Người dưng có ngãi thì đái người dưng, anh em vô ngãi thì đừng anh em.

* Người khôn thủ tiếng, người ngoan thủ lời.

* Nhỏ cỏ phải nhỏ cả rễ.

* Thua keo này, bày keo khác.

* Trai khôn tránh khỏi vợ thừa người ta.

18) Đức hạnh, cá tính

* Dù ai nói ngả nói nghiêng, lòng ta vẫn vững như kiềng ba chân.

* Đánh chết cái nết cũng không chừa.

* Đường mòn, ân nghĩa không mòn.

* Gàn bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn.

* Gỗ già dăm cứng khó bào, người trung mắc nạn chẳng nao núng lòng.

* Lòng ta, ta đã quyết rồi; nào ai nói đúng nói ngời
mặc ai.

* Nên ra tay kiếm, tay cờ; chẳng nên thì chớ, chẳng
nhờ cậy ai.

* Sống để dạ, chết mang theo.

* Sống gửi nạc, thác gửi xương.

* Vàng tâm xuống nước vẫn tươi, anh hùng lâm nạn
vẫn cười vẫn vui.

* Yêu nhau, yêu cả một đời.

19) Không tốt

* Anh khố son bòn anh khố nâu.

* Áo *cứ* chàng, làng *cứ* lý trưởng.

(*cứ*: dựa vào. Nghĩa bóng : Tánh ỷ lại).

* Ăn chó cả lông, ăn hồng cả hạt.

* Ăn không nên đợi, nói không nên lời.

* Ăn lếu nói láo, ăn thật cáo lại nói thật cày.

* Ăn mày đòi xôi gấc.

* Ăn một miếng, tiếng để đời.

* Ăn như rồng cuốn, nói như rồng leo, làm như mèo mửa.

* Ăn như rồng cuộn, làm như cà cuống lội sông.

* Ăn no nằm ngủ, chó phải bầu chủ mà lo.

* Ăn thì cúi *trốt*, đẩy *nốt* thì la làng.

(*trốt*: cái đầu; *nốt*: chiếc thuyền).

* Ăn thì đùa, thua thì chạy.

* Ăn thì lựa những miếng ngon, làm thì chọn việc cón con mà làm.

* Ăn thì mau chân, việc cần thì đứng đĩnh.

* Ăn thì no, cho thì tiếc, để dành thì thiu.

* Bán anh em xa, mua láng giềng gần.

* Bòn nói khổ rách, đãi nói quần hồng.

* Cả ngày thì lại đi chơi, tối tắt mặt trời, đổ lúa vô xay.

* Cháy nhà hàng xóm, bình chân như vại.

* Chẳng được ăn thì đập đồ.

* Chơi cho thủng trống long dùi.

* Chú khi ni, mi khi khác.

* Chứa bắt được cọp, đã rao bán xướng.

(Xướng cọp làm cao hổ cốt).

* Chứa bắt được gấu, đã đòi bán mật.

* Chứa đỗ ông nghè, đã đe hàng tổng.

* Chứa đủ lông đủ cánh đã vọi bay.

* Chứa học bò đã lo học chạy.

* Chứa nghèo đã lo ăn trộm.

* Chưa nói đã cười là người vô duyên.

* Chưa tối đã vọi đi nằm.

* Có bạc thì tính phụ tiền; có nhân ngãi mới, quên người tình xưa.

* Có con thì gả chồng xa, gả gần cửa ngõ, nó vô ra tổn trâu.

* Có hoa sói, phụ hoa ngâu.

* Có học mà không có hạnh.

* Có ít, xít ra nhiều.

* Có mặt thì gọi là cô, vắng mặt thì gọi là đĩ.

* Có mới nới cũ.

* Có mực, em tính phụ son; có kẻ đẹp gòn, em phụ nhân duyên.

* Có ta, nói nói cười cười; không ta thì lại coi người hơn ta.

* Có ta thì nói với ta, không ta thì lại trăng hoa với người.

* Có vả mà phụ lòng sung, có chùa bên Bắc, bỏ miếu bên Đông tòi tàn.

* Con nhà lính, tính nhà quan.

* Cửa mình thì giữ bo bo, cửa người thì thả cho bò nó ăn.

* Cửa người bồ-tát, cửa mình lật buộc.

* Dạ trước mặt, chửi sau lưng.

* Dựa hơi hùm, vênh râu cáo.

* Đặng chim bẻ ná, đặng cá quên nơm.

* Đâm bị thóc, thọc bị gạo.

* Đầu chày nói có, cuối chày nói không.

* Đều thì mới có, *phủ* như chó mới già.

(*phủ*: độc ác, tàn nhẫn).

* Đi ra cúi mặt xuống đất, về nhà cất mặt lên trời.

* Đòi nợ tháng ba, đốt nhà tháng tám.

(Tháng ba và tháng tám là hai tháng giáp hạt, dân nghèo thiếu ăn; tháng tám trời nắng, đốt nhà khó chữa).

* Đưa người cửa trước, rước người cửa sau.

* Đứng núi này trông núi nọ, đã được voi lại còn đòi tiên.

* Được bữa nào quào bữa nấy.

* Được đầu voi, đòi đầu ngựa.

* Được ỏn bằng cái đĩa, trả nghĩa bằng con rười.

* Giàu đổi bạn, sang đổi vợ.

* Giàu là họ, khó là người đứng.

* Giàu thì ghen, nghèo thì khinh.

* Hèn với giặc, ác với dân.

* Hiền trước mặt, làm giặc sau lưng.

* Khác nào quạ mượn lông công, bề ngoài xinh đẹp, trong lòng xấu xa.

* Khi làm chẳng thấy gã đâu, khi ăn thấy gã đứng đầu tiên chình.

* Khi sống thì chẳng cho ăn, đến khi đã chết, làm vẩn té ruồi.

* Khi sống thì chẳng cho ăn, đến khi thác xuống, mâm cao cỗ đầy.

* Khi xưa cầu lụy trăm đàng, được rồi thì lại phủ phàng chán chê.

* Khoai lang củ sượng củ trần, siêng ăn nhác màn, lựa củ cho to.

* Không được ăn thì đập đổ.

* Không lấy được thì quấy cho hôi.

* Không ưa đồ thừa là thói.

* Lắm sãi không ai đóng cửa chùa.

* Lấy chồng chẳng nghĩ đến chồng, đêm nằm tỏ tưởng đến ông láng giềng.

* Lấy chồng chẳng nghĩ đến chồng, vào giường mở
tưởng người yêu thuở nào.

* Lấy râu ông nọ, cắm cằm bà kia.

* Luôn ngăn lại chê chạch dài, lồn bôn méo miệng
chê trai lệch mồm.

* Máu tham hể thấy hời đồng thì mê.

* Mất ăn một miếng lợn gan lên đầu.

* Mất tiền mua mâm, thì đâm cho thủng.

* Mất tiền mua thúng, thì đụng cho tan.

* Mẹ già hết gạo treo niêu, mà con khăn đỏ, khăn
điều vắt vai.

* Miệng mời xói, bụng lạy trời đừng ăn.

* Miệng nói hay, tay làm bậy.

* Miệng ông cai, vai đầy tổ.

* Miệng thốn thốt, dạ ốt cay.

* Nam-mô một bồ dao găm, một trăm dao mác,
một vác dao bầu, một xâu thịt chó.

* Ngắt bông sen còn vướng tổ óng, cắt dây tình nào có sao đâu !

* Ngoài miệng thì niệm nam-mô, trong lòng thì chứa một bồ dao găm.

* Ngồi buồn vuốt bụng thở dài, nhớ chồng thì ít, nhớ trai thì nhiều.

* Nhịn đói năm co hơn ăn no vắc nặng.

* Nói một đàng, làm một nẻo.

* Nói năng quân tử, cử xử tiểu nhân.

* Nói vô thì ít, xit ra thì nhiều.

* Nói xuôi cũng được, nói ngược cũng hay.

* Nữ kê tác quái, gà mái đá gà cồ.

* Quen mặt đất hàng.

* Say sưa nghĩ cũng hư đời, hư thời hư vậ, say thời cú say.

* Sống chết mặc bay, tiền thầy bỏ túi.

* Thà giết làm hơn bỏ sót !

* Thấy người sang, bắt quàng làm họ.

- * Treo đầu dê, bán thịt chó.
- * Treo mật gấu, bán mật heo.
- * Trong nhà chứa tổ, ngoài ngõ đã hay.
- * Trỏ mặt như trỏ bàn tay.
- * Trូវng giả học làm sang.
- * Vay thì ha hả, trả thì cầu nhàu.
- * Vẽ hùm thêm cánh, vẽ rắn thêm chân.
- * Việc bé xé ra to.
- * Việc người thì sáng, việc nhà thì quáng.
- * Việc người thì chán, việc nhà thì ngán.
- * Việc nhà thì nhác, việc chú bác thì siêng.
- * Vừa ăn cướp, vừa la làng.
- * Xong chạy, quăng thầy xuống ao.

20) Nhân tình thế thái

* Cá không ăn câu, chê rằng cá đại; cá mắc mồi rồi, bảo tại tham ăn !

* Cao chê ngông, thấp chê lùn, béo chê béo trực béo tròn, gầy chê xương sống xương sườn bày ra.

* Chị em thì thật là hiền, chỉ vì đồng tiền mà mất lòng nhau.

* Chim quyên nó đậu bụi riêng, dẫu bà con ruột không tiền cũng xa.

* Giàu là người họ, khó là người dung.

* Giàu sang nhiều kẻ tối lui, khó khăn nên nỗi ruột rà xa nhau.

* Giàu sang ở tận bên Lào, hùm tha rấn cắn, cũng mò mà qua.

* Giàu sơn lâm lắm kẻ tìm đến, khó giữa chợ chẳng ma nào nhìn.

* Giàu thì kẻ tối người lui, nghèo hèn dột nát, gầy rui ai nhìn.

* Giúp lời không ai giúp của, giúp đũa không ai giúp cơm.

* Kẻ đầy thúng khinh kẻ lúng bát.

* Khi khó thì chẳng ai nhìn, đến khi đỗ trạng, chín nghìn anh em.

* Khi nghèo thì chẳng có ai, đến khi đỗ trạng, xã cai đầy nhà.

* Khó hèn thì chẳng ai nhìn, đến khi đỗ trạng, chín nghìn nhân duyên.

* Khó khăn ở quán ở lều; bà con, cô cậu chẳng màng hỏi han.

* Khó nằm giữa chợ ai màng, làm nên quốc trạng, ba ngàn bà con.

* Khó nằm giữa chợ chèo queo, sơn lâm có của cũng trèo mà lên.

* Khôn ngoan thì bảo rằng ngoa, vụng dại thì bảo người ta rằng đần.

* Mối hay của trọng hơn người, giàu sang đổi bạn, nghèo nàn đổi duyên.

* Ở sao cho được lòng người, ở rộng người cười, ở hẹp người chê.

* Tiếng lành không ra khỏi ngõ, tiếng dữ đồn xa vạn dặm.

* Vai mang bị bạc lè kè; nói quấy nói quá, chúng nghe ầm ầm.

* Xưa nay thế thái nhân tình, vợ người thì đẹp, vợ mình thì chề.

21) Khờ dại

* Ách giữa đàng quàng vào cổ.

* Ăn cơm nhà, thổi tù-và hàng tổng.

* Ăn cơm nhà, vắc la-ngà cho quan.

* Chê rau muống sống, lại ôm dưa già.

* Chim chích mà ghẹo bồ nông, đến khi nó mổ, lạy ông tôi chữa.

* Chó chê nhà dột ra nằm bụi tre.

* Con cóc nằm góc bồ ao, lăm le lại muốn đớp sao trên trời.

* Dạy dĩ vén xống, dạy ông cống vào trường, dạy bà lang bốc thuốc.

* Đường quang chẳng đi, đâm quàng bụi rậm.

*Ếch ngồi đáy giếng, coi trời bằng vung.

* Già đời còn mang tội chữa cháy.

* Gỗ trắc đem lát ván cầu, yến sào đem nấu với đầu tôm khô.

(Gỗ trắc là loại gỗ quý, yến sào là một món ăn rất quý. Nghĩa bóng: không biết dùng người).

* Khôn với vợ, dại với người dùng.

* Làm thân con lừa, ưa việc nặng.

* Lạy ông tôi ở bụi này.

* Lấy vải thưa che mắt thánh.

* Mất bò mới lo làm chuồng.

* Mua danh ba vạn, bán danh ba đồng.

* Ngựa ô chẳng cỡi, cỡi bò, đường ngay không chạy, chạy vòng đường quanh.

* Nói chơi không biết, nói thiệt không hay.

* Nuôi ong tay áo, nuôi cáo trong nhà.

* Ở đời có bốn cái ngu: làm mai, lãnh nợ, gác cu, cầm chầu.

* Phụng hoàng cắt cánh đuổi đi, bắt con bìm bịp đem về mà nuôi.

(Nghĩa bóng : Không biết dùng người).

* Quan tám cũng ừ, quan tứ cũng gật. (Ba phải).

* Tiền buộc dải yếm bo bo, đưa cho thầy bói đem lo vào mình.

* Tin bộm mất bò, tin bẹn mất vợ năm co một mình.

* Vạch áo cho người xem lưng.

* Xe chỉ buộc chân voi.

22) Khôn ngoan, khôn ranh

* Ăn cỗ đi trước, lội nước đi sau.

* Ăn cơm lửa thóc, ăn cóc bỏ gan.

* Ăn lấy chắc, mặc lấy bền.

* Cầm dao đằng chuôi, không ai cầm đằng lưỡi.

* Chẻ tre lựa cật đan nia, có chồng con một, khỏi chia gia tài.

* Chiều chồng lấy con, chiều người lấy việc.

* Chim khôn tiếc lông, người khôn tiếc lời.

* Chim khôn lựa cành làm tổ, gái khôn lựa chốn trai lành gửi thân.

* Gái chữa hoang, cho vàng cũng không lấy.

* Lái trâu, lái lợn, lái bò; trong ba lái ấy không nghe lái nào.

* Làm dâu nơi *cả thế*, làm rể nơi đông con.

(*cả thế*: danh giá).

* Làm đĩ mười phường để một phường lấy chồng.

* Mua cam thì chọn giống cam, lấy chồng thì chọn trưởng nam cho giàu !

* SỰ ĐỒI NGÀY NẮNG ĐÊM MƯA, NGƯỜI THƯỜNG THƯỜNG TRẢ, NGƯỜI ĐUA ĐUA NGƯỜI.

* Thả con săn sắt, bắt con cá rô.

* Trai con một thì lấy, gái con một thì đừng.

23) Lý sự

* Ai biết ngựa đàu mà gái !

* Ai biết uốn câu cho vừa miệng cá.

* Ai chê đám cưới , ai cười đám ma.

- * Ai có thân người ấy lo, ai có bò người ấy giữ.
- * Ai đâu thưởng kẻ ngu si, của đâu cho đứa nằm lì mà ăn.
- * Ăn chẳng nên đọi, nói chẳng nên lời.
- * Bè ai người ấy chống.
- * Biết ai giàu ba họ, biết ai khó ba đời ?
- * Chanh chua thì khế cũng chua; khế chỉ một mùa, chanh bán cả năm.
- * Chết no còn hơn sống thèm.
- * Chết sông chết suối, không ai chết đuối đọi đèn.
- * Chết trẻ khéo ma, chết già ma mệt.
- * Chết trước được mồ được mả, chết sau bỏ ngả bỏ nghiêng.
- * Chỉ đâu mà buộc chân Trời, thuốc đâu mà chữa con người lẳng lỏ.
- * Chỉ đâu mà buộc ngang trời, tay đâu mà bịt miệng người thế gian.

* Chính chuyên chết cũng ra ma, lẳng lơ chết cũng chôn ra ngoài đồng.

* Chính chuyên chồng cũng được nhờ, lẳng lơ ai biết mà lo cho bực mình.

* Chính chuyên chồng cũng được nhờ, lẳng lơ nào biết cõi bồ là đâu.

* Chồng con là cái nợ nần, thà rằng ở vậy nuôi thân khỏe mình.

* Chưa biết mèò nào cắn mủ nào.

* Có thóc mới bóc ra gạo.

* Có thờ có thiêng, có kiêng có lành.

* Có thực mới vực được đạo.

* Có tích mới dịch nên tuồng.

* Con có cha có mẹ, không ai ở lỗ nẻ mà lên.

* Cờ đến tay ai nấy phát.

* Củ cải nói phải ông vải cũng nghe.

* Đẹp chi cái áo vải sồng, đẹp chi con gái lộn chồng mà thương.

* Gà ăn mối, mối ăn Thổ Công, Thổ Công ăn gà.

* Khôn chẳng qua lẽ, khoẻ chẳng qua lời.

* Không có bột sao gột nên hồ ?

* Không có lửa sao có khói ?

* Không có mây sao có mưa ?

* Không vào hang cọp sao bắt được cọp con ?

* Lẳng lơ cũng chẳng có mòn, chính chuyên cũng chẳng sờn son để thờ.

* Làm lành muốn chúng biết danh, ấy là làm tiếng, *phải lành chi mô*.

(*phải lành chi mô* : đâu có phải là làm điều tốt lành).

* Muốn ăn thì lẩn vô bếp, muốn chết thì lết vô hòm.

* Muốn nói không, làm mẹ chồng mà nói.

* Muốn nói ngoa, làm mẹ chồng mà nói.

* Muốn vu oan, làm quan mà nói.

* *Muối đắng đã có mặt cửa*.

(*muối đắng, mặt cửa* chỉ bọn người chuyên lừa gạt, bịp bợm).

* Nhà báo nói lão ăn tiền.

* Nợ máu phải trả bằng máu.

* Nước lã mà khuấy nên hồ, tay không mà dựng có đồ mới hay.

* Nước trong ai chẳng rửa chân, hoa thơm ai chẳng tới gần gốc cây.

* Ông tiền, ông thóc, *ông cóc gì ai*.

(*ông cóc gì ai* : chẳng phải là người quý giá gì đâu).

* Quân tử nhất ngôn là quân tử đại, quân tử nói đại là quân tử khôn !

* Ra khỏi mới biết cạn sâu, ở trong lạch hỏi biết đâu mà dò.

* Sứ nói sứ phải, vãi nói vãi hay.

* Sống quá hóa điên.

* Tại anh, tại ả, tại cả đôi bên.

* Thánh nhân cũng có khi lầm.

* Trai làng ở quá còn đông, tội gì lại lấy ông chồng ngụ cú.

* Trai làng thì lấy gái làng, tội gì vác cuốc dọn đàng ai đi.

* Trăng khoe trăng tỏ hớn đèn, sao trăng lại phải chịu luồn đám mây.

* Vô quít dày có móng tay nhọn.

* Vợ dại thì đẻ con khôn, trâu chậm lấm thịt, rựa cùn dễ bằm.

24) Nhận xét

Những nhận xét trong các câu tục ngữ thường là những nhận xét đúng; nhưng cũng có nhiều nhận xét chủ quan, không hợp tình, không hợp lý, lỗi thời.

* Anh em cột chèo như mèo với chó.

* Anh em rể như ghế ba chân.

* Áo năng may năng mới, người năng tới năng thưởng.

* Áo rách khéo vá hơn lành vụng may.

* Anh hùng tạo thời thế.

* Ăn nhờ nhà vợ như ở độ nhà người ta.

- * Ba đấm không bằng một đá.
- * Ba đấm không bằng một đạp.
- * Ba lần dọn nhà bằng một lần nhà cháy.
- * Ba năm ở với người đàn, chẳng bằng một lúc đứng gần người khôn.
- * Ba tháng biết lấy, bảy tháng biết bò, chín tháng lò dò biết đi.
- * Bà con xa không bằng láng giềng gần.
- * Bạc đeo đầy mình không bằng thông minh sáng suốt.
- * Bao giờ cho đến tháng mười, thổi nôi cơm nếp, vừa cười vừa ăn.
- * Bao giờ cho đến tháng năm, thổi nôi cơm nếp, vừa nằm vừa ăn.
- * Băn hăn bó hó như nhà khó mất ăn.
- * Bầu già thì muối cũng xỏ, nạ dòng trang điểm, gái tử mắt chồng.

* Bé thì nhờ mẹ, nhờ cha, lớn lên nhờ vợ, lúc già nhờ con.

* Bé trộm gà, khi *cả* trộm trâu.

(*cả*: lớn).

* Bịt được miệng chính, miệng vò, nào ai bịt được miệng o, miệng dì.

* Bịt miệng vòm, miệng lọ, không ai bịt được cái mồm người ta.

* Bói ra ma, quét nhà ra rác.

* Bôn ba chẳng qua thời vận.

* Bối tin nên mắc, bối chắc nên làm.

* Bụng đói, đầu gối phải bò.

* Bụng đói thì *cẳng* phải bò.

(*cẳng*: chân).

* Buộc được chân ngựa chân voi, nào ai buộc được lòng người gian tham.

* Buổi chợ đông, con cá hồng chê lạt; tan chợ rồi, con tép bạc cũng phải mua.

* Cá trong lò đở hoe đôi mắt, cá ngoài lò ngúc ngoắc muốn vô.

* Cả giận mất khôn.

* *Cả sông* đông chợ, lắm vợ nhiều con.

(*cả sông* : sông lớn)

* Cách sông nên phải lụy đò, tối trời nên phải lụy o bán dầu.

* Cái khó bó cái khôn.

* Cái khó ló cái khôn.

* Càng cao danh vọng, càng dày gian nan.

* Càng cay nghiệt lắm, càng oan trái nhiều.

* Càng già càng dẻo càng dai.

* Canh môn khéo nấu thì ngon, mẹ già khéo nói thì con đất chồng.

* Canh sông khéo nấu cũng ngon, mẹ già khéo nói thì con đất chồng.

* Cáo bầy không bằng cọp một.

* Cau phối tái, gái đoạn tang, chim ra ràng, *gà mái ghe*.

(gà mái ghe : gà mái tổ).

- * Câm hay nói, què hay đi, dốt hay nói chữ.
- * Cây đa cậ thần, thần cậ cây đa.
- * Cây khô không có lộc, người độc không có con.
- * Cây khô mấy thuở mọc chồi, cá mại dưới nước mấy đời hóa long.
- * Cây không trồng không tiếc, con không đẻ không thưởng.
- * Cây ngay không sợ chết đứng.
- * Cháy nhà ra mặt chuột.
- * Chăn tầm rồi mới ươm tổ, làm dâu rồi mới được như mẹ chồng.
- * Chẳng ốm chẳng đau, làm giàu mấy chốc.
- * Chẳng thiêng ai gọi là thần; lối ngang đường tắt chẳng gần ai đi.
- * Chiếc áo không làm nên thầy tu.
- * Chín đụn, mười trâu; chết cũng hai bàn tay trắng.
- * Chim đẹp nhờ bộ lông, người đẹp nhờ bộ cánh.

* Chim khôn chết mệt vì mồi, người khôn chết mệt vì lời nhỏ to.

* Chim khôn chưa bắt đã bay, người khôn chưa nói dang tay đỡ lời.

* Chim khôn chưa bắt đã bay, người khôn ít nói, ít hay trả lời.

* Chim khôn đậu óc nhà quan, gái khôn tìm chồng ở chốn ba quân.

* Chim khôn tiếng hót rảnh rang, người khôn ăn nói dịu dàng dễ nghe.

* Chó cậy nhà, gà cậy vườn.

* Chó đâu chó sủa lỗ không, chẳng thẳng ăn trộm thì ông ăn mày.

* Chó sủa thì chó không cắn.

(Việt-hóa tục ngữ Pháp: "*Chien qui aboie ne mord pas*").

* Chồn vào nhà không mất gà cũng mất vịt.

* Chửi dao có ngày đứt tay.

* Chủ nhà, người ở, khen nhau bao giờ.

* Chuông có gõ mới kêu, đèn có khêu mới sáng.

* Chử rằng họa phúc vô môn; sang giàu dễ kiếm, người khôn khó tìm.

* Chử nói đã cười là người vô duyên.

* Chử trước mặt không sợ, sợ thù vật sau lưng.

* Chử cha không bằng nhái tiếng.

* Có cửa dễ được người.

* Có cửa thì rửa trăm dơ.

* Có cứng mới đứng đầu gió.

* Có đại mới nên khôn.

* Có duyên thì có nợ.

* Có gan ăn cướp, có gan chịu đòn.

* Có gió lay mới biết cây nào cứng.

* Có gió lung mới biết tùng bách cứng, có ngọn lửa hừng, mới rõ thực vàng cao.

* Có, không, mùa đông mới biết; giàu, nghèo, ba mươi Tết mới hay.

- * Có miếng còn hơn có tiếng.
- * Có nhiều cửa thì cửa chạy vào; có ít cửa thì cửa bò ra.
- * Có phúc thọ mộc, thọ nề; vô phúc thầy đờ, thầy thông.
- * Có tài hay có tật.
- * Có tật giật mình.
- * Có thân thì có khổ.
- * Có tiếng không có miếng.
- * Có trẻ vui nhà, có già sạch bếp.
- * Có vất vả mới thanh nhàn, không dùng ai để cầm tàn che cho.
- * Con mắt lá răm, lông mày lá liễu đáng trăm quan tiền.
- * Con ngựa đau, cả tàu bỏ cỏ.
- * Con trai ở nhà vợ như con chó chui gầm chạn.
- * Con trẻ hay ăn quà, đàn bà hay nhẹ dạ.
- * Cởi ra mới biết béo gầy, đến khi gió cả, biết cây cứng mềm.

- * Cơm chín tới, cái vòng non, gái một con, gà mái ghe.
- * Cơm khô là cơm thảo, cơm nhão là cơm hà tiện.
- * Cửa ba bảy đấng, người ba bảy loài.
- * Cửa bề bề không bằng có một nghề trong tay.
- * Cửa đời ông, ăn không cũng hết.
- * Cửa kho, không biết lo cũng hết.
- * Cửa làm ra để trên gác, cửa đánh bạc để ngoài sân, cửa phù vân để ngoài ngõ.
- * Cửa một đồng, công một nén.
- * Cửa phù vân không chân hay chạy.
- * Cửa phù vân sớm hợp chiều tan.
- * Cửa rẻ là của ôi, của đầy nời là của chẳng ngon.
- * Cửa rẻ là của ôi, tôi rẻ là tôi vụng.
- * Cửa vào nhà khó như gió vào nhà trống.
- * Cửa vào nhà quan như than vào lò lửa.

* Củi mục khó đun, củi cùn khó quét.

* Cuộc đời như cảnh phù-du, sớm còn tối mất, công phu nhọc nhằn.

* Cuối vợ không cheo, mười con heo cũng mất.

* Cuối vợ không cheo như neo không mấu.

* Cuối vợ không cheo như tiền gieo xuống suối.

* Cướp đêm là giặc, cướp ngày là quan.

* Dã tràng xe cát biển Đông, nhọc nhằn mà chẳng nên công cán gì.

* Dại bày hơn khôn độc.

* Dân đói dễ sai.

* Dân ngu dễ dạy.

* Dây dùn khó đứt, người ngoan khó tìm.

* Dò sông dò biển dò nguồn, biết sao được bụng lái buôn mà dò.

* Dò sông dò biển để dò, để đâu dò được tâm can lòng người.

* Dò sông dò biển để dò, nào ai lấy thuốc mà đo lòng người.

* Dò thì dò biển dò sông, dò mô được dạ đàn ông mà dò.

* Dư ăn xem bói, đói ăn mò khoai.

* Đa nhân duyên nhiều đường phiền não.

* Đa sầu đa mang.

* Đại thù không gạt, thù vật khó ở.

* Đàn bà cặn lòng như đĩa, đàn ông bạc nghĩa như vôi.

* Đàn bà không biết nuôi heo lá đàn bà nhác, đàn ông không biết buộc lạt là đàn ông hủ.

* Đàn bà như cánh hoa tươi, nở ra chỉ được một thời mà thôi.

* Đàn ông như cái nôm, bạ đâu úp đấy.

* Đàn ông nông nổi giếng khơi, đàn bà sâu sắc như cối đựng trầu.

* Đàn ông quan *tất* thì chày, đàn bà quan *tất*, nửa ngày nên quan.

(*tất*: làm theo lối ngắn hơn, nhanh hơn).

* Đánh bạc quen tay, ngủ ngày quen mắt, ăn vặt quen mồm.

* Đắc thời đắc thế thì khôn, sa cơ rồi cũng như giun khác nào.

* Đất sinh cỏ, già sinh tật.

* Đất vua, chùa làng, *phong cảnh bụt*.

(*phong cảnh bụt* : phong cảnh là cửa chung, cũng như nói cơm chùa).

* Đẹp như tiên lo phiền rồi cũng xấu.

* Đẹp vàng son, ngon mật mỗ.

* Để là hòn đất, nặn nên ông Bụt.

* Để lâu cứt trâu hóa bùn.

* Đi trước chùa phải là tối trước.

* Điếc hay ngóng, ngọng hay nói, câm hay cười.

* Đói ăn vụng, túng làm càn.

* Đói ông ở nhà chú không đói bà đi chợ.

* Đói rụng râu, râu rụng tóc.

* Đói thì đầu gối hay bò, cặp chân hay chạy, bộ dờ hay đi.

* Đồi bát mồ hôi lấy bát cơm.

* Đông tay hơn hay làm.

* Đời loạn mới biết tôi trung.

* Đời người chẳng khác đời hoa, sớm còn tối mất, nở ra lại tàn.

* Đời người sung sướng xa hoa, đời người khổ sở cũng qua một đời.

* Đời xưa quả báo còn chày, đời nay quả báo thấy ngay nhãn tiền.

* Được làm vua, thua là giặc.

* Được lòng ta, xót xa lòng người.

* Được mùa kén những tám xoan, đến khi cỏ hàn ré cũng như chiêm.

* Đường dài mới biết ngựa hay; nước loạn mới biết kẻ ngay người hiền.

* Gà già khéo ướp thì ngon, nạ dòng trang điểm, gái tử mắt chồng.

* Gà lạp mẹ, gà kêu chiu chít, nhận lạp đàn, nhận thao thúc kêu sưởng.

* Gạo tám xoan, chim ra ràng, gái mấn tang, gan gà giò.

* Gặp thời mèò đuỏi chuột, thất thế kiến tha bò.

* Giàu chủ kho, no làm bếp, chóng chết quản voi.

* Giàu đặng trung đặng hiếu, khó mất thảo mất ngay.

* Giàu nói đồng quê không bằng ngòi lê kẻ chợ.

* Giàu ruộng độ, nợ ruộng thuê.

* Giặc *bên Ngô*, không bằng bà cô *bên chồng*.

(*bên Ngô* : *bên Tàu*).

* Giặc phá không bằng cháy nhà.

* Giấu được giàu, không ai giấu được nghèo.

* Gừng già, gừng rụi, gừng cay; anh hùng càng cực, càng dày nghĩa nhân.

- * Hà tiện mới giàu, *cổ cầu* mới có.
(*cổ cầu* : nhọc nhằn, khổ cực).
- * Hát hay hơn hay hát.
- * Hay làm thì giàu, hay cúng cầu thì đói.
- * Hết tiền, hết tài, nhân nghĩa tận.
- * Hoa thơm ai nỡ bỏ rơi, người khôn ai nói nặng lời làm chi.
- * Hoa thơm bướm đậu, hoa tàn bướm bay.
- * Hoa tươi trong độ gió xuân; gái xinh, xinh đến có chồng hết xinh.
- * Học khôn đi lính, học tính đi buôn.
- * Học thầy chẳng tày học bạn.
- * Hồn nhau tấm áo manh quần, cõi ra trần trường ai cũng như ai.
- * Hùm thiêng khi đã sa cớ cũng hèn.
- * Hung chi hơn gạo, bạo chi hơn tiền.

* Hưởng năng thấp năng khởi, người năng nói năng sai.

* Kẻ làm quan bụng gian miệng thẳng.

* Kén dẫu thì dễ, kén rẻ thì khó.

* Khi giàu chẳng giúp đỡ ai, đến khi hoạn nạn chẳng ai giúp mình.

* Khi thương, cho đường thêm bánh; khi ghét, tay đánh miệng la.

* Khi thương, ngóng trông lâu lâu; khi ghét, mặt quạu làm ngó.

* Khi yêu quạt giấy cũng cho, khi ghét quạt mo cũng đòi.

* Khó nghèo hết thảo hết ngay, ớn cha cũng bỏ, nghĩa thầy cũng quên.

* Khó nhất là tu tại gia, thú nhì tu ở chợ, thú ba tu ở chùa.

* Khôn cũng chết, dại cũng chết.

* Khôn đâu đến trẻ, khỏe đâu đến già.

* Khôn độc không bằng ngốc đàn.

* Khôn khéo lấy miệng mà xài, vụng dại lấy vai mà đỡ.

* Khôn khi vô sự, thảo khi no lòng.

* Khôn, khôn thuở lên ba; dại, dại *tra một đời*.

[*tra một đời* : suốt cả đời; cho đến khi già (tra : già)].

* Khôn ngoan chẳng lọ nói nhiều, người khôn chỉ nói nửa điều cũng khôn.

* Khôn ngoan đến cửa quan mới biết, giàu có đến ba mươi Tết mới hay.

* Khôn ra miệng, dại ra tay.

* Khôn tù trong trứng khôn ra, dại đến già vẫn còn dại.

* Không có nghề ngốc, chỉ có người ngốc.

(Việt-hóa tục ngữ Pháp: "*Il n'y a pas de sot métier, il n'y a que de sottes gens.*")

* Không mợ thì chợ vẫn đông, mợ đi lấy chồng thì chợ vẫn vui.

* Không mợ thì chợ vẫn đông, mợ đi trong Quảng ai trông mợ về.

* Không thầy đố mày làm nên.

- * Không tiền, không gạo thì mạnh bạo xó bếp.
- * Kiến leo cột sắt sao mòn, tò vò xây tổ sao tròn mà xây.
- * Kim vàng ai nỡ uốn câu, người khôn ai nỡ nặng lời làm chi.
- * Kinh nghề vui thú kinh nghề, tép tôm thì lại vui bề tép tôm.
- * Làm hoa cho người ta hái, làm gái cho người ta trêu.
- * Làm lễ ăn bát mẻ, nằm chiếu rách; làm chánh ăn bát kiêu, nằm chiếu hoa.
- * Làm người thì khó, làm chó thì dễ.
- * Làm quan ăn lộc vua, ở chùa ăn lộc Phật.
- * Làm thầy nuôi vợ, làm thợ nuôi miệng.
- * Làm tôi nhà giàu, hơn hầu quan lớn.
- * Làm tổ thẳng khôn, hơn làm thầy đứa dại.
- * Làm trai lấy được vợ bé, khác gì nhà giàu tậu được nghé hoa.

* Làm trai lấy được vợ hiền, như cầm đồng tiền mua được miếng ngon.

* Làm trai lấy được vợ khôn, như chính vàng cốm đem chôn trong nhà.

* Lắm con nhiều nợ, lắm vợ nhiều oan gia.

* Lắm duyên nhiều nợ, lắm vợ nhiều oan gia.

* Lắm người yêu hơn nhiều người ghét.

* Lắm nhân duyên, nhiều đường phỉen nã.

* Lấp sông lấp giếng, ai lấp được miệng thiên hạ.

* Lấy chồng cận núi kề sông; nước không lo cạn, củi không lo tìm.

* Lấy chồng biết chữ là tiên, lấy chồng mù chữ là duyên nợ nần.

* Lấy chồng đàn hơn ở góa.

* Lấy chồng hay chữ như soi gương vàng.

* Lấy chồng khó ở làng còn hơn lấy chồng sang xa xứ.

* Lấy chồng làm lẽ khỏi lo, cốm nguội đầy rá, cá kho đầy nồi.

* Lấy chồng trà rượu là tiên, lấy chồng cờ bạc là duyên nợ nần.

* Lấy dĩ về làm vợ, chú không ai lấy vợ về là dĩ.

* Lấy nhau vì bạc vì tiền, đến khi tiền hết thì duyên bẽ bàng.

* Lấy thằng đánh bạc như voi phá nhà.

* Lo bạc râu, râu rụng tóc.

* Lọ là thét mắng mới nên, một lời siết cạnh bằng nghìn roi song.

* Lớn vú bụi con.

* Lù khù như chuột chù phải khới.

* Lụ khụ như ông cụ bảy mươi.

* Lụa quần cột cầu, nhìn lâu cũng đẹp.

* Lụa được con dâu, sâu con mắt.

* Lý của kẻ mạnh bao giờ cũng đúng.

(Việt-hóa tục ngữ Pháp: "*La raison du plus fort est toujours la meilleure*").

* Ma không thưởng người ốm, kẻ trộm không thưởng người nghèo.

* Má miếng bầu, nhìn lâu cũng chán.

* Mai mưa, trưa nắng, chiều đông, trời còn biến chuyển hướng mồm thê gian.

* Mai mưa, trưa nắng, chiều đông; trời còn thay đổi hướng chi lòng người.

* Mạnh miệng không bằng bạo gan.

* *Mát tay* hơn hay thuốc.

(*mát tay*: chăm sóc chu đáo).

* Măng mọc có lúa, con gái có thì.

* Mất của dễ tìm, mất lòng khó kiếm.

* Mất cha mất mẹ, không kiếm được, mất vợ mất chồng chẳng thiếu gì nơi.

* Mất mẹ mất cha thật là đau khổ, chứ đạo vợ chồng chẳng thiếu gì nơi.

* Mật ngọt chết ruồi, những nơi cay đắng là nơi thật thà.

* Mấy ai biết *lúa von*, mấy ai biết con mình hư hỏng.

(*lúa von* : lúa bị sâu ăn hại).

* Mấy đời bánh đúc có xương, mấy đời điền chủ mà thường tá điền.

* Mấy đời gỗ mục đóng nên thuyền rồng.

* Mẹ chồng nàng dâu, chủ nhà người ở yêu nhau bao giờ.

* Mẹ đánh một trăm không bằng cha hăm một tiếng.

* Mẹ gà con vịt chít chiu, mấy đời dì ghẻ nâng niu con chồng.

* Mẹ già như chuối chín cây, như đèn trước gió, biết ngày nào mẹ đi.

* Mẹ nuôi con đùm đùm nén nén, con nuôi mẹ không được *một nén* trong tay.

(*một nén* : một nạm, một nắm).

* Méo mó còn hơn không có.

* Mèo khen mèo dài đuôi, chuột khen chuột nhỏ con để trèo.

* Mê ăn thì lú, mê ngủ thì khờ.

* Mềm quá thì yếu, cứng quá thì gãy.

* Mía sâu có đốt, nhà dột có nơi.

* Miếng ăn là miếng tồi tàn, mất ăn một miếng lợn gan lên đầu.

* Miếng khi đói bằng đọi khi no.

* Miếng ngon ăn ít ngon nhiều, người khôn dầu nói ít lời cũng khôn.

* Miếng ngon nhỏ lâu, đòn đau nhỏ đời.

* Miệng nhà quan có gang có thép.

* Mồm miệng đỡ chân tay.

* Một bát cơm rang bằng một sàng cơm nấu.

* Một bồ cái lý không bằng một tí cái tình.

* Một câu nói ngay hơn ăn chay cả tháng.

* Một chiếc *bát ngô* hơn một bồ *bát đá*.

(*bát ngô* : chén kiểu trung hoa; *bát đá* : chén gang).

* Một con chim én không làm nên mùa xuân.

(Việt-hóa tục ngữ Pháp : "*Une hirondelle ne fait pas le printemps*").

* Một con cọp không cựa nổi sói bầy.

* Một đêm quân tử nằm kề, còn hơn thằng nhặng
vỗ về quanh năm.

* Một kho vàng không bằng một nang chữ.

* Một lần quân tử cầm tay, còn hơn thợ cấy suốt
ngày nâng niu.

* Một lời nói, quan tiền thúng thóc; một lời nói, dù
đọc cảng tay.

* Một mẹ già bằng ba người ở.

* Một mẹ già bằng ba then cửa.

* Một mình ấm lạnh cho xong, hai hơi thêm cực, hai
lòng thêm lo.

* Một nạm gió bằng một bó chèo.

* Một năm làm nhà, ba năm dọn cửa.

* Một nắm thuốc tiên, một liều thuốc bổ, không b
ằng cái cổ tháo gông.

* Một ngày dựa mạn thuyền rồng, còn hơn muôn ki
ếp ở trong thuyền chài.

* Một người biết lo bằng kho người biết làm.

- * Một nụ cười bằng mười thang thuốc bổ.
- * Một trăm ông chú không lo, chỉ lo có một mụn o nhon mồm.
- * Một trăm quan tiền nợ không sợ bằng mụn vợ ngoại tình.
- * Một trung tiện bằng một nắm thuốc tiêu.
- * Một vợ nằm giường lèo, hai vợ nằm chèo queo, ba vợ nằm chuồng heo.
- * Một vũng nước trong, mười dòng nước đục; một trăm người tục, một chục người thanh.
- * Mười tháng tám, tám tháng mười.
- * Mười voi không được bát nước xáo.
- * Mườip già thì mườip có xỏ, ông già lắm của gái tỏ thiếu gì.
- * Mười cao chẳng bằng chí lớn.
- * Mười toan thì dễ, thành tựu không dễ.
- * Nạ dòng lấy được trai tỏ, đêm nằm hú hí như mở được vàng.

* Năm con năm bát, nhà nát cột xiêu; năm vợ năm điều, nhà xiêu cửa nát.

* Nằm đất với chị hàng hương, hôn nằm giường với chị hàng cá.

* Năng ăn hay đói, năng nói hay lầm.

* Ngậy ngô như gà mờ, lơ đồ như đom đóm đục.

* Nghe thầy bói đói rã họng.

* Nghèo sinh bệnh, giàu sinh tật.

* Ngọc nhìn lâu sẽ tìm thấy vết, hoa để gần sẽ hết mùi hương.

* Ngồi trong cửa sổ chạm vàng, chẵn loan gối phượng không chồng cũng hư.

* Người có lúc vinh lúc nhục; nước có lúc đục lúc trong.

* Người đẹp vì lụa, lúa tốt vì phân.

* Người khôn ăn nói nửa vời, để cho kẻ dại nửa mừng nửa lo.

* Người khôn chưa dẫn đã đo, chưa đi tới biển đã dò cạn sâu.

* Người khôn đón trước rào sau, để cho kẻ dại biết đầu mà dò.

* Người khôn không đánh, không đòn; một lời nói nhẹ đấng cay muôn phần.

* Người khôn không nõ roi đòn, một lời nhè nhẹ cũng còn đấng cay.

* Người khôn nói ít làm nhiều, không như người dại lảm điều ruồng tai.

* Người khôn nói không lại, người dại nói không cùng.

* Người khôn nói mảnh, người dại đánh đòn.

* Sông sâu sào ngắn khó dò, người khôn ít nói khó đo được lòng.

* Người làm nên cửa, cửa không làm nên người.

* Người ngọng hay nói, thầy bói hay nhìn.

* Người ngu chẳng biết câu chào, người khôn ăn nói lời nào cũng dễ nghe.

* Người sống hơn đồng vàng.

* Người ta ba thứ người ta; người thì tiền rưởi, kẻ ba mươi đồng.

* Người trên ở chẳng kỹ cường, khiến cho người dưới
lập lờng mây mưa.

* Người xấu duyên lặn vào trong, bao nhiêu người
đẹp duyên bong ra ngoài.

* Nhà giàu tham việc, thất nghiệp tham ăn.

* Nhà giàu yêu kẻ thật thà, nhà quan yêu kẻ ra vào
nịnh thừa.

* Nhất dáng, nhì da, thứ ba khuôn mặt.

* Nhất gái một con, nhì thuốc ngon nửa điếu.

* Nhất là vợ đại trong nhà, thứ nhì nhà dột, thứ ba
nợ đòi.

* Nhất ngon là đầu cá gáy, nhất thơm là cháy cơm
nếp.

* Nhất quý, nhì ma, thứ ba học trò.

* Nhất sĩ nhì nông; hết gạo chạy rông, nhất nông nhì
sĩ.

* Nhị thập tứ hiếu bày ra, hiếu nhân hiếu nghĩa
chẳng qua hiếu tiền.

* Nhiều lính không phải là tướng giỏi, viết nhiều không phải là văn hay.

* Nhiều người hơn nhiều của.

* Nhiều tay hơn hay làm.

* Nhiều thầy thối ma, nhiều cha con khó có chồng.

* Nhiều tiền nhiều bạc là tiên trên đời.

* Nhiều tiền thì thắm, ít tiền thì phai.

* Nhìn quả biết cây, nhìn việc biết người.

* Nhỏ nhỏ như con dĩa đánh bông.

* No ba ngày Tết, đói ba tháng hè.

* No chê cơm nguội, đói ăn cả rau thiu.

* No mất ngon, giận mất khôn.

* No nên Bụt, đói ra ma.

* No thành Phật thành tiên, đói thành ma thành quỷ.

* Nọc người bằng mười nọc rắn.

* Nói chín thì làm nên mười, nói mười làm chín, kẻ cười người chê.

* Nói cho phải phải phân phân, cây đa cậy thần, thần cậy cây đa.

* Nói dai như chó nhai giế rách.

* Nói hay hơn hay nói.

* Nói hay không tày làm tốt.

* Nói nên mà ở chẳng nên, *gióng* róm gánh đá sao bằng *gióng* mây.

(*gióng* : quang).

* Nói ngọt lọt đến xương.

* Nói nhiều xiêu dạ.

* Nói phải củ cải cũng nghe.

* Nói phải như gãi chỗ ngứa.

* Nói thẳng hay mất lòng, lưng cong hay được lộc.

* Nói thẳng trái tai.

* Nói thật mất lòng.

* Nói với người khôn không lại, nói với người dại không cùng.

* Non cao cũng có đường trèo, dù đường hiểm nghèo cũng có lối đi.

* Nuôi dâu thì dễ, nuôi rể thì khó.

* Nước có khi trong khi đục, người có kẻ tục người thanh.

* Nước dưới sông hết trong lại đục, vận đời người hết thịnh lại suy.

* Nước giữa dòng, khi trong khi đục; người ở đời, khi nhục khi vinh.

* Ông thánh cũng có khi sai.

* Ở đâu cũng có anh hùng, thời nào cũng có kẻ khùng người điên.

* Ở đời ai khỏi gian nan; gian nan có lúc, thanh nhàn có khi.

* Ở đời khi thịnh khi suy, khi chạy lau lấu, khi đi không ròi.

* Ở đời muôn sự của chung, hơn nhau một tiếng anh hùng mà thôi.

* Ở đời tin bọm mất bò, tin bạn mất vợ nằm co một mình.

* Ở góa *ba đông* còn hơn lấy chồng hay ngủ.

* Ở nhà nhất mẹ nhì con, ra đường lắm kẻ còn dòn hơn ta.

* Ở trong chẵn mới biết chẵn có rận.

* Ở xó chuồng heo hơn ở nhà sang của vợ.

* Ởn cha là ba ngàn bảy, ởn mẹ là bảy ngàn ba.

* Phải chẳng qua lễ, khỏe chẳng qua phép.

* Phận đàn em, ăn thềm vắc nặng.

* Quạ già trăm tuổi không bằng phượng hoàng mới sinh.

* Quạ không bao giờ mổ mắt quạ.

* Quan cả vạ to.

* Quan thấy khiện như kiến thấy mỡ.

* Quan thì xa, bản nha thì gần.

* Quân không tướng như hổ không đầu.

* Quân tử phòng thân, tiểu nhân phòng bị gậy.

* Quân tử trả thù, mười năm chưa muộn.

* Rắn già rắn lột da, người già người tuột vào săng.

* Răng đen chẳng lọ nhe răng, người *giòn* chẳng lọ vấn khăn mới giòn.

(*giòn* : khỏe mạnh, đẹp đẽ).

* *Rậm* người hơn *rậm* của.

(*rậm* : nhiều).

* Rẻ như bèo, nhiều heo cũng hết.

* Rẻ tiền mặt, đất tiền chịu.

* Roi mây đánh đoạn rời thôi, một lời răn dạy muôn đời chẳng quên.

* Ròng vàng tắm nước ao tù, người khôn ở với người ngu bực mình.

* Ruộng bèo bèo không bằng có một nghề trong tay.

* Ruộng xa thì bỏ không cày, chợ xa hết gạo mấy ngày cũng đi.

* Rừng già nhiều voi, rừng còi nhiều cọp.

* Rượu để lâu rượu nhạt, chàm để lâu chàm phai.

* Rượu lạt uống lắm cũng say, người khôn nói lắm, dẫu hay cũng nhàm.

* Rượu ngon bắt luận ve sành, áo rách khéo vá hơn lành vụng may.

* Sa chân bước xuống ruộng dưa, dẫu là ngay thẳng vẫn ngờ là gian.

* Sang sông nên phải lụy đò, tối trời nên phải lụy o bán dầu.

* Sáng sao không bằng tối đèn.

* Sáo đỏi sáo ăn lá đa, phụng hoàng lúc đỏi cút gá cũng ăn.

* Sau cơn mưa, trời lại sáng.

(Việt-hóa tục ngữ Pháp: "*Après la pluie, le beau temps*").

* Sắc như mác, không bạc cũng cùn.

(*bạc* : mài).

* Sắt vụn làm đinh, hết nghề đi lính.

(Quan niệm của thời kỳ xa xưa; Ngày nay nghề lính có giá-trị cao, bào-vệ tổ quốc).

* Sẩy chân gượng lại còn vừa, sẩy miệng biết nói làm sao bây giờ.

* Siêng đi tát, nhác đi câu; muốn cho đầy nòi thì mau đi *nhúi*.

[*nhúi* (động từ): dùng cái nhúi đẩy dưới nước để bắt cá, tôm. *Cái nhúi* (danh từ): dụng cụ bằng tre dùng để bắt tôm, cá].

* Sinh con ai dễ sinh lòng.

* Sông bao nhiêu nước cũng vừa, trai bao nhiêu vợ cũng chứa bằng lòng.

* Sông có khúc, người có lúc.

* Sông sâu còn có kẻ dò, lòng người nham hiểm ai đo cho cùng.

* Sông sâu sào ngắn khó dò, người khôn ít nói khó đo được lòng.

* Sống lâu ra lão làng.

* Sống mỗi người một nét, chết mỗi người một mồ.

* Sống quê cha, làm ma quê chồng.

* Sợ mẹ sợ cha không bằng sợ tháng ba, tháng tám.

(Tháng ba và tháng tám là hai tháng giáp hạt, nông dân nghèo thiếu lương thực).

* Sợ người ở phải, hãi người cho ăn.

* Tài giỏi làm quan, gan dạ làm giàu.

* Tay làm hàm nhai, *tay quai* miệng trề.

(*tay quai* : hai cánh tay khoanh lại; vòng tay).

* Tầm vuông tổ, nhện cũng vuông tổ, mầy đòi tổ nhện được như tổ tầm.

* Tấn về nội, thối về ngoại.

* Tậu trâu, lấy vợ, làm nhà; trong ba việc ấy thật là khó khăn.

* Tết đến sau lưng, ông vải thì mừng, con cháu thì lo.

* Thà rằng ăn bát cơm rau, còn hơn cá thịt nói nhau nặng lời.

* Thà rằng chiếu lác có đôi, còn hơn chăn gấm lẻ loi một mình.

* Tham thì thâm, đa dâm thì chết.

* Tham thì thâm, lằm thì thiệt.

* *Thanh* cậy thế, *Nghệ* cậy thần.

(*Thanh* : Thanh Hóa. Thanh Hóa là quê hương của nhiều vị vua chúa,
Nghệ : Nghệ An. Nghệ An có nhiều người học giỏi đỗ cao làm quan lớn).

* Thanh nhàn vô sự là tiên trên đời.

* Thánh nhân đãi kẻ khù khờ.

* Thành đá không bằng dạ người.

* Thẳng da bụng thì chùng da mặt.

* Thật thà cũng thể lái trâu, yêu nhau cũng thể nàng dâu mẹ chồng.

* Theo *Đạo* có gạo mà ăn.

(*Đạo* : Đạo Thiên Chúa La Mã. Dưới thời đô hộ Pháp, nhiều người theo Thiên Chúa giáo được ưu đãi, có nhiều quyền thế và giàu có).

* Thế gian ba sự không chứa: rượu nồng, dê béo, gái vừa đang tỏ.

* Thế gian chẳng ít thì nhiều, không dùng ai để đặt điều cho ai.

* Thế gian chuộng của chuộng công, nào ai có chuộng người không bao giờ.

* Thế gian còn đại chứa khôn, sống mặc áo rách, chết chôn áo lành.

* Thế gian được vợ hồng chồng, có mô mà đặng tiên rồng cả hai.

* Thế gian giúp miệng lao xao, ai cho đồng nào cho đỡ khó khăn.

* Thế gian khẩu khuyết vô bằng, không mà nói có biết màn răng đặng chù.

* Thế gian lắm kẻ mở màng, thấy hòn son đỏ tưởng vàng Trời cho.

* Thợ may ăn giẻ, thợ vẽ ăn hồ, thợ bò ăn nan, thợ hàn ăn thiếc.

* Thời gian không trở lại.

* Thua thầy một vạn không bằng kém bạn một ly.

* Thui ra mới biết béo gày, đến cơn gió cả biết cây cứng mềm.

* Thuốc đắng dã tật, nói thật mất lòng.

* Thuyền mạnh về lái, gái mạnh về chồng.

* Thú nhất phao câu, thú nhì đầu cánh.

- * Thứ nhất sợ quan sai, thứ nhì sợ nợ đòi.
- * Thứ nhất sợ kẻ anh hùng, thứ nhì sợ kẻ khốn cùng liều thân.
- * Thứ nhất thiên tai, thứ hai hỏa hoạn.
- * Thứ nhất thịt bò tái, thứ nhì gái đổng tử.
- * Thứ nhất vợ dại, thứ nhì trâu chậm, thứ ba nợ đòi.
- * Thứ nhất vợ dại, thứ nhì trâu chậm, thứ ba rựa cùn.
- * Thúc khuya mới biết đêm dài, ở lâu mới biết lòng người phải chăng.
- * Thương chồng phải khóc mụ gia, ngấm tôi với mụ có bà con chi.
- * Thương người, người lại thương ta; ghét người, người lại ghét ta sự thường.
- * Thương nhau lắm, cắn nhau đau.
- * Thương nhau như chị em gái, cãi nhau như chị em dâu, đánh nhau vỡ đầu là anh em rể.
- * Tiền nào của nấy.
- * Tiền vào nhà khó như gió vào nhà trống.

* Tiếng lành đồn gần, tiếng dữ đồn xa.

* Trăm cái đấm không bằng một cái đập.

* Trăm dao bầu không bằng một câu nói phải.

* Trăm đôm đốm không bằng bó đuốc.

* Trăm hay không bằng tay quen.

* Trăm hoa đua nở thánh giêng, có bông hoa cải nở riêng thánh mười.

* Trăm hạt cốm, có hạt rơi hạt vãi.

* Trăm năm bia đá cũng mòn, ngàn năm bia miệng vẫn còn trỏ trỏ.

* Trăm nghe không bằng mắt thấy.

* Trăm sông chảy về một biển.

* Trăng mờ còn tỏ hơn sao, dầu rằng núi lở còn cao hơn đồi.

* Trâu ác trâu *dạc* sừng.

(*dạc* : mòn, sút, mẻ).

* Trâu cột thì ghét trâu ăn, quan võ thì ghét quan văn dài quần.

* Trâu gầy cũng tầy bò giống.

* Trâu già thích gặm cỏ non.

* Trâu *he* cũng bằng bò khỏe.

(*he* : yếu).

* Trâu kén cỏ trâu gầy, trò kén thầy trò dốt.

* Tre già có người chuộng, người già ai chuốc làm chi.

* Tre non dễ uốn, trẻ con dễ dạy.

* Trẻ cậy cha, già cậy con.

* Trẻ khôn ra, già lú lẫn.

* Trẻ người non dạ.

* Trẻ vui nhà, già vui chùa.

* Trên đời gì đẹp bằng sen; quan yêu dân chuộng, *rã bèn* cũng hư.

(*rã bèn* : rã rời).

* Trong nhà nhất mẹ nhì con, ra đường có kẻ lại *giòn* hơn ta.

(*giòn* : xinh đẹp).

* Trong xứ mù kẻ chột làm vua.

(Việt-hóa tục ngữ Pháp: "Au royaume des aveugles, les borgnes sont rois").

* Trời Phật thì ở trên cao, nhiều tiền đong đầy, ít tiền đong vơi.

* Trúc xinh trúc mọc đầu đình, bậu xinh bậu đứng một mình cũng xinh.

* Tuần hà là cha kẻ cướp.

* Túm người có tóc, ai túm kẻ trọc đầu.

* Vạ tay không bằng vạ miệng.

* Vàng mười, bạc bảy, thau ba; đem so với gạo hẳn là phải thua.

* Vàng rơi xuống nước khó tìm, người sai lời nói như chim sổ lồng.

* Vay nên nợ, đợ nên ơn.

(đợ: giúp đỡ).

* Vay thì ha há, trả thì làm bằm.

* Vắng đồng đông chợ, vắng nợ nhẹ mình.

(vắng nợ: ít nợ).

* Vắng trăng có sao, thiếu đào có mận, vắng hoa thiên lý có đào nhị non.

* Vì sương nên núi bạc đầu, biển lay bởi gió, hoa sầu vì mưa.

* Voi chết vì ngà, chim chết vì bộ lông.

* Voi không nài như trai không vợ.

* Vô duyên lấy phải chồng già, ra đường người hỏi rờng cha hay chồng.

* Vô duyên lấy phải vợ già, ra đường người gọi là bà thân sinh.

* Vô phúc lấy đứa trẻ ranh, nó ăn nó phá tan tành nó đi.

* Vôi nào là vôi chắt nòng, gái nào là gái có chồng chắt ghen.

* Vợ đẹp chỉ tổ đau lưng, chề ngon khan cổ, điều thông nặng đờm.

* Xấu đều hơn tốt lỗi.

* Xấu hay làm tốt, dốt hay nói chữ.

* Xấu như ma, vinh hoa cũng đẹp.

* Xem mặt mà bắt hình dong, con lợn có béo bộ lòng mới ngon.

* Xem trong bếp, biết nét đàn bà.

* Xưa nay các bạn má hồng, thà làm hầu quân tử hờn lấy chồng đàn ngu.

* Xưa nay nhân định thắng thiên cũng nhiều.

(*Truyện Kiều*. Nguyễn Du. Câu 420).

* Yêu nhau chín bỏ làm mười.

* Yêu nhau lắm cắn nhau đau.

* Yêu nhau xé lụa may quần, ghét nhau kể nợ kể nần nhau ra.

* Yêu vì nét, trọng vì tài.

25) Ăn

* Ăn cáy ngáy o o, ăn thịt bò lo ngay ngáy.

(*cáy* : loại cua nhỏ, sống ở nước lợ; rạm đầm nước lợ, thường làm mắm cáy).

* Ăn cắp quen tay, ngủ ngày quen mắt, ăn vặt quen mồm.

* Ăn cơm không có rau, nhủ đánh nhau không có người gỡ.

* Ăn cơm không rau nhủ đau không thuốc.

* Ăn được ngủ được là tiên, mất ăn mất ngủ là tiền vứt đi.

* Ăn ít no lâu, ăn nhiều tức bụng.

* Ăn khi đói, nói lúc say.

* Ăn lắm thì hết biết ngon, nói lắm thì hết lời khôn hóa rồ.

* Ăn vóc học hay.

(*ăn vóc* : ăn đầy đủ).

26) Nghịch cảnh

* Ăn bát mẻ ngồi chiếu manh, ăn bát Đại Thanh ngồi chiếu miến điều.

* Cây muốn lặng mà gió chẳng ngừng.

* Cha làm thầy, con đốt sách.

* Chính chuyên lấy chồng thợ gác, dĩ rạc lấy chồng quận công.

* Có tiếng, không có miếng.

* Con mèo làm vỡ nồi rang, con chó chạy lại bị oan đánh đòn.

* Con nhà lính, tính nhà quan.

* Cú nói có, vọ nói không.

* Cứu vật vật trả ơn, cứu nhân nhân trả oán.

* Đi buôn gặp ngày hồng thủy, làm đĩ gặp năm mất mùa.

* Đi buôn nói ngay, đi cày nói dối.

* Được lòng ta, xót xa lòng người.

* Hay làm mà chịu đói, hay nói lại được no.

* Kẻ ăn không hết, người mần không ra.

* Kẻ ăn ốc, người đổ vỏ.

* Không vay mà trả, không vả mà sủng.

* Làm *hàng săng*, chết bó chiếu.

(*Hàng săng* : nơi bán hòm, bán quan tài).

* Lắm mối, tối năm không.

* Lọng vàng che nải chuối xanh, tiếc con chim phượng đậu cành tre khô.

* Màn treo, chiếu rách cũng treo; hưởng xông nghi ngút, củ rêu cũng xông.

* Miệng khôn, tròn dại.

* Miệng ông cai, vai đầy tổ.

* Minh ở lỗ, cổ đeo hoa.

* Nhọc nhằn lưng bát, ngồi mát bát đầy.

* Tiếc gái khôn lấy thằng chồng dại, tiếc hoa nhài cắm bãi cứt trâu.

* To đầu mà dại, nhỏ đái mà khôn.

* Trai anh hùng vô duyên, gái thuyền quyên bạc phận.

* Trai làm nên, năm thê bảy thiếp; gái làm nên, thủ ti ết thờ chồng.

27) Thiên nhiên, thời tiết

* Chiều chiều mây phủ Sơn Trà, chớp giăng Núi Chúa, trời đà chuyển mưa.

(Sơn Trà thuộc tỉnh Quảng Nam; Núi Chúa: núi Bà Nà).

* Chiều chiều mây phủ Sơn Trà, én bay cửa Đại, trời đà chuyển mưa.

(Cửa Đại thuộc tỉnh Quảng Nam).

* Chiều chiều mây phủ Sơn Trà, sấm rền Non Nước
trời đà chuyển mưa.

(Non Nước thuộc tỉnh Quảng Nam).

* Chiều chiều mây phủ Sơn Trà, sóng xô Cửa Đại, trời
đà chuyển mưa.

* Chim ngói mùa thu, chim cu mùa hè.

* Chớp đông nhay nháy, gà gáy thì mưa.

* Chớp thùng, chớp chảo, chẳng bão thì mưa.

* Chuồn chuồn bay thấp thì mưa, bay cao thì nắng,
bay vừa thì dim.

* Chuồn chuồn liệng thì nắng, chim én liệng thì
mưa.

* Cò bay ngược, nước vô nhà; cò bay xuôi, nước lui
ra biển.

* Cỏ gà loang lổ, trời đổ mưa ngay.

* Cỏ gà mọc lang, cả làng được nước.

* Cóc nghiêng răng, đang nắng trở mưa.

* Con ếch mà kêu điếc tai, thì mưa sắp đến chẳng sai chút nào.

* Đầu năm sương muối, cuối năm gió bắc.

* Đêm nào sao sáng, trời trong, ấy là nắng ráo yên vui suốt ngày.

* Đêm tháng năm, chửa nằm đã sáng.

* Đòi ông cho chí đời cha, mây phủ Sơn Trà, không gió thì mưa.

* Én bay thấp mưa ngập bờ ao, én bay cao mưa rào lại tạnh.

* ch kêu từng loạt, trời sắp chuyển mưa.

* ch kêu uôm uôm, ao chuôm đầy nước.

* Gió bắc hiu hiu, *sếu* kêu thì rét.

(*sếu* : loại chim cổ lớn, chân cao, mỏ dài, tiếng kêu rất to).

* Gió bắc thì hanh, gió nồm thì ẩm.

* Gió heo may, chẳng mưa dầm thì cũng bão.

* Gió heo may, chuồn chuồn bay thi bão.

* Gió nam đưa xuân sang hè.

* Kiến bò từ dưới bò lên, thế nào cũng có mưa rào rất to.

* Kiến cánh vỡ tổ bay ra, bão táp mưa sa gần tới.

* Kiến dọn tổ, trời mưa.

* Kiến đen leo ngược, trời mưa như trút.

* Kiến đen tha trứng lên cao, thế nào cũng có mưa rào rất to.

* Kiến đen xuống hang, trời nắng chang chang.

* Mặt trời có quầng thì hạn, mặt trăng có tán thì mưa.

* Mặt trời đỏ như son, không mưa thì gió.

* Mây đằng Đông, cầu vồng đằng Tây, không mưa dai cũng bão đập.

* Mây kéo xuống biển thì nắng chang chang, mây kéo lên ngàn thì mưa như trút.

* Mây vàng thì gió, mây đỏ thì mưa. (Vàng gió, đỏ mưa).

* Mây xanh thì nắng, mây trắng thì mưa. (Xanh nắng, trắng mưa).

* Mống cao gió táp, *mống áp* mưa rào.

(*mống* : cầu vồng ở phía chân trời, còn gọi là mống chân trời. *áp* : thấp).

* Mống dài trời lợt, mống cụt trời mưa.

* Mống Đông, *vòng* Tây, không mưa dây cũng gió giật.

(*vòng* : cầu vồng).

* Mống vàng thì nắng, mống trắng thì mưa.

* Mống xanh thì nắng, mống trắng thì mưa.

* Mồng một lười trai, mồng hai lá lúa, mồng ba lười liềm.

* Mùa hè đang nắng, cỏ gà trắng thì mưa.

* Mùa nực gió đông thì đồng đầy nước.

* Mưa tháng ba, hoa màu tốt.

* Mưa tháng bảy, gãy cành trà.

* Mưa tháng sáu, máu rồng.

(Rất tốt cho nhà nông).

- * Mưa tháng tư, hủ đất.
- * Nắng chóng trưa, mưa chóng tối.
- * Nắng tháng ba, chó già le luỗi.
- * Ngày tháng mười, chưa cười đã tối.
- * Nhái nghiêng răng, ao đầy nước.
- * Nhiều sao thì nắng, vắng sao thì mưa.
- * Nửa đêm sao sáng mây cao, bầu trời nắng gắt, nắng gào chẳng sai.
- * Ốc nhồi nổi ao, mưa rào lại tạnh.
- * Ông tha mà bà chẳng tha, Trời làm cơn lụt hăm ba tháng mười.
- * Quạ tắm thì nắng, sáo tắm thì mưa.
- * *Ráng mỡ gà* thì gió, *ráng mỡ chó* thì mưa.
(*ráng mỡ gà* : đám mây có màu vàng mỡ gà; *ráng mỡ chó* : đám mây có màu hồng nhạt mỡ chó).
- * Ráng vàng thì nắng, ráng trắng thì mưa.
(ráng : đám mây).
- * Rét tháng ba, bà già chết cóng.

* Sao tỏ trời nắng, sao vắng trời mưa.

* Sao vắng thì mưa, sao thừa thì nắng.

* Sấm đông, sáng bắc, tia tây, chó đen ăn cỏ thì trời sẽ mưa.

* *Sấm* đông trời mưa, *sấm* dưa thời khú, *sấm nhủ* thời chữa.

(*sấm* : thâm; *nhủ* : nùm vú).

* Tháng ba mưa đám, tháng tám mưa cơn.

* Tháng bảy heo may, chuồn chuồn bay thì bão.

* Tháng bảy kiến bò, chỉ lo lại lụt.

* Tháng bảy kiến đàn, đại hàn hồng thủy.

* Tháng bảy nước nhảy lên bờ.

* Tháng bảy *ông thị* đỏ da, *ông mít* chớm chớm, *ông đa* rụng ròi.

(*ông thị* : cây thi; *ông mít* : cây mít; *ông đa* : cây đa).

* Tháng chín mưa rười, tháng mười mưa cũ.

* Tháng giêng rét dài, tháng hai rét lộc, tháng ba rét *nàng Bân*.

(*nàng Bần* : lấy theo tích nàng Bần đan áo ấm cho chồng).

* Tháng mười chưa cười đã tối.

* Tháng mười sấm rạ, tháng chạp sấm động.

* Tháng sáu heo may, chẳng mưa thì bão.

* Tháng tám mưa trai, tháng hai mưa thóc.

* Tháng tám nắng râm trái bưởi.

* Thâm đông, hồng tây, dựng mây, chẳng mưa dây cũng bão giạt.

* Thâm đông, trống bắc, hể nục thì mưa.

* Trăng quầng thì hạn, trăng tán thì mưa.

* Trên trời có vầy tê tê, là mưa sắp sửa kéo về nay mai.

* Trời đã sấm tối, gà còn đi bưởi, là điềm báo trước thế nào cũng mưa.

* *Vòng* chiều mưa sáng, *ráng* chiều mưa đêm.

(*vòng*: cầu vòng; *ráng*: đám mây).

* Vòng thấp mưa rào, vòng cao gió táp

28) Nông nghiệp, trồng trọt, chăn nuôi

Kinh nghiệm của nhà nông trong các câu tục ngữ chỉ có giá-trị trong phạm-vi từng vùng vì mỗi vùng có đất đai, khí hậu, thời tiết khác nhau.

a/ Nông nghiệp

* Ai ơi, nhớ lấy lời này, nuôi tằm ba lứa, ruộng cày ba năm.

* Ăn kỹ no lẹ, cày sâu tốt lúa.

* Bao giờ cho đến tháng hai, con gái làm cỏ, con trai be bò.

* Cao bò thì tát gàu giai, gàu sòng thì tát được nơi thấp bờ.

* Cày ruộng tháng mười, xem trăng mồng tám tháng tư.

* Cày ruộng tháng năm, xem trăng rằm tháng tám.

* Cày sâu, bừa kỹ mới mong được mùa.

* Cày sâu, cuốc bẫm, thóc đầy lẫm, khoai đầy bờ.

* Cày sâu tốt lúa.

* *Cát* liền tay, *thịt* chày ngày.

(*cát* : đất cát; *thịt* : đất thịt. Đất cát thì phải cấy ngay; đất thịt thì phải cày bừa cho thật kỹ mới cấy).

- * Cắt rạ dùng gạt, quét nhà dùng chổi.
- * Cấy lúa ruộng lạ, gieo mạ ruộng quen.
- * Cấy thừa hơn bữa kỹ.
- * Cấy thừa, thừa đất; cấy dày thóc đầy kho.
- * Cấy thừa, thừa thóc; cấy dày cóc được ăn.
- * Cấy thừa, thừa thóc; cấy dày nhọc làm róm.
- * Chiêm hơn chiêm sít, mùa ít mùa nở.

(Gạo chiêm rẻ tiền hơn gạo mùa nhưng không nở, không ngon bằng gạo mùa. Gạo chiêm nấu ít nở; gạo mùa nấu nở to hơn).

* Chở tham những ruộng hai mùa; chiêm *se*, *gié* ngập, ăn thua nổi gì.

(*se* : bột nước; *gié* : lúa rẻ).

* Có chồng nghề ruộng em theo, có chồng nghề biển hờn treo cột buồm.

* Con trâu là đầu cơ nghiệp.

* Công cấy là công bỏ, công làm cỏ là công ăn.

* Công danh đeo đuổi làm chi, sao bằng chăm chỉ giữ nghề canh nông.

* Cơm ăn một bát sao no, ruộng cày một vụ sao cho đành lòng.

* *Cơn* đằng Bắc, đổ thóc ra phơi.

(*cơn* : đám mây đen).

* Cơn đằng Đông, vừa trông vừa chạy.

* Cơn đằng Nam, vừa làm vừa chơi.

* Cơn đằng Tây, vừa cày vừa ăn.

* Dân quê dãi nắng dầm mưa, dấn thân làm cỏ, cày bừa quanh năm.

* Dừa gang *một*, *chạp* thì trồng; chiêm cày trước Tết thì lòng dễ lo.

(*một* : tháng mười một; *chạp* : tháng chạp, tháng mười hai).

* Đất lúa tẻ, rẻ lúa nếp.

* Đất cao trồng hoa màu, ruộng sâu cấy lúa chiêm.

* Đói chỗ ăn thóc giống, túng chỗ bán lợn mẹ.

* Đói thì ăn môn ăn khoai, chỗ thấy lúa trổ tháng hai mà mừng.

* Được mùa cau, đau mùa lúa.

* Được mùa, kén những tám xoan; đến khi cỏ hàn, sắn cũng như chiêm.

* Được mùa lúa, úa mùa cau.

* Được mùa xoài, hoài mùa lúa.

* Được mùa xoài, mất mùa chiêm.

* Giàu ruộng độ, nợ ruộng thuê.

* Gió bắc là duyên lúa mùa.

* Gió đông là chồng lúa chiêm.

* Gõ kiên thì để đóng cày; gõ lim, gõ sến thì ta đóng bừa.

* Khoai ruộng lạ, mạ ruộng quen.

* Không nước, không phân, chuyên cần vô ích.

* Làm ruộng ăn cơm nằm, nuôi tằm ăn cơm đứng.

* Làm ruộng có năm, nuôi tằm có lúa.

* Làm ruộng không trâu như làm dâu không chồng.

* Làm ruộng phải có trâu, làm giàu phải có vợ.

* Làm ruộng sấm cày, ăn mày sấm bị gậy.

* Lập thu mới cấy lúa mùa, khác nào hưởng khói lên chùa cầu con.

(Lúa mùa mà cấy sau lập thu là quá muộn).

* Lúa chiêm lấp ló đầu bờ, hễ nghe tiếng sấm phất cờ mà lên.

* Lúa chiêm lấp ló đầu bờ, tháng ba sấm động, phất cờ mà lên.

* Lúa chiêm thì cấy cho sâu, lúa mùa thì cấy cày dâu là vừa.

* Lúa ré là mẹ lúa chiêm.

* Lúa thuốc hai, khoai thuốc một.

* Lúa trổ, ngả mạ, vàng rạ thì mạ xuống đồng.

* Mạ chiêm ba tháng chưa già, mạ mùa tháng rưỡi ắt là chẳng non.

* Mạ chiêm đào sâu chôn chặt, mạ mùa vừa đặt vừa đi.

* Mạ chiêm không có bèo dâu, khác nào như thể ăn trầu không vôi.

* Mạ mùa chọn *xuống* cao, mạ chiêm chọn ao thấp.

(*xuống* : mảnh ruộng nhỏ, cạn).

* Mạ úa cấy lúa chóng xanh.

* Mồng chín tháng chín có mưa thì ta sấm sủa cấy bừa làm ăn.

* Mồng chín tháng chín có mưa, cha con đi sớm về trưa mặc lòng.

* Mồng chín tháng chín không mưa, bán cả cấy bừa mà lấp ruộng đi.

* Mồng chín tháng chín không mưa, thì ta bán cả cấy bừa mà đi buôn.

* Mồng tám tháng tám không mưa, bỏ cả cấy bừa mà nhổ lúa đi.

* Mồng tám tháng tư không mưa, bỏ cả cấy bừa mà rút lúa đi.

* Một lượt nhổ cỏ, thêm giỏ thóc đầy.

* Một lượt tát nước, một bát cơm đầy.

* Một sào đất nhà bằng ba sào đất ruộng.

* Mười tháng tám, cám tháng mười.

* Muốn ăn lúa tháng mười, trông trăng mồng mười tháng tư.

* Muốn ăn lúa tháng năm, trông trăng rằm tháng tám.

* Muốn cho lúa nảy bông to, cày sâu, bừa kỹ, phân tro cho nhiều.

* Mưa tháng ba hoa đất.

* Mưa tháng tư hủ đất.

* Năm trước được mùa cau, năm sau được mùa lúa.

* Nắng đan đớ, mưa gió đan gàu.

(*đớ* : đồ dùng để bắt tôm cá).

* Nắng tốt dưa, mưa tốt lúa.

* Ngày thì đem lúa ra phơi, tối lặn mặt trời đổ thóc ra xay.

* Người đẹp vì lụa, lúa tốt vì phân.

* Nhất nước, nhì phân, tam cần, tứ giống.

* Nhất ruộng, nhì mạ, thứ ba chuyên cần.

* Nhất sĩ nhì nông; hết gạo chạy rông, nhất nông nhì sĩ.

* Nói sâu ta để cấy *chiêm*, nói nào cao ráo thì ta cấy *mùa*.

(*chiêm* : lúa chiêm; *mùa* : lúa mùa).

* Phân tro không bằng no nước.

* Quanh năm cấy hái cày bừa; vụ chiêm vào Hạ, vụ mùa vào Đông.

* Răng bừa tám cái còn thừa, lưỡi cày tám tấc đã vừa luống to.

* Rèn một lưỡi *gạt* bằng ba lưỡi hái.

(*gạt* : dụng cụ cắt rạ).

* Ruộng cao thì trồng hoa màu, ruộng sâu thì cấy lúa chiêm.

* Ruộng hoang, ta khẩn còn thành; hướng chi ruộng thuộc, sao đành bỏ hoang.

* Ruộng không phân như thân không của.

* Ruộng sâu cấy trước, ruộng gò cấy sau.

* Sáng ngày chẳng dắt trâu đi, tháng ba tháng tám lấy gì mà ăn.

(Tháng tám và tháng ba là hai tháng giáp hạt. Giáp hạt là khoảng thời gian sắp đến vụ lúa mới, các nhà nông nghèo cạn nguồn lương thực).

* *Sao tua đứng trốt, lúa lốc* được mùa.

(*sao tua* : sao chổi; *đứng trốt* : trên đỉnh đầu; *trốt* : cái đầu; *lúa lốc* : lúa đòi núng).

* Sâu cấy lúa, cạn gieo bông; chẳng ươm được đậu thì trồng ngô khoai.

* Sợ mẹ sợ cha chẳng bằng sợ tháng ba ngày dài.

* Tháng ba cày vỡ ruộng ra, tháng tư làm mạ, mưa sa đầy đồng.

* Tháng chạp mà cấy mạ non, thà rằng công ấy ở nhà bông con.

* Tháng giêng ăn nghiêng bồ thóc.

* Tháng giêng đồng lúa xanh rì, tháng hai lúa trổ, tháng ba lúa vàng.

* Tháng giêng ra ruộng đi cày, tháng hai vãi lúa, ngày ngày chăm lo.

* Tháng hai đi tậu trâu bò, cày đất cho nhuyển, mạ mùa ta gieo.

* Tháng mười có sấm, cấy trên năm cũng được ăn.

* Tháng sáu gọi cấy rào rào, tháng mười lúa chín, mỗ rao cấy đồng.

* Tháng sáu mà cấy mạ già, thà rằng công ấy ở nhà bông con.

* Tháng tám chửa qua, tháng ba đã tối.

(Tháng tám và tháng ba là hai tháng giáp hạn).

* Tháng tám tre non, làm nhà; tháng năm tre già, làm lạt.

* Tháng tư mua nứa đan thuyền, tháng năm tháng sáu gặt miền ruộng chiêm.

* Thóc lúa về nhà, lợn gà ra chợ.

* Thuận mùa lúa tốt đặng đặng, tháng mười gặt lúa, cả nhà vui chơi.

* Thứ nhất *cày nỏ*, thứ nhì bỏ phân.

(*cày nỏ* : cày lật đất để cho đất khô, đất nhuyễn).

* Thứ nhất cày sâu, thứ nhì phân bón.

* Thừa mạ, tốt lúa.

* Thừa mạ thì bán, chỗ cấy ráng ăn rơm.

* Tỏ trắng mười bốn đũa, tỏ trắng hôm rằm thì đũa lúa chiêm.

* Tốt giống tốt mạ, tốt mạ tốt lúa.

* Tốt quá hóa *lúa lép*.

(*lúa lép* : hạt lúa lép; chỉ có vỏ, không có gạo trong vỏ).

* Trắng mờ, tốt lúa nõ; trắng tỏ, tốt lúa sâu.

* Trâu gầy cũng tày bò giống.

* Trâu ho cũng bằng bò rống.

* Trâu khỏe chẳng lo cày thửa.

* Trâu năm sáu tuổi còn nhanh, bò năm sáu tuổi đã toan về già.

* Trâu què cũng bằng bò khỏe.

* Trâu sợ gió, bò sợ mưa.

* Trâu ta ăn cỏ đồng ta, đừng ham cỏ tốt ăn qua đồng người.

* Trâu ta ăn cỏ đồng ta, tuy rằng cỏ cụt nhưng mà cỏ thơm.

* Trên đồng cạn, dưới đồng sâu; chông cày vợ cấy,
con trâu đi bừa.

* Trời mưa cho lúa thêm bông, cho nước thêm cá,
cho sông thêm thuyền.

* Trời nắng tốt dưa, trời mưa tốt lúa.

* Trời nồm tốt mạ, trời giá tốt rau.

* *Tua rua* mọc, vàng cây héo lá; tu rua lặn, chết cá
chết tôm.

(*tua rua* : cụm sao nhỏ kết thành một đám mờ, thường nhìn thấy
vào sáng sớm đầu tháng 6 dương lịch).

* Tua rua một tháng mười ngày, cấy trước vụ cày
cũng được lúa xoi.

* Tua rua thì mặc tua rua, mạ già, *ruộng ngấu*,
không thua bạn điền.

(*ruộng ngấu* : đất ruộng nhuyễn, thấm nhiều nước).

* Văn chương, phú lục chẳng hay; trở về làng cũ
học cày cho xong.

(Ca dao)

* Vụ chiêm được mùa hơn vụ mùa thất bại.

* Vụ mùa cấy cao, vụ chiêm cấy trũng.

* Xay lúa có *ràng*, việc làng có *mõ*.

(*ràng* : cối xay lúa).

b/ Chăn nuôi, trồng trọt:

* Ao sâu tốt cá.

* Bao giờ đơm đóm bay ra, hoa gạo rụng xuống thì gieo hạt vừng.

* Cả cây, nậy buồng.

* Chấm trán, nhọn đuôi, không nuôi cũng phí.

(Cách chọn mua heo giống tốt).

* Chó khôn tú túc huyền đề, tai thì hỏ quặp, đuôi thì hỏ cong.

* Chùng đùi, ngắn quản, ngắn đuôi; sừng to, móng hén thì nuôi đáng tiền.

* Chuồng gà hướng đông cái lông chẳng còn.

* Cuối thu trồng cải, trồng cần.

* Dâu năng hái như gái năng tô.

* Đất thiếu trồng dưa, đất thừa trồng đậu.

* Đất thiếu trồng dưa, đất thừa trồng cau.

* Đất tốt trồng đậu trồng cà, đất mà không tốt, nuôi gà nuôi heo.

* Đen đầu thì bỏ, đỏ đầu thì nuôi.

(Kinh nghiệm nuôi tằm).

* Đom đóm bay ra, trồng cà trồng đậu.

* Đốm đầu thì nuôi, đốm đuôi thì thịt.

(Xem tướng con trâu).

* Được mùa nhãn, nạn nước to.

* Gà đen chân chì, nuôi chi giống ấy.

* Gà đen chân trắng, mẹ mắng cũng mua.

* Gà nâu chân thấp mình to, đẻ nhiều, trứng lớn, khéo nuôi con đàn.

* Gà ri nhỏ thó nhưng mà đẻ sây.

* Gà trắng chân chì không mua giống ấy.

* Giàu nuôi lợn đực, khổ cực nuôi lợn cái.

* Không nuôi gà giống pha màu, đẻ không được mấy, nuôi con vụng về.

* Lá dâu non, ngon miệng tằm.

* Làm ruộng ba năm không bằng chăn tằm một lứa.

* *Lang* đuôi thì bán, lang trán thì nuôi.

(*lang* : vết lang. Kinh nghiệm chăn nuôi trâu bò: con trâu hay bò có vết lang ở đuôi thì không tốt cho chủ, con nào có vết lang trên trán thì cày bừa tốt).

* Lên non đón gió tìm trầm, nuôi ong lấy mật, nuôi tằm nhả tơ.

* Lợn bột thì thịt ăn ngon, lợn nái thì đẻ lợn con cũng lười.

* Lợn đoi một năm, không bằng tằm đoi một lứa.

* Lợn đực chuộng *phệ*, lợn nái chuộng *chõm*.

(*phệ* : bụng bự; *chõm* : bụng nhỏ, dài, thon. Kinh nghiệm chọn lợn giống).

* Lợn đực nhìn hông, lợn nái nhìn mồm.

(Nhìn hông trước tròn là béo; mồm dài háo ăn, đẻ nhiều).

* May mùa đông, trồng mùa xuân.

* Mắt bánh rán, trán bánh chưng, lưng tôm càng.

(Kinh nghiệm chọn chó để nuôi).

* Mía trồng trông nắng, sắn trồng trông mưa.

* Mít fía cành, chanh fía rễ.

(Kinh nghiệm muốn cây có nhiều trái).

* Một cây mít bằng một sào ruộng.

* Một con heo nái bằng một vại tiền chôn.

* Một con tầm cũng phải hái dâu, một con trâu cũng phải đứng đồng.

* Một năm nuôi tầm bằng ba năm làm ruộng.

* Một nong tầm là ba nong kén, một nong kén là chín nén tổ.

* Muốn giàu nuôi heo nái, muốn bại hoại nuôi bò câu.

* Nhất to là giống gà nâu, lông dày thịt béo về sau đẻ nhiều.

* Nuôi gà phải chọn giống gà, gà ri nhỏ bé nhưng mà đẻ mau.

* Nuôi lợn ăn cỏ năm, nuôi tầm ăn cỏ đứng.

* Nuôi lợn lấy mỡ, nuôi người đỡ chân tay.

* Tam tinh xoáy sọ thì đùng, đốm đuôi sát chủ thì
đưa vào lò.

(Tuồng xấu của con trâu).

* Tằm đỏ cổ thì vỗ dâu vào.

* Tằm đói một bữa bằng người đói nửa năm.

* Tháng chạp trồng khoai, tháng giêng trồng đậu,
tháng hai trồng cà.

* Tháng giêng là tháng ăn chơi, tháng hai trồng
đậu, tháng ba hội hè.

* Tháng giêng thiếu mất khoai, tháng hai thiếu mất
đậu.

* Tháng giêng trồng củ tử, tháng tư trồng củ lạc.

* Tháng giêng trồng trúc, tháng sáu trồng tiêu.

* Tháng hai trồng cà, tháng ba trồng đậu.

* Tháng tám thiếu, mất hoa ngư; tháng tư thiếu, mất
hoa cốc.

* Thiếu tháng hai mất cà, thiếu tháng ba mất đậu,
thiếu tháng tư khó nuôi tằm, thiếu tháng năm khó làm
ruộng.

* Thiếu tháng hai mất cà, thiếu tháng ba mất đậu, thiếu tháng tư mất hoa ngư, thiếu tháng năm mất hoa cóc.

* Thửa cây nậy bùng.

* Trẻ trồng na, già trồng chuối.

* Trồng cây đùng cho đùng lá, nuôi cá đùng cho đùng vi.

* Trồng khoai gập buổi gió đông, đặt dây lộn ngược cũng không việc gì.

* Trồng lang kiêng ngày gió bắc.

* Trồng mướp tháng hai vừa sâu vừa tốt.

* Trồng trầu đập nắm cho cao, che cho sướng nắng khỏi vào gốc cây.

29) Ngư nghiệp

* Ai ơi, về miệt Tháp Mười, cá tôm sẵn có, lúa trời dư ăn.

(Tháp Mười: Đồng Tháp Mười thuộc Nam Việt).

* Ai về chợ Đước *sông dài*, tôm cá thổ sản, chuôm gai cũng nghề.

(Chợ Đước thuộc huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam. *sông dài*: Con sông ở chợ Đước có tên là sông Trường Giang).

* Ai về Cồn Hến thì về, ăn cơm ba bữa, làm *nghề thụt lui*.

(Cồn Hến thuộc thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam. *nghề thụt lui*: vùng Cồn Hến có nhiều người làm nghề cào hến; khi cào hến, ngư dân phải đi thụt lui).

* Ai về Cửa Nhượng thì về; gạo nhiều, lấm cá, dễ bề làm ăn.

(Cửa Nhượng là một cửa sông nước chảy ra biển, thuộc tỉnh Hà Tĩnh).

* Ai về Hà Quảng, Hà My, cá tươi nước mắm thiếu gì bạn ơi.

(Hà Quảng, Hà My thuộc huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam biến chế cá cơm, cá nục thành nước mắm).

* Ai về Tam Hải, Tam Quang, nhớ đem bao tải mà mang cá về.

(Hai xã Tam Hải, Tam Quang thuộc huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam. Hai xã này làm nghề chài lưới, nổi tiếng thu hoạch được nhiều cá).

* Ao sâu tốt cá.

* Bao phen quạ nói với diều, cù lao Ông Chưởng có nhiều cá tôm.

* Cá chuồn nhiều nhất Thanh Khê; Tân Lưu dân cũng làm nghề biển Đông.

(Làng Thanh Khê thuộc thành phố Đà Nẵng; làng Tân Lưu thuộc quận Ngũ Hành Sơn, tỉnh Quảng Nam).

* Cá sông cá biển đứng đầu Hội An.

(Thành phố cổ Hội An nằm trên bờ sông Cửa Đại. Cửa Đại là cửa sông của con sông nước ngọt; nước ngọt chảy ra biển. Nên có nhiều cá sông và cá biển).

* Mãn mùa tu hú kêu nhanh, cá chuồn đã vãn sao anh chưa về.

(Mùa chim tu hú kêu cũng là mùa đánh bắt cá chuồn).

* Một ngày quăng chài, bảy mười hai ngày phơi lưới.

* Mùa hè cá sông, mùa đông cá biển.

* Muốn ăn cá lớn phải thả câu dài.

* Nghề biển ngó đó khó coi; gặp cơn gió lốc, hồn treo cột buồm.

* Nghề hén không đói mà no; cái ruột, cái vỏ, cái tro cũng có tiền.

* Những người đi biển lành nghề, thấy dòng nước xoáy trở về không đi.

* *Nom* ra ngoài biển mù mù, thấy anh câu *nục*, câu *ngừ* mà thương.

(*Nom* : nhìn; *nục* : cá nục; *ngừ* : cá ngừ).

* Tháng ba, bà già đi biển.

(Biển tháng ba ít sóng gió).

* Tháng chín ăn *ruối*, tháng mười ăn *ruốc*.

(*ruối* : giun ở vùng nước lợ, có thể ăn được. *Ruốc* : mắm tép; mắm huyết; huyết là tép biển màu hồng).

* Tháng năm cá mè, tháng mười cá nục.

* Tiếng đồn con gái Phú Yên, con trai Bình Thuận đi cưới một thiên cá mè.

(Tỉnh Bình Thuận có thành phố Phan Thiết nằm bên bờ biển Đông; biển Phan Thiết có nhiều cá mè; Phan Thiết sản xuất nước mắm cá mè nổi tiếng).

* Tiếng đồn nước mắm Nam Ô, nơi đây mực ép, cá khô cũng nhiều.

(Nam Ô thuộc tỉnh Quang Nam, nằm dưới chân đèo Hải Vân).

* Tôm bới *chạng vạng*, cá lội rặng đông.

(*Chạng vạng*: vào lúc trời nhá nhem tối; hoàng hôn).

* Trà Linh nước chảy đằm đằm, cá tôm dưới vực, ròng năm dinh Ông.

(Trà Linh thuộc huyện Trà My, tỉnh Quảng Nam).

* Trà Nhiêu ăn cá bở đầu, Kim Bồng nghe nói qua xâu xách về.

(Biển Trà Nhiêu thuộc huyện Duy Xuyên có nhiều cá. Làng Kim Bồng, thuộc thành phố Hội An, dân làng chuyên nghề thợ mộc nổi tiếng).

30) Buôn bán

- * Ăn lời tùy chốn, bán vốn tùy nơi.
- * Bán gà kiêng ngày gió, bán chó kiêng ngày mưa.
- * Bán gạo tháng tám, mua vải tháng ba.
- * Bán hàng nói thách, làm khách trả rẻ.
- * Bán rẻ còn hơn để lãi.
- * Bán rẻ còn hơn ngồi không.
- * Bán quạt mùa đông, bán áo bông mùa hè.

(Người không biết làm nghề buôn bán).

- * Bầu già thì ném xuống ao, bí già đóng cửa làm cao đất tiền.
- * Buôn có bạn, bán có phường.
- * Buôn gặp chầu, câu gặp chỗ.
- * Buôn tài không bằng nhiều vốn.
- * Cả vốn lớn lãi.

* Cầm mất lãi, chẳng bằng bán vải ngay đi.

* Cho nhau vàng không bằng trở đàng đi buôn.

* Có vốn rồi mới có lãi.

* Dù ai buôn bán rành nghề, gặp *ngày con nước* cũng về tay không.

(*ngày con nước* : ngày mồng năm. "Mồng năm, mười bốn, hăm ba, đi chơi cũng lỗ hướng là đi buôn").

* Đất ra quế, ế ra củi.

* Đầu năm buôn muối, cuối năm buôn voi.

* Đi buôn, bữa lỗ bữa lời; ra đi cho biết mặt trời mặt trăng.

* Đi buôn có số, làm ruộng có mùa.

* Đi buôn không tiền như canh điền không trâu.

* Được mùa buôn vải bán vóc, mất mùa buôn thóc bán gạo.

* Khéo bán khéo mua vẫn thua người khéo nói.

* Một trăm người bán, một vạn người mua.

* Mua làm, bán không làm.

- * Mua thì thêm, chêm thì chặt.
- * Mua trâu xem sừng, mua chó xem chân.
- * Muốn giàu thì buôn bè, muốn què thì tập vật.
- * Nhiều vốn nhiều lãi, nhiều heo nái nhiều heo con.
- * Quen mặt , đắt hàng.

(Bán hàng đắt cho người quen!).

- * Rẻ tiền mặt, đắt tiền chịu.
- * Tháng năm bán trước, tháng mười buôn sau.

31) Đặc sản

- * Ai qua Phú Thọ, nhớ khoai sắn mì.

(Phú Thọ thuộc tỉnh Quảng Nam).

* Ai về Cao Lãnh, Hòa An, nhớ mua *bánh thuốc* về làng biếu cha.

(*Bánh thuốc* : một gói lớn thuốc hút bó chặt. Cao Lãnh, Hòa An thuộc tỉnh Đồng Tháp).

* Ai về Cao Lãnh thì về, nước trong gạo trắng để bè làm ăn.

(Cao Lãnh cũ thuộc tỉnh Đồng Tháp, Nam Việt).

* Ai về chợ Vạn thì về, chợ Vạn có nghề nấu rượu, có tài nuôi heo.

(Chợ Vạn thuộc huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam).

* Ai về Gia Định thì về, nước trong gạo trắng dễ bề làm ăn.

(Tỉnh Gia Định thuộc Nam Việt).

* Ai về Gò Nổi quê ta, đồng dâu xanh biếc, mỗi nhà đầy tổ.

(Gò Nổi thuộc huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam).

* Ai về Hà Tĩnh thì về, mặc lụa chợ Hạ, uống chè Hương Sơn.

* Ai về nhớ quê Trà My, nhớ tiêu Tiên Phước, nhớ mì Hội An.

(Trà My, Tiên Phước thuộc tỉnh Quảng Nam. Hội An là một thành phố cổ, thành phố lịch sử, thuộc tỉnh Quảng Nam, một địa danh du lịch nổi tiếng).

* Ai về nhớ vải Định Hòa, nhớ cau Hồ Bái, nhớ cà Đan Nê.

(Định Hòa, Hồ Bái, Đan Nê thuộc huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa).

* Ăn dừa xanh, nhớ Kỳ Hà.

(Kỳ Hà thuộc tỉnh Quảng Nam).

* Bạc vàng thì ở Bồng Miêu; Phở Nam, Phú Thượng bi ết bao nhiêu là chè.

(Phở Nam, Phú Thượng thuộc huyện Hòa Vang, tỉnh Quảng Nam).

* Bánh tráng Mỹ Lồng, bánh phồng tôm Sơn Đốc.

(Mỹ Lồng, Sơn Đốc thuộc miền tây Nam Việt).

* Biên Hoà có buổi Thanh Trà, Thủ Đức nem nướng, Diện Bà Tây Ninh.

(Buổi Thanh Trà : thường gọi là buổi Biên Hoà. Thủ Đức : quận Thủ Đức, ngoại ô thành phố Sai-Gòn; Diện Bà ở Núi Bà, tỉnh Tây Ninh).

* Bốn mùa, ta chẳng phải lo, gạo Đồng nai, vải Nghệ Tĩnh, ẩm no trọn đời.

* Cá bống Bích La, gà Trại Lộc.

(Bích La, Trại Lộc thuộc tỉnh Quảng Trị).

* Cá giếc nấu với rau câu, ăn vào một bát, lâu lâu lại thêm.

* Cá rô, chim mía, lúa trè; ai về Điện Thọ thì đi không đành.

(Điện Thọ thuộc tỉnh Quảng Nam).

* Cá tôm mua tại chợ Sinh, Triều Sơn bán nón, Bao Vinh bán đường.

(Chợ Sinh thuộc làng Lại An, tỉnh Thừa Thiên. Triều Sơn thuộc huyện Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên. Chợ Bao Vinh thuộc làng Thế Lại, huyện Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên).

* Cá tràu Vỡ Cạnh, sò huyết Thủy Triều.

(Vỡ Cạnh, Thủy Triều thuộc tỉnh Khánh Hòa).

* Cha em thợ mộc Kim Bồng, muốn em có chồng ở xứ Khánh Vân.

(Dân làng Kim Bồng làm nghề mộc, dân làng Khánh Vân làm nghề hồ).

* Chim mía Xuân Phổ, cá bóng Sông Trà.

(Xuân Phổ, Sông Trà thuộc tỉnh Quảng Ngãi).

* Chợ Dinh bán áo con trai, Triều Sơn bán nón, Mậu Tài bán kim.

(Chợ Dinh nằm bên bờ sông Gia Hội, cuối đường Chi Lăng, thuộc xã Phú Hiệp, thành phố Huế. Triều Sơn thuộc huyện Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên. Mậu Tài thuộc huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên).

* Chuối xanh nấu với ốc nhồi, tuy nước nó đục mà mùi thơm ngon.

* Cơm trì với cá rô chiên, ăn đà no bụng còn nghiền muốn thêm.

(Cơm trì : cơm nấu gạo trì).

* Củ khoai Trà Đũa cái ruột trắng xóa, thuốc lá Bến Đền khói tỏa mùi thơm.

(Làng Trà Đũa thuộc huyện Thăng Bình và làng Bến Đền thuộc huyện Đại Lộc, hai làng này thuộc tỉnh Quảng Nam).

* Duy Xuyên tỏ lựa mỹ miều, buổi mai mắc củu, buổi chiều giăng tỏ.

(Duy Xuyên thuộc tỉnh Quảng Nam).

* Đồng Nai gạo trắng nước trong, hễ ai đến đó thì không mong về.

* Đồng Tháp Mười cò bay thẳng cánh, nước Tháp Mười lóng lánh cá tôm.

(Đồng Tháp Mười thuộc Nam Việt).

* Đúc Thọ gạo trắng nước trong, ai về Đúc Thọ thông dong con người.

(Đúc Thọ thuộc tỉnh Hà Tĩnh).

* Gặp cơm Ba Thắc thơm ngon, chan *nước mắm hòn*, ăn chẳng muốn thôi.

(Ba Thắc thuộc tỉnh Hậu Giang. *Nước mắm hòn* : nước mắm Phú Quốc).

* Gói nào cho bằng gói cá kìm, dọn ra đãi bạn trọn niềm thủy chung.

* Hết gạo đã có Đồng Nai, hết củi đã có Tân Sài chỗ vô.

(Đồng Nai là tỉnh Biên Hòa. Tân Sài là một làng thuộc tỉnh Quảng Trị).

* Hồ Tịnh Tâm giàu sen bạch điệp, đất Hương Cần ngọt quít thơm cam.

(Hồ Tịnh Tâm gần cửa Hiến Nhân thành nội, thuộc thành phố Huế; làng Hương Cần thuộc tỉnh Thừa Thiên).

* Hội An có hến thường xuyên, mỗi mai mỗi bán, rẻ tiền để ăn.

* Hôm nay ăn mía Triệu Tường, đọt mắm Nam Ổ, đọt đường Phú Yên.

(Triệu Tường thuộc tỉnh Thanh Hóa. Nam Ổ là một làng nằm dưới chân đèo Hải Vân, thuộc tỉnh Quảng Nam, sản xuất nước mắm ngon có tiếng. Phú Yên là tỉnh Phú Yên, miền nam Trung Việt).

* Kẹo gương Thù Xà, mạch nha Thi Phổ.

(Thù Xà, Thi Phổ thuộc tỉnh Quảng Ngãi).

* Khoai quán Ngang, dầu tràm Đại Nại.

(Quán Ngang, Đại Nại thuộc tỉnh Quảng Trị).

* Khoai tử Trà Bát, quạt chợ Sông.

(Trà Bát, chợ Sông thuộc tỉnh Quảng Trị).

* Lụa tử Trà Kiệu, Mã Châu, đã từng có tiếng dài lâu chắc bền.

(Trà Kiệu, Mã Châu thuộc huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam).

* Măng cụt Hàm Luông vỏ ngoài nâu, trong trắng, ăn ngon hơn đường.

(Hàm Luông thuộc tỉnh Bến Tre).

* Miệt Trà My thơm ngát mùi rừng quế, nước Thu Bồn xanh bát ngát vườn dâu.

(Huyện Trà My thuộc tỉnh Quảng Nam).

* Mua vôi chợ Quán, chợ Cầu; mua cau Nam Phổ, mua trâu chợ Dinh.

(Chợ Quán thuộc huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên.

Chợ Cầu thuộc làng Phù Lương, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên.

Nam Phổ cách trung tâm thành phố Huế vào khoảng hai, ba cây số, nằm trên đường đi từ thành phố Huế đến bãi biển Thuận An.

Chợ Dinh nằm bên bờ sông Gia Hội, cuối con đường Chi Lăng, thuộc phường Phú Hiệp, thành phố Huế. Trước kia vùng này có nhiều dinh thự của các ông hoàng, bà chúa nên chợ có tên là chợ Dinh)

* Muốn ăn cá bống kho gừng, thì về Kẻ Mỹ đánh thừng cùng anh.

(Kẻ Mỹ là làng Mỹ Đà thuộc huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa).

* Muốn ăn cơm tấm canh cần, thì về Trinh Tiết chần tấm cùng anh.

(Làng Trinh Tiết thuộc huyện Mỹ Đức, tỉnh Hà Tây).

* Muốn tắm mát, lên ngọn sông đào, muốn ăn sim chín thì vào rừng xanh.

[Cây sim (cũng như cây muồng) mọc rất nhiều ở các đồi núi thấp. Vùng đồi núi thấp thuộc ba tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên có rất nhiều cây sim (và cây muồng)].

* Nam Ổ nước mắm thơm nồng, đi mô cũng nhỏ
mùi hưởng quê nhà.

(Nam Ổ nằm dưới chân đèo Hải Vân, thuộc tỉnh Quảng Nam).

* Nem chả Hòa Vang, bánh tổ Hội An, khoai lang Trà
Kiệu, thơm rượu Tam Kỳ.

(Hòa Vang, Hội An, Trà Kiệu, Tam Kỳ thuộc tỉnh Quảng Nam).

* Nem chợ Sãi, vải La Vang.

(Chợ Sãi, LaVang thuộc tỉnh Quảng Trị).

* Ngày mùa nhớ mì Quảng, nhớ dừa Tam Hải, nhớ
thơm Chiêm Đàn.

[Mì Quảng là món ăn đặc biệt của tỉnh Quảng Nam. Chiêm Đàn
thuộc thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam. Thơm (tiếng miền Trung) là
dứa (tiếng miền Bắc), là khóm (tiếng miền Nam)].

* Nhất ngon là đầu cá gáy, nhất thơm là cháy cơm
nếp.

* Nhớ dừa Quảng Hán, Lũu Khê, nhớ cơm chợ Bản,
thịt dê quán Lào.

(Quảng Hán, Lũ Khê, chợ Bản, quán Lào thuộc huyện Yên Định, tỉnh
Thanh Hóa).

* Quảng Nam có lụa Phú Bông, có khoai Trà Đũa,
có sông Thu Bồn.

* Quảng Nam nổi tiếng lòn bon, chà viên Bình Định vừa ngon vừa hiền.

* Quê nhà thổ sản lòn bon; Trước Hà, Trung Đạo núi non đẹp trùng.

(Trước Hà, Trung Đạo thuộc tỉnh Quảng Nam có nhiều cây lòn bon mọc trong rừng núi thiên nhiên).

* Thanh Hà gạch ngói đá vôi, Kim Bồng chạm trổ gỗ cây muôn đời.

(Làng Thanh Hà làm gạch ngói, làng Kim Bồng làm nghề mộc, cả hai làng này thuộc thành phố cổ Hội An).

* Thanh Hà làm gạch bắt nôi, thuốc Cẩm Lệ, máy đời lừng danh.

(Làng Cẩm Lệ thuộc huyện Hòa Vang, tỉnh Quảng Nam).

* Thấm lòng chia vị lòn bon, chè tuổi ai hái, ngát hương An Bằng.

(An Bằng thuộc huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam).

* Thấy dừa thì nhớ Bến Tre, thấy bông sen nở nhỏ đồng quê Tháp Mười.

* Thuốc An Lương hương thơm khói nhẹ, chè Hòa Hội nước đậm mùi thơm.

(An Lương, Hòa Hội thuộc tỉnh Bình Định).

* Thuốc rê Cao Lãnh thơm nồng, con gái Cao Lãnh má hồng có duyên.

(Cao Lãnh thuộc tỉnh Đồng Tháp).

* Thú nhất, nước mắm Nam Ổ; thú nhì, cá rô Xuân Thiều.

(Nam Ổ, Xuân Thiều thuộc tỉnh Quảng Nam).

* Thưởng nhau múc bát chè tuổi, làm tô mì Quảng anh xối cho ấm lòng.

* Tôm hùm Bình Ba, nai khô Diên Khánh.

(Bình ba, Diên Khánh thuộc tỉnh Khánh Hòa).

* Trái lòn bon ăn ngon đở đói, ở tận trên rừng, chúa gọi Nam Trân.

[Vua Minh Mạng khen trái bòn bòn ăn ngon, nên đặt tên là Nam Trân, tức là thức ăn quý ở phương Nam. Năm 1836, nhà vua cho khắc trái bòn bòn trên Nhân Đỉnh, một đỉnh trong chín cái đỉnh lớn (cửu đỉnh) đặt trong thành nội, cung điện nhà Nguyễn].

*Vải Quang, húng Láng, ngổ Đầm; cá rô đầm Sét, sâm cầm hồ Tây.

(vải : trái vải; húng : rau húng; sâm cầm : chim sâm cầm; Quang, Láng, Đầm, đầm Sét và hồ Tây thuộc địa phận Hà Nội).

* Yến sào Hòn Nội, vịt lội Ninh Hòa.

(Hòn Nội, Ninh Hòa thuộc tỉnh Khánh Hòa).

32) Ông Trời

* Ai bỏ cha mẹ cố hàn, ngày sau Trời phạt đứng đàng ăn xin.

* Ai mà nói dối với ai, thì Trời giáng họa cây khoai giữa đồng.

* Ai mà nói dối với chồng, thì Trời giáng họa cây hồng bồ ao.

* Bấc thang lên hỏi ông Trời có tiền cho gái có đòi được không?

* Biết cố Trời, việc đòi chẳng khó.

* Biết mệnh Trời, mười đòi chẳng khó.

* Cha mẹ sinh con, Trời sinh tính.

* Chẳng sợ gì Trời, chỉ sợ lời nói phải.

* Cửa Thiên trả cho Địa.

* Cửa Trời tám vạn nghìn tu, có phúc thì gặp, có tu thì nhờ.

* Cửa Trời tám vạn nghìn tu, hễ ai có phúc thì Trời ban cho.

* Cửa Trời, Trời lại lấy đi, giường hai mắt ết làm chi được Trời.

[Ết (tử cổ) : con ếch].

* Đã sinh ra kiếp làng chài, thì Trời lại đọa vào nơi không tiền.

* Đừng lo cái áo cụt tay, Trời mà ngó lại vá may mấy hồi.

* Ghét của nào Trời trao của đó.

* Ngán cổ bé miệng kêu chẳng thấu Trời.

* Ngán tay với chẳng tới Trời.

* Người dự tính, Trời quyết định.

(Việt-hóa tục ngữ Pháp: "*L'homme propose, Dieu dispose*").

* Nhờ ơn cô bác giúp lời, chị em giúp của, ông Trời định đời.

* Ở hiền thì lại gặp lành, áo rách tan thành, Trời vá lại cho.

* Ở hiền thì lại gặp lành, những người nhân đức Trời dành phúc cho.

* Phí của Trời, mười đời chẳng có.

* Phụ người, Trời phụ; thưởng người, Trời thưởng.

* Trời cho hơn lo làm.

- * Trời đánh tránh bữa ăn.
 - * Trời không dung, Đất không tha.
 - * Trời nào có dong kẻ gian, có oán người ngay.
 - * Trời nào có phụ ai đâu, hay làm thì giàu, có chí thì nên.
 - * Trời quả báo ăn cháo gãy răng.
 - * Trời sao Trời ở chẳng cân, người ba bốn vợ, người không vợ nào.
 - * Trời sao Trời ở chẳng cân, người ăn không hết, kẻ mần không ra.
 - * Trời sinh Trời dưỡng.
 - * Trời sinh voi, Trời sinh cỏ.
 - * Xối lỗi Trời gỏi của cho, so đo Trời gò của lại.
 - * Xưa nay nhân định thắng Thiên cũng nhiều.
- (*Truyện Kiều*, Nguyễn Du).

33) Tướng

- * Cả vú to hông, cho không chẳng màng.

- * Cái mồm toác hoác, chẳng ác cũng thâm.
- * Chũ tốt xem tay, ngựa hay xem xoáy.
- * Con gái giống cha giàu ba họ, con trai giống mẹ khó ba đời.
- * Con gái giống cha giàu ba đụn, con trai giống mẹ khó lụn tạn xướng.
- * Cong môi hay nói hốt, trốt môi hay hờn, dày môi ăn vụng.
- * Dũ như tê giác, ác như đàn bà mắt tráo trúng.
- * Đàn bà lạnh lạnh tiếng đồng; một là sát chồng, hai là sát con.
- * Đàn bà mắt lươn hai chồng, đàn ông mắt điều hai vợ.
- * Đàn bà môi mỏng, đàn bà dữ; đàn ông môi mỏng, đàn ông thâm.
- * Đàn bà sang sang tiếng đồng, chẳng vất vả về đường chồng cũng vất vả về đường con.
- * Đàn bà tốt tóc thì sang, đàn ông tốt tóc thì mang nặng đầu.

* Đàn ông rộng miệng có tài, đàn bà rộng miệng đi ếc tai lảng giềng.

* Đàn ông rộng miệng thì sang, đàn bà rộng miệng tan hoang cửa nhà.

* Đất rắn trồng cây ngẩng nghiu, những người thô thấp nói điều phàm phu.

* Đất tốt trồng cây rậm rà, những người thanh lịch nói ra dịu dàng.

* Đầu óc ngu si, tứ chi phát triển.

* Đi đứng hấp tấp là tướng vất vả.

* Đi đứng thông thả là tướng an nhàn.

* Đi đứng vững vàng là tướng phúc hậu.

* Gà rừng chim cú chó nuôi, râu rìa lông ngực chó chơi bạn cùng.

* Gái thâm môi, trai lồi mắt.

(Tướng xấu).

* Heo kia trắng mắt thì nuôi, người mà trắng mắt là người bất nhân.

* Khao khao giọng thể tiếng đồng, quăn quăn tóc trán là dòng hay ghen.

* Khô chân, gân mặt đất tiền cũng thuê.

(Tướng mạo của kẻ làm công).

* Lụa tốt xem biên, người hiền xem tướng.

* Má bánh đúc, da đường phèn.

(Tướng mạo của người kém thông minh, nhẹ dạ).

* Mắt trắng dã, môi thâm sì.

(Người độc ác).

* Mặt dày mày dạn.

* Mặt rỗ tổ ghen.

* Mỏng môi hay nói hớt, trớt môi hay nói thừa.

* Mông nở, chân dài, bao nhiêu trai tráng cũng không đủ dùng !

* Người khôn con mắt đen sì, người dại con mắt nửa chì nửa thau.

* Nhất có râu, nhì bầu bụng.

* Nhất lé, nhì lùn, tam hô, tứ sún.

* Những cô béo trực béo tròn; ăn vụng như chớp, đánh con cả ngày.

* Những cô cặp mắt lá răm, chân mày lá liễu, đáng
trăm quan tiền.

* Những cô thắt đáy lưng ong, đã khéo chiều
chồng, lại khéo nuôi con.

* Những người chưa nói đã cười, chưa đi đã chạy là
người vô duyên.

* Những người da trắng, tóc dài, đẹp thì đẹp thật
nhưng thừa việc làm.

* Những người mặt nạc đóm dày, mo nang trôi sấp,
biết ngày nào khôn.

* Những người phình phính mặt mo; chân đi chữ bát
thì cho chẳng thềm.

* Những người tí hí mắt lươn, trai thì gian trá, gái luôn
gạt chồng.

* Những người ti hí mắt lươn, trai thì trộm cướp, gái
buôn chồng người.

* Nốt ruồi ở bụng, đẻ con tiến sĩ.

* Nốt ruồi ở cổ, có lỗ tiền chôn.

* Nốt ruồi ở mắt, giọt lệ đường tình.

- * Nốt ruồi ở tai, con tài hết nhẽ.
- * Nốt ruồi ở tay, ăn vay cả đời.
- * Nốt ruồi ở vú, đẻ con tú tài.
- * Nốt ruồi son ở cổ, có một lỗ vàng chôn.
- * Nửa người, nửa ngợm, nửa đười ươi.
- * Quân tử lông chân, tiểu nhân lông bụng
- * Răng hô, mắt xếch, mũi hếch, tai bành.
- * Răng thưa nói hớt, trề môi nói thừa.
- * Răng thưa nói hớt, trớt môi hay hờn.
- * Rậm râu sâu mắt, đất tiền cũng thuê.

(Tuổi mạo người đàn ông khỏe mạnh, làm việc cần cù).

* Thà rằng chịu lạnh năm không, còn hơn lấy gái lẹm cầm răng hô.

* Trông mặt mà bắt hình dong.

* Vô duyên chưa nói đã cười, chưa đi đã chạy là người vô duyên.

34) SỐ

* Bốn chín chưa qua, năm ba đã đến.

(Hai năm 49 tuổi và 53 tuổi là hai năm hạn : đau ốm hay chết chóc).

* Cây khô tưới nước cũng khô, phận nghèo đi tối nói mô cũng nghèo.

* Chẳng qua cái số long đong; cột trâu trâu số, cột tròng tròng trôi.

* Chữa được bệnh, không chữa được mệnh.

* Duyên sao các cố hồi duyên, cầm guồng guồng tối, cầm vàng vàng phai.

* Đức năng thắng số. (Có đức mặc sức mà ăn).

* Gánh cực mà đổ lên non, cong lưng mà chạy, cực còn theo sau.

* Giàu có mạng, sang có số.

* Giàu giờ Ngọ, khó giờ Mùi.

(Sinh giờ ngọ thì giàu, sinh giờ mùi thì nghèo).

* Giàu sang có số, ăn cỗ có phần.

* Giàu tại phận , khó tại duyên.

* Học tài, thi phận.

* Khi nên vung vãi cũng nên, khi suy dù khéo giữ gìn cũng suy.

* Làm quan có mả, làm cả có dòng.

* May mắn gặp duyên, chẳng may gặp nợ.

* May mắn gặp được kim vàng, chẳng may gặp phải kim gang, kim chì.

* Mỗi người một nợ cầm tay; đời xưa nợ vợ, đời nay nợ chồng.

* Phải duyên phải số sống cùng, dầu mà áo vải cơm rau cũng đành.

* Số giàu, lấy khó cũng giàu; số nghèo, chín đụn mười trâu cũng nghèo.

* Số giàu nó đến dửng dưng, lọ là thức sớm làm khuya mới giàu.

* Số giàu trông lau ra mía, số nghèo trông củ tía ra củ nâu.

* Số lao đao, có sao chịu vậ; số ăn mày, bị gậy phải mang.

* Tối mặt tối mày, không tà tốt số.

* Tốt số hơn bố giàu.

* Tốt số hơn lấy chồng giàu.

* Vợ chồng cùng tuổi năm duỗi mà ăn.

35) Mê tín dị đoan

* Bốc thí giờ Thìn, ăn xin giờ Tỵ.

* Bốc mả kiêng ngày *trùng tang*, trồng lang kiêng ngày gió bắc.

(*trùng tang*: có hai hay nhiều tang trong một ngày).

* Chỗ đi ngày bảy, chỗ về ngày ba.

* Được bạc thì sang, được vàng thì xúi.

* Gà trống mà gáy đầu hôm, ắt có con gái không chồng chửa hoang.

* Mèo đến nhà thì khó, chó đến nhà thì giàu.

* Mồng năm, mười bốn, hăm ba; đi chơi cũng lố hướng là đi buồn.

* Nhện đen đất hàng, nhện vàng đem tin.

* Nhện đen phải bị mắng, nhện trắng được ăn ngon.

* Nhện đen sa thì bị mắng, nhện vàng sa thì may mắn, nhện trắng sa thì phải đòn.

* Nhện sa, xà đón.

(Gặp nhện sa là điềm không may, gặp rắn bò là điềm may mắn).

* Ra ngõ gặp gái, mọi cái mọi xui; ra ngõ gặp trai, vừa may vừa mắn.

* Thần cây đa, ma cây gạo, cú cáo cây đề.

* Thổ công là cha, chủ nhà là con.

* Thú nhốt đom đóm vào nhà, thú nhè chuột rúc, thú ba hoa đèn.

(Điềm tốt lành).

* Trâu trắng đến đâu, mất mùa đến đấy.

36) Giếu cột, hài hước

* Ai ơi, chơi lấy kẻ già; mắng mọc có lúa, người ta có thì.

* Anh có tiền riêng cho em mượn ít đồng; mua gan công, mật cóc, em thuốc chông, theo anh.

* Anh đánh thì tôi chịu đòn, tánh tôi hoa nguyệt mười con chẳng chữa.

* Áo người mặc đoạn cỏi ra, chồng người cho mượn canh ba lại hoàn.

* Ba đồng một chục đàn ông, đem về ta bỏ vào phòng ta chơi.

* Ba đồng một mớ đàn ông, đem bỏ vào lồng cho kiến nó tha.

* Ba trăm một mụ đàn bà, đem về mà trái chiếu hoa cho ngồi.

* Bà già tuổi đã tám tư, ngồi bên cửa sổ, viết thư tìm chồng.

* Bận cười thì mặc bận cười, tháng năm đi cưới, tháng mười có con.

* Bảy mươi, mười bảy bao xa; bảy mươi có của, mười ba cũng vừa.

* Bắt ông Tô mà đánh ba hèo, ông xe nam xe bắc, chê tôi nghèo không xe!

* Bóng trăng khi khuyết khi tròn, của đời chơi mãi có mòn được đâu !

* Bướm bướm mà đậu cành hồng, đã yêu cô chị lại bông cô em.

* Càng già càng dẻo càng dai, càng rách chiếu
gấm, càng xiêu chân giường.

* Chập chập rồi lại cheng cheng, con gà trống thi
ến dành riêng cho thầy.

* Chính chuyên lấy được chín chồng, vo viên bỏ lọ
gánh gồng đi chơi.

* Chồng còng lấy vợ cũng còng, nằm phản thì
chật, nằm nong thì vừa.

* Chồng hen lấy vợ cũng hen, đêm nằm cổ cứ như
kèn thổi đôi.

* Chồng nóng thì vợ nên dùi, chồng nóng vợ nóng
đùi-cui nó mềm.

* Chồng ta áo rách ta thương, chồng người áo
gấm, ta thương hơn nhiều!

* Chuột kêu chút chít sau hè, anh đi cho khéo, đừng
giường mẹ nghe.

* Chũ trình đáng giá ngàn vàng, từ anh chồng cũ đ
ến chàng là năm.

* Có chồng càng dễ chơi ngang, đẻ ra con thiếp,
con chàng con ai.

* Có chồng thì mặc có chồng, ở đây vắng vẻ tỏ hồng cú xe.

* Có chồng thì mặc có chồng, ta đi chơi trộm kiếm đồng mua rau.

* Có duyên lấy được chồng già, ăn xôi bỏ cháy, ăn gà bỏ xương.

* Có phúc lấy được vợ già, ra đường người hỏi dẫn mẹ già đi mô ?

* Con cóc lặn lội bờ ao, muốn lấy vợ đẹp nhưng không có tiền.

* Con ơi, học lấy nghề cha, một lần ăn trộm bằng ba năm cần cù.

* Con sóc hay trèo cành nhỏ, anh kia không vợ hay mò đi đêm.

* Còn duyên anh cưới ba heo, hết duyên anh đánh ba heo đuổi đi.

* Dao đâm thịt thì thịt đau, thịt mà đâm thịt nhớ nhau suốt đời.

* Đàn ông như thể cái nơm, bạ đâu úp đấy, không chừa lỗ mô.

* Đàn ông rửa chén quét nhà, vợ gọi thì dạ: "Bẩm bà tui đây".

* Đêm nằm vuốt bụng thổ dài, thương chồng thì ít, thương trai thì nhiều.

* Đi đâu mà chẳng lấy chồng, người ta lấy hết chồng mông mà gào.

* Đi tu thì phải ăn chay, thịt chó ăn được, thịt cày đừng ăn.

* Đóm xôi thì đóm cho đầy, đóm mà với đĩa thì thày không ưa !

* Gà tổ nấu với muối già, vợ hai mươi mốt, chồng đà sáu mươi.

* Gái chính chuyên lấy được chín chồng, trở về đóng cửa làm cao chúa chồng.

* Gái đầu có gái lạ đời, chỉ còn thiếu một ông Trời không chim.

* Gái đầu có gái lạ lòng; chồng chẳng nằm cùng, nổi giận dùng dùng ném chó xuống ao.

* Gàn chùa gọi Bụt bằng anh, thấy Bụt hiền lành bế Bụt đi chơi.

* Hai tay cầm hai quả hồng, trái chát phần chồng, trái ngọt phần trai.

* Không chồng mà chữa mới ngoan, có chồng mà chữa thế gian sự thường.

* Làm thân con gái phải lo, mùa đông rét mướt ai cho mượn chồng !

* Lẳng lơ cho rách yếm ra, về nhà mẹ hỏi, yếm thông hoa không bền.

* Lẳng lơ đâu chỉ mình tui, lấy chồng tháng chín, tháng mười có con.

* Lẳng lơ đeo nhẫn chẳng chữa, nhẫn thì rơi mất, lẳng lơ thì còn.

* Lẳng lơ mới có con bông, nhu mì như chị năm không cả đời.

* Lấy anh anh sắm đồ cho; sắm bị, sắm gậy, sắm mo đuổi ruồi.

* Lấy bà thời phải nuôi bà, không thời bà bán cột nhà bà ăn.

* Lấy chồng chẳng thiết mặt chồng, đêm nằm mở tủng củ khoai môn ông lảng giềng.

* Lấy ông thời phải nuôi ông, không thời ông bới tổ tông cả nhà.

* Mẹ úa cấy lúa chóng xanh, nạ dòng chóng đẻ, sao anh hững hờ.

* Mẹ cha thằng bảo tao già, năm nay tám mốt vẫn còn khỏe cỏ.

* Mẹ ơi, con đã ngựa nghè. - Cha tổ bố mày ! mày giống tính tao !

* Mẹ ơi, con muốn lấy chồng. - Con ơi, mẹ cũng một lòng như con.

* Mẹ ơi, con đã có thai. - Con ơi, mẹ cũng được vài tháng nay.

* Mẹ ơi, con đẻ hôm nay. - Con ơi, mẹ cũng đẻ ngay bây giờ.

* Một đêm tám chín trai vào; lòng ta nhân đức, anh nào ta cũng cứng.

* Mù-u ba lá mù-u; vợ chồng cãi lộn, con cu giải hòa.

* Muốn ăn cơm ngon, lấy con bà đi mót lúa; muốn ăn canh ngọt, lấy cháu bà bắt cua.

* Nàng dâu để chế mụ gia, bện quần lãnh trắng lại tra lũng điều.

* Năm con năm nhỏ, mười vợ mười thưởng.

* Người đứng ỏi hỏi người đứng, không đụng vào lửa sao phỏng bụng lên.

* Nực cười thầy bói soi gương, thầy tu chải chí, cá mường hóa rồng.

* Rập rình nước chảy qua đèo, bà già tấp tễnh mua heo cưới chồng.

* Sá chi một nải chuối xanh, năm bảy người giành cho mú dính tay.

* Số cô chẳng giàu thì nghèo, ba mươi Tết có thịt treo trong nhà.

* Số cô có mẹ có cha; mẹ cô đàn bà, cha cô đàn ông.

* Số cô có vợ có chồng, sinh con đầu lòng chẳng gái thì trai.

* Ta rằng ta chẳng có ghen, chồng ta ta giữ, ta ghiền ta chơi.

* Tất đèn, đàn bà nào cũng đẹp.

- * Tắt đèn, nhà tranh cũng như nhà ngói.
- * Tắt đèn, trắng cũng như đen.
- * Thuận vợ thuận chồng, con đông quá mệt.
- * Tối trời lửa tắt, cơm sôi; heo kêu, con khóc, chồng đòi tòm tem.
- * Trăm năm, trăm tuổi, trăm chồng; hễ ai có bạc thì bồng trên tay.
- * Trăm năm, trăm tuổi, trăm chồng, phải duyên thì lấy, chẳng ông tổ hồng nào xe.
- * Trắng lên như nhú đầu non, số em là số sớm con muộn chồng.
- * Trong đêm tối, cú cũng như tiên.
- * Vai mang bức tượng thờ chồng, thấy trai khỏe mạnh nước mắt hồng tuôn rơi.
- * Văng Sao Hôm có Sao Mai, chồng em đi vắng có tui ở nhà.
- * Vô duyên lấy phải chồng già, ra đường người hỏi rờng cha hay chồng ?

* Vô duyên lấy phải vợ già, ăn cơm phải đút : "Bầm
bà nuốt đi".

* Xấu như ma nhưng là con gái !

* * *